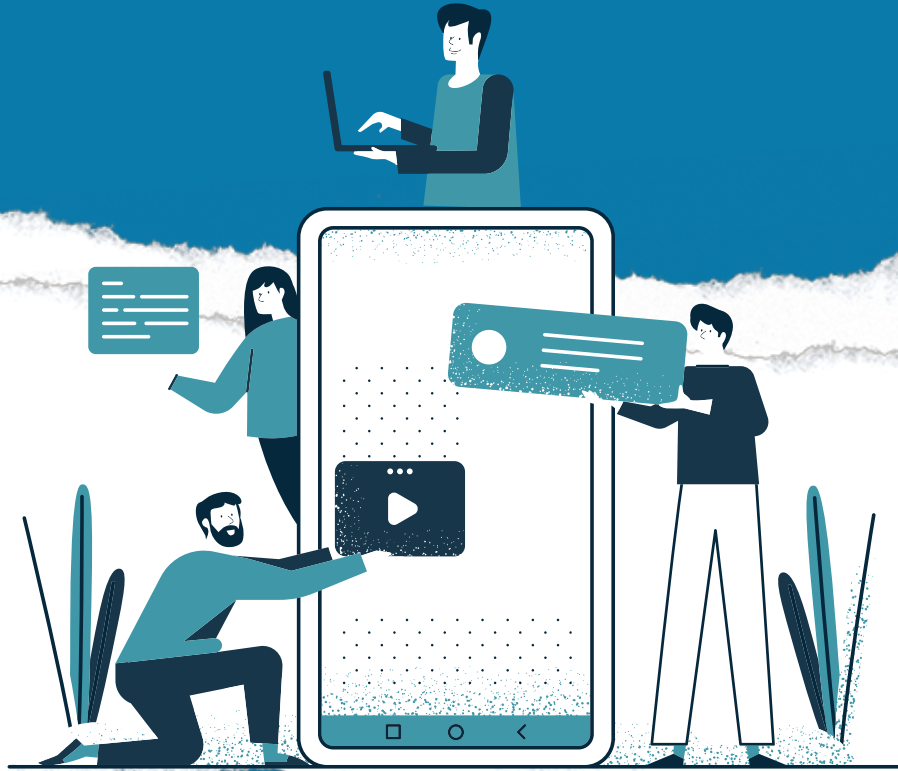




TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
KHOA LUẬT DÂN SỰ

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP



Thừa Thiên Huế, tháng 10 năm 2022

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

BAN CHỈ ĐẠO

1. TS. Hoàng Thị Hải Yến, Trưởng Khoa Luật Dân sự, Trưởng ban;
2. TS. Hồ Thị Vân Anh, Phó Trưởng Khoa Luật Dân sự, Phó Trưởng ban;
3. TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Trưởng Bộ môn Luật Tố tụng dân sự - Tư pháp quốc tế.

BAN CHUYÊN MÔN

1. TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Trưởng Bộ môn Luật Tố tụng dân sự - Tư pháp quốc tế;
2. TS. Nguyễn Thị Lê Huyền, Trưởng Bộ môn Luật Dân sự;
3. TS. Vũ Thị Hương, Phó Trưởng Bộ môn Luật Tố tụng dân sự - Tư pháp quốc tế;
4. ThS. Phan Thị Hồng, Trợ lý nghiên cứu khoa học Khoa Luật Dân sự, Giảng viên Khoa Luật Dân sự;
5. ThS. Đỗ Thị Diễm, Giảng viên Khoa Luật Dân sự.

BAN TRUYỀN THÔNG – BIÊN TẬP

1. GV. Lê Thị Diệu Chi, Giảng viên Khoa Luật Dân sự;
 2. GV. Nguyễn Văn Phúc, Giảng viên Khoa Luật Dân sự;
 3. SV. Nguyễn Trọng Bảo Ngọc, K45H LKT;
 4. SV. Hà Xuân Anh Minh, K45L LKT;
- Cùng với các thành viên của BCH LCD – LCH KLDS, CLB Pháp ngữ.

MỤC LỤC

1. BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH CÁ NHÂN ĐĂNG TẢI TRÊN MẠNG XÃ HỘI	1
Lê Đình Bảo; Nguyễn Thị Thu Hiền	
2. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI TIKTOK ĐẾN HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY	13
Bùi Văn Chí; Võ Văn Chê; Nguyễn Hoài Linh; Cao Thị Huyền; Huỳnh Thị Thanh Nga	
3. KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP TIẾP CẬN THEO PHƯƠNG PHÁP BIKER	22
Trần Văn Dũng	
4. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	31
Trần Thị Dịu; Trần Thị Thu Hiền; Lê Thị Thảo Nguyên	
5. PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HÙNG BIỆN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ	39
Nguyễn Thị Hà	
6. XÂM PHẠM NHÃN HIỆU TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	50
Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	
7. XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI TISC TẠI CÁC VIỆN/TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	58
Lê Thị Thu Hoài; Trần Thị Trang; Lê Thị Thu Hoài	
8. QUYỀN BỀ MẶT THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM VÀ NHỮNG HẠN CHẾ	66
Nguyễn Thị Thùy Thương; Nguyễn Chí Thanh; Hà Thúy Lương; Nguyễn Hoài Linh	
9. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH	72
Lê Đình Thanh; Võ Thị Thủy Tiên; Trịnh Thị Liên Tâm; Nguyễn Phạm Hoàng Anh	
10. NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG ANH PHÁP LÝ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA VÀ NHU CẦU NHÀ TUYỂN DỤNG	82
Nguyễn Thị Thanh Trà; Nguyễn Thị Thùy Thương; Hà Thúy Lương; Nguyễn Hoài Linh	
11. NÂNG CAO PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG HIỆN NAY	94
Mai Thị Ngọc Trinh; Đinh Thị Thùy Dương; Hoàng Thị Phương Anh	
12. KẾT HÔN ĐỒNG TÍNH THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ CỘNG HÒA PHÁP VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN KẾT HÔN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG GIỚI TÍNH	102
Lê Bá Trường; Trần Thị Hương	

BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH CÁ NHÂN ĐĂNG TẢI TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Lê Đình Bảo*

Nguyễn Thị Thu Hiền**

Tóm tắt: Đăng tải hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội ngày nay là việc làm rất phổ biến, nhưng không biết rằng điều này có thể vi phạm pháp luật. Nhất là tình trạng đăng tải, sử dụng hình ảnh cá nhân của người khác trên mạng xã hội một cách tùy tiện, trái phép, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể. Quyền tác giả của mỗi con người đối với hình ảnh cá nhân của mình được pháp luật tôn trọng, bảo vệ bằng công cụ pháp luật. Vì vậy, bài viết tập trung vào các vấn đề chính (1) tìm hiểu các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên trang mạng xã hội; (2) các trường hợp sử dụng hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội; (3) thực tiễn xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân trên trang mạng xã hội; (4) từ đó, đánh giá những khó khăn, bất cập và đưa ra giải pháp bảo vệ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên các trang mạng xã hội hiện nay.

Từ khóa: Bảo hộ quyền tác giả, hình ảnh cá nhân, mạng xã hội, sở hữu trí tuệ.

1. Đặt vấn đề

Thời đại kỹ thuật số 4.0 là một môi trường để chúng ta có thể tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng và chính xác, đáp ứng nhu cầu cơ bản, thiết yếu nhất của con người. Hình ảnh do chính tác giả sáng tạo ra bằng công sức của mình, kể cả trong trường hợp tác giả đồng thời hoặc không đồng thời là chủ sở hữu, đã đăng ký bảo hộ hay chưa thì chủ sở hữu luôn có quyền tác giả đối với tác phẩm của mình. Nếu hình ảnh bị một bên thứ ba sử dụng mà chưa được sự cho phép thì đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm đang sử dụng.

Như vậy, các hình ảnh được đăng tải trên các trang mạng xã hội được bảo hộ quyền tác giả, và cách thức ngăn chặn, cũng như các biện pháp xử lý nếu có hành vi vi phạm được áp dụng như thế nào. Bài viết nhóm tác giả sẽ tiến hành phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm bảo vệ quyền tác giả đối với những hình ảnh được đăng tải trên mạng xã hội.

2. Quy định của pháp luật về bảo hộ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội

2.1. Quy định Bộ Luật Dân sự năm 2015

Quyền của cá nhân đối với hình ảnh là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ. Căn cứ Điều 32 Bộ luật Dân sự năm 2015 (quy định về việc bảo vệ Quyền của cá nhân đối với hình ảnh) theo đó, người có hành vi tự ý chụp ảnh, quay và sử dụng hình ảnh mà không có sự đồng ý của người khác nếu xâm

* Sinh viên lớp K44B ngành Luật học, trường Đại học Luật - Đại học Huế.

** Sinh viên lớp K44A Luật học, trường Đại học Luật - Đại học Huế.

phạm đến nhân phẩm, danh dự của người đó thì được coi là hành vi vi phạm pháp luật. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý, và nếu vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh.

Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ chỉ áp dụng với trường hợp vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích cộng đồng hoặc được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác; mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh. Ngoài ra, luật cho phép người bị xâm phạm có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh và bồi thường thiệt hại, kể cả với trường hợp sử dụng trái phép cho mục đích phi lợi nhuận. Quyền cũng này được Hiến pháp thể hiện thông qua các quyền được tôn trọng, quyền được sử dụng, quyền được bảo vệ khi bị xâm phạm: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.v.v...”¹

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện hành thì việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Tuy nhiên, vẫn có trường hợp ngoại lệ là khi sử dụng hình ảnh của cá nhân không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ trong trường hợp hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng hoặc hoạt động công cộng khác. Qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành chưa có quy định cụ thể nào khái niệm rõ thế nào là sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng hoặc hoạt động công cộng khác. Từ đó, khi xảy ra tranh chấp thì rất khó để xác định có hành vi xâm phạm quyền nhân thân đối với hình ảnh hay không? Vì vậy, cần phải có quy định cụ thể về vấn đề “bảo hộ” đối với hình ảnh cá nhân để mọi người có thể dễ dàng tiếp cận và nắm bắt, đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể khi tham gia vào các mối quan hệ liên quan. Và vấn đề này được quy định cụ thể trong Luật Sở hữu trí tuệ.

2.2. Quy định Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành²

Trước khi đi vào cụ thể như thế nào là bảo hộ quyền tác giả thì chúng ta hiểu ý nghĩa của việc vì sao phải cần có bảo hộ quyền tác giả:

Thứ nhất, Bảo hộ quyền tác giả nhằm hướng tới một cộng đồng tôn trọng “tài sản trí tuệ”³ và chỉ có ý nghĩa nếu người sáng tạo thực sự được tôn trọng các quyền về mặt tinh thần, quyền về mặt kinh tế, được hưởng các lợi ích được khai thác từ chính tác phẩm của mình.

¹ Điều 21, Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

² Bài viết nhóm tác giả đề cập đến Luật sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019 và 2022

³ Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành - Tài sản trí tuệ là những sản phẩm do trí tuệ con người sáng tạo, ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây là một loại của tài sản vô hình, không xác định được bởi đặc điểm vật chất của chính nó nhưng lại có giá trị lớn vì có khả năng sinh ra lợi nhuận.

Thứ hai, Bảo hộ quyền tác giả là công cụ hữu hiệu nhất nhằm khuyến khích, làm giàu và phổ biến di sản văn hoá quốc gia và văn hoá của nhân loại. Để tạo điều kiện cho công dân phát huy được tài năng trong việc sáng tạo những tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học có giá trị, Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ đều có những quy định nhằm giải phóng mọi năng lực sáng tạo trí tuệ của mỗi cá nhân. Các quyền nhân thân và các quyền tài sản của tác giả, của chủ thể quyền liên quan và của chủ sở hữu quyền tác giả ở Việt Nam được pháp luật bảo đảm thực hiện.

Thứ ba, Bộ luật Dân sự cùng Luật sở hữu trí tuệ quy định về quyền tác giả là cơ sở pháp lý bảo vệ quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Tạo điều kiện cho tác giả, chủ thể quyền liên quan có ý thức và trách nhiệm sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình khoa học có chất lượng về nội dung và nghệ thuật cao phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và phát triển khoa học, công nghệ của đất nước trong thời kì đổi mới. Những quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, Bộ luật Dân sự về quyền tác giả là hành lang pháp lý để cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, bảo đảm quyền bình đẳng của cá nhân, tổ chức, và loại trừ những hoạt động văn hoá không lành mạnh làm tổn hại đến lợi ích, văn hoá truyền thống của dân tộc. Những quy định của pháp luật thực định về quyền tác giả đã tạo ra những cơ hội cho mỗi cá nhân thực sự có tài năng phát huy được năng khiếu của mình, để cống hiến cho dân tộc, cho nhân loại những tác phẩm đậm nét nhân văn phục vụ mục tiêu bình đẳng, bác ái và hợp tác vì sự phát triển chung trong thời kì khoa học, công nghệ trên thế giới phát triển không ngừng.

Do đó bảo hộ quyền tác giả có ý nghĩa quan trọng của chế định bảo hộ quyền tác giả trước hết là bảo hộ quyền công dân khi họ tham gia vào hoạt động sáng tạo nhằm khuyến khích nhân dân tham gia, sáng tạo ngày càng nhiều tác phẩm có giá trị. Tạo nên một nền kinh tế tri thức lành mạnh, thúc đẩy sự phát triển của nền công nghiệp không khói này; bảo vệ quyền và lợi ích cho những chủ thể sáng tạo, xử lý những hành vi xâm phạm quyền tác giả và bảo đảm công bằng giữa lợi ích của công dân và lợi ích của xã hội.⁴

Như vậy, Bảo hộ quyền tác giả là “Tổng hợp chế định pháp lý nhằm bảo hộ bằng pháp luật quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm đối với toàn bộ hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.”⁵ Nghĩa là các tác phẩm, hình ảnh được bảo hộ là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Pháp luật Việt Nam công nhận cho người sáng tạo tác phẩm hai nhóm quyền cơ bản: quyền nhân thân và quyền tài sản. Bảo hộ là việc ghi nhận và đảm bảo cho ai đó hoặc cái gì đó trong tình trạng an toàn. Bảo hộ là “che chở, không để bị tổn thất”. Như vậy, bảo hộ quyền tác giả là những hành động mang tính chất che chở quyền tác giả nhằm không để xảy ra tổn thất về vật chất, tinh thần.⁶

⁴ Luật Hoàng Anh, “Khái niệm bảo hộ quyền tác giả và ý nghĩa bảo hộ quyền tác giả” [<https://luathoanganh.vn/tu-van-so-huu-tri-tue/khai-niem-bao-ho-quyen-tac-gia-va-y-nghia-bao-ho-quyen-tac-gia-lha97.>], truy cập ngày 09 tháng 9 năm 2022;

⁵ Ngân hàng pháp luật, “Bảo hộ quyền tác giả là gì?” [<https://nganhangphapluat.lawnet.vn/tu-van-phap-luat/so-huu-tri-tue/bao-ho-quyen-tac-gia-la-gi-124046>], truy cập ngày 09 tháng 9 năm 2022.

⁶ Tìm đọc thêm khái niệm bảo hộ quyền tác giả tại giáo trình luật sở hữu trí tuệ, trường Đại học Luật - Đại học Huế, NXB Đại học Huế năm 2018, trang 57.

Thêm vào đó pháp luật sở hữu trí tuệ đã có những quy định chi tiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm cụ thể tại Điều 14 luật sở hữu trí tuệ hiện hành quy định các loại hình tác phẩm theo sẽ được bảo hộ quyền tác giả trong đó có tác phẩm nhiếp ảnh cũng là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả khi hình ảnh đăng tải với mục đích thương mại sẽ được pháp luật sở hữu trí tuệ bảo vệ. Theo đó, tác phẩm nhiếp ảnh là “Tác phẩm thể hiện hình ảnh của thế giới khách quan trên vật liệu bắt sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra, hay có thể được tạo ra bằng bất cứ phương pháp hoá học, điện tử hoặc phương pháp khác”.⁷ Từ đó, cho ta thấy được công nghệ số đã cho thấy sự phát triển và thay đổi thật đáng kể, dần cho phép chúng ta sử dụng dữ liệu số để biểu diễn cũng như lưu trữ mọi tư liệu được thể hiện dưới hình thức đồ thị, không gian hai chiều (bằng các đường nét, hình ảnh, v.v...) và âm thanh. Do đó việc thể hiện các tác phẩm dưới dạng dữ liệu số và đưa lên mạng xã hội ngày càng phổ biến. Với tính chất lan tỏa rất nhanh và rộng rãi của mạng xã hội, dễ thấy vấn đề bảo hộ quyền tác giả trên môi trường này khá phức tạp, đã và đang gặp rất nhiều khó khăn, thách thức.

3. Các trường hợp sử dụng hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội

3.1. Trường hợp ngoại lệ sử dụng hình ảnh cá nhân

Không phải mọi trường hợp sử dụng hình ảnh cá nhân của người khác là vi phạm pháp luật. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc sử dụng hình ảnh cá nhân không cần phải xin phép mà có số trường hợp ngoại lệ, căn cứ theo quy định tại Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành năm 2022 có những trường hợp ngoại lệ không cần phải xin phép chủ sở hữu đối với hình ảnh đó điều đó càng thể hiện rõ hơn ở tiết học tư tưởng Hồ Chí Minh tại trường Đại học Luật - Đại học Huế khi giảng viên trình chiếu các slide có chứa ảnh lãnh tụ, Danh nhân Văn hóa thế giới để phục vụ cho mục đích giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho sinh viên điều này thuộc trường hợp ngoại lệ không vi phạm đối với hình ảnh cá nhân vì không nhằm mục đích thương mại hay bôi nhọ mà là phục vụ mục đích giảng dạy, nghiên cứu được quy định cụ thể tại Điểm a, Khoản 1, Điều 25 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

Trường hợp sử dụng hình ảnh cá nhân của Đại biểu kèm theo lý lịch để đăng công khai trên mạng xã hội, báo đài, phát thanh vận động bầu cử để cử tri tín nhiệm bầu ra những người có đức, có tài xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân trong trường hợp này cũng được xem là trường hợp ngoại lệ không xâm phạm đến hình ảnh cá nhân, không xâm phạm đến danh dự và nhân phẩm của các đại biểu. Pháp luật cho phép về vấn đề này mà không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ trong một số trường hợp, bao gồm: hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh (khoản 2 Điều 32 Bộ luật Dân sự 2015) và

⁷ Điều 14, Nghị định 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

tất nhiên những trường hợp không thuộc các trường hợp ngoại lệ được quy định tại Điều 25, 25a trong Luật Sở hữu trí tuệ 2022 mà thực hiện hành vi dưới mọi hình thức thì được coi là hành vi sử dụng hình ảnh cá nhân xâm phạm quyền tác giả.

3.2. Sử dụng hình ảnh cá nhân xâm phạm quyền tác giả

Trong bối cảnh các trang mạng xã hội phát triển mạnh mẽ như hiện nay với nhiều ứng dụng có đến hàng triệu người dùng (Facebook, Instagram, Twitter, v.v...) thì hình ảnh của cá nhân bị xâm phạm, bị sử dụng bất hợp pháp một cách tràn lan và ngay cả cá nhân có hình ảnh cũng như cá nhân vi phạm đều thường không có ý thức về hành vi của mình.

Hiện nay, việc sử dụng hình ảnh cá nhân nhằm mục đích thương mại ngày càng phổ biến: đặc biệt là sử dụng hình ảnh của người nổi tiếng để quảng cáo sản phẩm hàng hóa, quảng cáo dịch vụ; đặc biệt trong lĩnh vực thẩm mỹ hoặc gắn hình ảnh với bất kỳ hành vi phát sinh lợi nhuận một cách hợp pháp nào khác.

Đơn cử như một trang bán hàng trực tuyến đã tự ý sử dụng hình ảnh của anh Nguyễn Văn V để quảng cáo cho những mặt hàng nhạy cảm. Việc làm này của họ đã khiến anh V bị khủng hoảng tâm lý nghiêm trọng vì bạn bè, đồng nghiệp dị nghị, đàm tiếu. Như vậy theo quy định của pháp luật liên quan thì chúng ta thấy được vấn đề pháp lý nảy sinh khi hình ảnh cá nhân bị đánh cắp và sử dụng vào mục đích xấu, gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của chủ sở hữu. Do đó bảo hộ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên các trang mạng xã hội rất cần được bảo vệ.

Một trường hợp khác với hành vi tương tự, mới đây vụ sửa, cắt ghép hình ảnh Logo của Bộ y tế thành con rắn quấn quanh cây gậy theo hình chữ S và “ngậm phong bì” tại logo trên phong nền của lễ khai mạc kỳ thi “Nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022” diễn ra sáng 10/9/2022 tại Trường Đại học Y Hà Nội đang gây xôn xao dư luận. Vụ việc này đã làm ảnh hưởng đến hình ảnh của ngành Y và cơ quan công an đang vào cuộc xác minh.

Theo đó, việc chỉnh sửa hình ảnh với mục đích giải trí sẽ đem lại rất nhiều tiếng cười và khoảng thời gian thư giãn và vui vẻ trên mạng xã hội. Tuy nhiên, việc chỉnh sửa, sửa chữa và ghép ảnh sẽ gây ra hậu quả không lường trước được nếu như có mục đích xấu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến biểu tượng, hình ảnh của ngành y tế. Hình ảnh “con rắn quấn quanh cây gậy” là biểu tượng của ngành y đã được quốc tế hóa, màu trắng là màu của ngành Y tế, tượng trưng cho sự khôn ngoan khả năng chữa trị và kéo dài tuổi thọ. Nếu hình ảnh logo “rắn ngậm phong bì” được tạo ra từ hình ảnh logo thật trước đó được dùng với dụng ý bôi nhọ uy tín của ngành y thì tùy theo tính chất, mức độ mà người này có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.⁸

Theo đó, đối với hành vi sử dụng mạng xã hội để đăng tải những thông tin hình ảnh làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành y tế có thể bị xử phạt từ 10.000.000 -

⁸ Thế Hưng và Khả Hân, “Vụ “rắn ngậm phong bì”: Sử dụng sai logo của cơ quan, tổ chức có bị phạt?” [<https://dantri.com.vn/ban-doc/vu-ran-ngam-phong-bi-su-dung-sai-logo-cua-co-quan-to-chuc-co-bi-phat-20220918133441392.htm>], truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2022;

20.000.000 đồng về hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội; trang thông tin điện tử được thiết lập thông qua mạng xã hội căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 14/2022/NĐ-CP. Ngoài ra, người có hành vi vi phạm trên còn bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Tiếp vấn đề này trong chuyến du lịch Sapa ngày 16/12/2019 Đinh Văn K có chụp một bộ hình phong cảnh Sapa làm kỷ niệm. Sau đó tôi có đăng lên nhóm “Hội nhiếp ảnh gia” để giao lưu. Ngày 24/03/2020 có một cuộc thi về nhiếp ảnh gia, một nhiếp ảnh gia khác đã lấy tác phẩm của Đinh Văn K đi thi đồng thời thay đổi tác giả của bức tranh đó thành tên của nhiếp ảnh gia này và đã đạt giải nhất, tác giả đó cũng là thành viên trong “Hội nhiếp ảnh gia”. Như vậy theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật sở hữu trí tuệ thì bức ảnh này là một trong những loại hình được bảo hộ quyền tác giả và được hưởng một số quyền nhất định theo Điều 19 và điều 20 Luật Sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên tác phẩm của anh đã bị người khác sử dụng và thay đổi tên tác giả để tham gia dự thi. Đây là một trong những hành vi xâm phạm quyền tác giả về hình ảnh cá nhân của anh K được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

Qua những vụ việc điển hình đó ta có thể thấy mạng xã hội rất nhanh và tốc độ lan truyền rộng rãi, cho chúng ta thấy được hình ảnh của một ai đó chia sẻ từ người này sang người khác là hết sức nhanh chóng, đôi khi chỉ là mua vui, đem lại tiếng cười nhưng hậu quả lại xâm phạm đến quyền tác giả, quyền tài sản hay nhân phẩm, danh dự của chủ sở hữu hình ảnh đó. Hành vi sử dụng hình ảnh cá nhân của chủ sở hữu xảy ra một cách cố ý và xem nhẹ vấn đề bảo hộ hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội. Chính vì thế cần làm rõ hơn nữa vấn đề này trên thực tiễn để có cái nhìn chính xác hơn về việc sử dụng hình ảnh cá nhân xâm phạm quyền tác giả.

4. Thực tiễn hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với hình ảnh các nhân trên trang mạng xã hội

Mặc dù đã được quy định trong luật, nhưng tình trạng xâm phạm quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân trên mạng xã hội ngày càng phổ biến và khó kiểm soát tạo ra nhiều hệ lụy. Đăng tải hình ảnh cá nhân lên mạng xã hội là một việc làm rất dễ dàng và phổ biến. Tuy nhiên, đa số chủ thể vẫn không hề biết rằng điều này có thể vi phạm pháp luật. Nhất là tình trạng đăng tải, sử dụng hình ảnh cá nhân của người khác lên mạng xã hội, một cách trái phép, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người đó.

Vụ việc cụ thể có liên quan như nữ diễn viên Ninh Dương Lan Ngọc lên tiếng về nghi vấn lộ clip nhạy cảm. Trưa 02/3/2021, nhiều trang mạng xã hội chia sẻ hình ảnh nhạy cảm với các ca từ, video được cho là của diễn viên Ninh Dương Lan Ngọc được biết hình ảnh này xuất phát từ một trang Web 18+ sau đó lan truyền rộng rãi trên mạng xã hội. Trang Web trên để tên Ninh Dương Lan Ngọc kèm theo thông tin nghề nghiệp và khẳng định cô là nhân vật trong video. Ngay sau đó nữ diễn viên Ninh Dương Lan Ngọc đã nhanh chóng lên tiếng phủ nhận lộ video nhạy cảm. Trong bài

đăng nữ diễn viên này viết cụ thể: “Tôi gửi lời xin lỗi đến các đối tác, người thân, gia đình, bạn bè và đặc biệt là quý khán giả khiến mọi người phải đọc những thông tin không hay đăng tràn lan trên mạng xã hội. Tôi xin khẳng định người trên đoạn video đang lan truyền trên mạng không phải là tôi”. Cô cũng cho biết vụ việc trên là cú sốc trong sự nghiệp hoạt động nghệ thuật và đã ảnh hưởng rất lớn đến danh tiếng của tôi. Tôi luôn giữ hình ảnh thật kỹ, không bao giờ cho phép xảy ra sự việc như thế này.⁹

Một vụ việc khác gần đây, khán giả Việt Nam lại chứng kiến một vụ lùm xùm mới về quyền tác giả trong giới Showbiz Việt Nam. Từ đầu tháng 11/2021, trên mạng xã hội Việt Nam xuất hiện thông tin Rap Việt sử dụng hình ảnh đồ họa của Jaime Jasso - một nhà thiết kế nước ngoài - để làm poster chương trình, mà không hề xin phép tác giả. Sau phản ứng của bản thân tác giả, cũng như của nhiều khán giả Việt Nam, thì ê kíp Rap Việt đã phải thừa nhận vi phạm bản quyền tác phẩm của Jaime Jasso. Theo thông tin từ chương trình này, đại diện chương trình đã gửi lời xin lỗi và đề xuất mua bản quyền hình ảnh đồ họa nói trên. Tuy nhiên, không khó để thấy rằng uy tín của Rap Việt đã giảm sút khá nhiều, cũng như nguy cơ Rap Việt phải đối mặt với những hậu quả pháp lý nếu như không dàn xếp được với Jaime Jasso.¹⁰

Những vụ vi phạm bản quyền tương tự như trên không phải là hiếm ở Việt Nam, nơi luật về sở hữu trí tuệ còn là một khái niệm khá mới mẻ và mơ hồ với nhiều người. Những tác phẩm thuộc về nghệ thuật thị giác có thể nói là một trong những đối tượng dễ bị vi phạm quyền tác giả nhất, vì chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp loại hình nghệ thuật này ở khắp mọi nơi (hình ảnh, thiết kế, tranh, tượng, v.v...) trên các vật dụng hàng ngày, trên các “Pano”¹¹ quảng cáo, hay thậm chí trên chính áo quần ta mặc. Chính vì thế, cần nắm được những nguyên tắc cơ bản về những gì được, và không được làm đối với một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật này. Thông qua vụ việc trên cho thấy mạng xã hội đã và đang thật sự là một con dao hai lưỡi, càn trói buộc, chôn vùi mỗi người khi phải va vào nó.

Không chỉ ở Việt Nam mà vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên mạng xã hội còn xuất hiện ở hầu hết nước trên thế giới. Chẳng hạn như câu chuyện “Nữ sinh cấp 3 tự tử vì bị bạn học lén chụp ảnh “đim hàng” và chế giễu”. Theo truyền thông Trung Quốc, Tiểu Tịnh và Hiểu Quân đều đang học tại một trường cấp 3 thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc và cũng là bạn cùng phòng ở ký túc xá. Vào ngày 21/2/2019, khi Hiểu Quân đang nằm soi gương thì Tiểu Tịnh đã lén chụp ảnh “đim hàng” Hiểu Quân rồi đăng vào group chung của cả lớp. Bức ảnh này ngay lập tức khiến cả lớp xôn xao, Hiểu Quân bị các bạn chế giễu liên tục nhiều ngày sau đó khiến bản thân thêm tự ti và tiêu cực. Ngày 8/3 cùng năm,

⁹ Báo tuổi trẻ, T.H tổng hợp, [https://tv.tuoitre.vn/video-nu-dien-vien-ninh-duong-lan-ngoc-len-tieng-ve-nghi-van-lo-clip-nhay-cam-104271.htm] truy cập ngày 03 tháng 9 năm 2022;

¹⁰ Lê Thiên Hương, “Bản quyền hình ảnh: thế nào để không phạm luật?”, [https://thesaigontimes.vn/ban-quyen-hinh-anh-the-nao-de-khong-pham-luat/?fbclid=IwAR01qajZ6jcc1wuiXYusDuRIv8DnsWtZxdCtCf8FjQLIoXCFHgUukLd-fRk], truy cập ngày 10 tháng 9 năm 2022;

¹¹ “Pano” quảng cáo hay biển quảng cáo là loại hình quảng có kích thước lớn và thường đặt ở những nơi có vị trí trọng điểm, nhiều người qua lại nhằm thu hút người đi đường để ý.

cô bé bị chẩn đoán mắc bệnh trầm cảm, nhiều lần tự làm cơ thể bị thương và hai lần tự sát bằng thuốc.¹² Từ đó, đặt ra cho chúng ta câu hỏi: Liệu gia đình, bố mẹ, thầy cô, xã hội có thể kiểm soát và phòng ngừa được những tác hại, hậu quả mà mạng xã hội gây ra cho con em mình hay không? Rất khó để trả lời, bởi nó ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, từ môi trường sống; sự giáo dục của gia đình và nhà trường; sự tiếp nhận, cách giải quyết thông tin, sự việc từ chính bản thân người đó, v.v... và trong đó không thể thiếu pháp luật. Pháp luật là cơ sở, là chuẩn mực để chúng ta áp dụng và chấp hành. Nếu một hành vi bị pháp luật nghiêm cấm, bị cho là sai trái, và được người dân cho là chuẩn mực của xã hội thì khó ai có thể vượt qua ranh giới của nó. Từ đó, cho thấy vấn đề về “Bảo hộ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên mạng xã hội” là một vấn đề đáng được quan tâm và cần có những giải pháp căn cơ, hữu hiệu hơn để ngăn chặn, giảm thiểu hành vi này.

5. Những nguyên nhân, khó khăn, bất cập và giải pháp kiến nghị hoàn thiện

5.1. Những nguyên nhân, khó khăn, bất cập

Thứ nhất, nguyên nhân từ người sử dụng mạng xã hội

Là người tiêu dùng, ai cũng muốn được sử dụng các dịch vụ tiện ích từ mạng xã hội đem lại mà không cần mất một khoản phí nào, từ những suy nghĩ đó, đa phần mọi người sẽ tìm đến những nguồn thông tin miễn phí, hoặc tìm cách để được lưu, tải về miễn phí từ những công cụ tinh vi trên nền tảng mạng xã hội. Luồng suy nghĩ này sẽ dần dần lan tỏa từ người này sang người khác và sang cả cộng đồng, hình thành nên thói quen không muốn trả phí. Mặt khác, có nhiều người suy nghĩ, mạng xã hội là cộng đồng chia sẻ chung nên việc có một sản phẩm, ý tưởng, hình ảnh của người khác sẽ không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của một ai. Bởi vậy việc ngang nhiên “đánh cắp”, lưu trữ, đăng tải không kèm tên tác giả, v.v... diễn ra “như cơm bữa”.

Thứ hai, nguyên nhân từ chính bản thân tác giả

Việc vi phạm bản quyền tác giả trên mạng xã hội xảy ra thường xuyên cũng một phần do công tác tự bảo vệ của chủ sở hữu tác phẩm chưa được chú trọng. Phần lớn các chủ sở hữu trí tuệ chưa thực sự chú ý đến việc bảo vệ quyền lợi của mình, chưa có ý thức cao trong việc làm rõ các hành vi xâm phạm và hiểu biết về tác hại của xâm phạm sở hữu trí tuệ. Hiện nay rất ít các công ty có bộ phận chuyên chăm lo về sở hữu trí tuệ, hầu như chưa có công ty nào có chiến lược về sở hữu trí tuệ, coi vấn đề sở hữu trí tuệ là bộ phận trong chiến lược phát triển của mình.

Thứ ba, việc bảo hộ quyền tác giả đối với những hình ảnh cá nhân đăng tải trên mạng xã hội có thuận lợi lớn là cộng đồng mạng rất rộng lớn, nếu hành vi nào, đối tượng nào, chủ thể nào bị xem là đã vi phạm quyền tác giả thì chủ sở hữu rất dễ tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng mạng để tẩy chay hành vi đó, đối tượng đó, chủ thể đó, hay hỗ trợ tác giả trong việc thu thập thông tin chống lại chủ thể vi phạm. Tuy nhiên,

¹² Hy Li, “Nữ sinh cấp 3 tự tử vì bị bạn học lén chụp ảnh “đim hàng” và chế giễu, chân tướng đằng sau là bị kích lâu ngày gây hoang mang” [<https://giadinh.suckhoedoisong.vn/nu-sinh-cap-3-tu-tu-vi-bi-ban-hoc-len-chup-anh-dim-hang-va-che-gieu-chan-tuong-dang-sau-la-bi-kich-lau-ngay-gay-hoang-mang-172201029151513382.html>], truy cập ngày 10 tháng 9 năm 2022;

trong việc bảo hộ quyền tác giả đối với các đối tượng trên mạng xã hội cũng gặp rất nhiều khó khăn, đó có thể là khó khăn về việc xác định chủ thể xâm phạm (không xác định được người đã sao chép, phân phối, không xác định được chủ sở hữu trang web, v.v...), đó cũng có thể là khó khăn trong việc xác định hậu quả của hành vi xâm phạm, cũng có thể là khó khăn trong việc ngăn chặn hành vi xâm phạm vì khả năng phát tán quá nhanh. Ngoài ra, việc bảo hộ quyền tác giả trên môi trường mạng này cũng gặp một số khó khăn chung là các môi trường khác như người được pháp luật bảo hộ không có đủ chứng cứ để chứng minh mình là tác giả hay chủ sở hữu tác phẩm được bảo hộ, không có hiểu biết cụ thể về quyền của mình cũng như cách thức bảo vệ cho quyền của mình hoặc chưa thật sự quyết tâm bảo vệ quyền của mình; tổ chức, cá nhân thực thi pháp luật cũng chưa thực sự có trách nhiệm cao trong việc thực thi nghĩa vụ của mình trong phát hiện, trong ngăn chặn hoặc trong việc giải quyết yêu cầu của chủ thể có quyền, chưa nghiêm minh, triệt để trong việc xử lý vi phạm, tổ chức, cá nhân sử dụng, khai thác tác phẩm bất chấp pháp luật, bất chấp đạo đức kinh doanh xâm hại nghiêm trọng đến quyền tác giả, quyền liên quan.

Thứ tư, về vấn đề thực thi pháp luật, phải thừa nhận luật còn lỏng lẻo, chưa quy định, công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng chưa thực sự sát sao, nên việc sao chép, lấy hình ảnh dễ dàng thậm chí chủ sở hữu không hề hay biết, nếu đã biết thì đã phát sinh tranh chấp. Quản lý các cá nhân này trên mạng xã hội còn bị thả trôi nổi, quản lý lỏng lẻo. Mặt khác, chế tài xử phạt cũng chưa đủ mạnh, số tiền phạt với các hành vi vi phạm còn khiêm tốn chưa đủ sức răn đe đối tượng vi phạm. Thêm vào đó, nhiều quy định của luật pháp cũng chưa phù hợp thực tế, cần phải sửa đổi, bổ sung. Một thực tế phổ biến ở Việt Nam đó là người dân hầu như rất ít khi quan tâm đến pháp luật về Sở hữu trí tuệ, mặc dù đã từng nghe đến quen tai về khái niệm này. Chính bởi vậy, đa phần mọi người mặc dù vi phạm nhưng vẫn không biết hoặc không hiểu tại sao mình lại vi phạm như thế, tất nhiên họ cũng không có ý thức tự tìm hiểu về những nguồn luật liên quan dẫn đến những vi phạm liên tục.

Thứ năm, hành vi gián tiếp gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong việc vi phạm về bảo hộ quyền tác giả trên mạng xã hội đó chính là các Website trung gian. Hầu hết các Website kinh doanh đều sử dụng hình ảnh của sản phẩm hay hình ảnh của cá nhân như các ca sĩ, diễn viên thậm chí là sĩ quan trong quân đội để phục vụ cho mục đích quảng bá, quảng cáo sản phẩm lên mạng xã hội mà chưa thực hiện nghĩa vụ của mình với chủ thể quyền tác giả. Họ đưa lên với nhiều động cơ, có thể để lấy tiền quảng cáo, hay phục vụ việc download của người tiêu dùng nhằm kiếm tiền, sinh lợi, nhưng không thanh toán tiền nhuận bút, thù lao cho người nắm giữ bản quyền. Các Website cũng xâm phạm quyền của nhau, ví dụ sử dụng các tác phẩm, hình ảnh từ một Website khác về Website của mình nhưng không có sự thỏa thuận, xin phép tác giả. Từ những vướng mắc khó khăn nêu trên cần phải có một giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn, đặt vấn đề quan trọng đối với pháp luật Sở hữu trí tuệ với hình ảnh cá nhân đăng tải trên mạng xã hội.

5.2. Giải pháp bảo vệ quyền tác giả đối với hình ảnh cá nhân đăng tải trên các trang mạng xã hội

Thứ nhất, cần coi luật sở hữu trí tuệ là văn bản luật quan trọng trong hệ thống pháp luật, là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy sáng tạo của đất nước, đồng thời là yếu tố quan trọng trong quá trình hội nhập. Từ đó, chúng ta sẽ có những đầu tư thích đáng cả về nhân lực và vật lực cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào những công việc hoàn thiện pháp luật Sở hữu trí tuệ.

Thứ hai, rà soát lại tất cả các văn bản pháp luật hiện hành về sở hữu trí tuệ, sắp xếp điều chỉnh để không chồng chéo, xác định rõ cơ quan chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Thứ ba, tiếp tục tiến hành bổ sung chỉnh sửa các quy định về sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả trong môi trường mạng nói riêng cho phù hợp với các công ước, hiệp định quốc tế mà Việt Nam tham gia. Ví dụ như: Việc chỉ cho phép tự sao chép một bản theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ sẽ tạo ra sự không rõ ràng của các yêu cầu “tự sao chép”, “giảng dạy cá nhân”. Để giải quyết hạn chế nêu trên của pháp luật, cần sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 25, Luật Sở hữu trí tuệ thành: “Sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy không nhằm mục đích thương mại”.¹³

Do đó, cần xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả trong môi trường mạng cần được đầu tư thích đáng. Điều đáng nói là nhiều hành vi xâm phạm xảy ra do không hiểu biết pháp luật. Nhiều bạn trẻ cho biết, họ sao chép hình ảnh từ những trang trên mạng xã hội bị vi phạm bản quyền mà không biết đó là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Nhiều bạn khẳng định việc đưa hình ảnh lên mạng xã hội hoặc truyền tải cho người khác hoàn toàn xuất phát từ tâm lý mong muốn được chia sẻ cho người khác mà không biết đó là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Mặt khác ý thức tôn trọng quyền tác giả, tâm lý “xài chùa”¹⁴ còn tồn tại trong đa số người dân và không thể thay đổi một sớm một chiều. Bản thân các tác giả, các chủ sở hữu quyền tác giả cũng chưa thực sự quan tâm đúng mức tới việc bảo hộ tác phẩm của mình.

Thứ tư, Cần giáo dục ý thức tôn trọng quyền tác giả trong công chúng, xem đây là cách thức để khuyến khích sự sáng tạo. Đấu tranh mạnh mẽ và kiên quyết với tình trạng xâm phạm bản quyền. Dư luận xã hội cần lên tiếng đối với những hành vi đó, thậm chí phải tẩy chay không sử dụng các sản phẩm có hình ảnh mà không được sự đồng ý của tác giả.

Để cải thiện tình trạng này, một mặt chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp luật trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng, đồng thời cần nâng cao năng lực kiểm tra, xử lý, xét xử các hành vi vi phạm quyền tác giả trong môi trường mạng. Mặt khác, chúng ta cần có các biện pháp để nâng cao ý thức của các cơ quan, tổ chức, tác giả và người sử dụng về vấn đề này.

¹³ Võ Trung Hậu - Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet, năm 2020

¹⁴ Có thể hiểu là sử dụng một thứ gì đó mà không phải bỏ một chút vật chất gì để đổi lại mà ngang nhiên sử dụng.

6. Kết luận

Bảo hộ quyền tác giả về hình ảnh cá nhân đăng tải trên mạng xã hội nói riêng, quyền sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động sáng tạo và phát triển nền kinh tế, văn hóa của đất nước. Nhu cầu sử dụng tác phẩm, hình ảnh và nghệ thuật ngày càng cao, nhưng lợi ích của người sáng tạo, chủ sở hữu tác phẩm lại không đi cùng với việc sử dụng này. Hành vi xâm phạm quyền tác giả dù cố ý hay vô ý đều gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của chủ sở hữu, hạn chế vai trò khuyến khích sáng tạo của pháp luật, khó tạo ra những công trình có giá trị. Vì thế, trên hết tất cả, sự hiểu biết về pháp luật quyền tác giả vẫn luôn cần thiết cho những người sáng tạo ra tác phẩm hoặc sở hữu tác phẩm, để sự sáng tạo của mình được khai thác lợi ích kinh tế một cách hợp lý, được tôn trọng đúng mức và được phục hồi lợi ích kịp thời khi bị xâm phạm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013;
2. Bộ Luật Dân sự năm 2015 sửa đổi năm 2017, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
3. Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành 2022, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
4. Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009, 2019, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
5. Nghị định 22/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành;
6. Giáo trình luật sở hữu trí tuệ, trường Đại học Luật - Đại học Huế, NXB Đại học Huế năm 2018;
7. Báo tuổi trẻ, T.H tổng hợp, [<https://tv.tuoitre.vn/video-nu-dien-vien-ninh-duong-lan-ngoc-len-tieng-ve-nghi-van-lo-clip-nhay-cam-104271.htm>] truy cập ngày 03 tháng 9 năm 2022;
8. Võ Trung Hậu - Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet, năm 2020;
9. Lê Thiên Hương, “Bản quyền hình ảnh: thế nào để không phạm luật?”, [<https://thesaigontimes.vn/ban-quyen-hinh-anh-the-nao-de-khong-pham-luat/?fbclid=IwAR01qajZ6jcclwuiXYusDuRIv8DnsWtZxdCtCf8FjQLIoXCFHgUukLd-fRk>], truy cập ngày 10 tháng 9 năm 2022;
10. Hy Li, “Nữ sinh cấp 3 tự tử vì bị bạn học lén chụp ảnh “dìm hàng” và chế giễu, chân tướng đằng sau là bị kịch lâu ngày gây hoang mang” [<https://giadinh.suckhoedoisong.vn/nu-sinh-cap-3-tu-tu-vi-bi-ban-hoc-len-chup-anh-dim-hang-va-che-gieu-chan-tuong-dang-sau-la-bi-kich-lau-ngay-gay-hoang-mang-172201029151513382.htm>], truy cập ngày 10 tháng 9 năm 2022;

11. Luật Hoàng Anh, “Khái niệm bảo hộ quyền tác giả và ý nghĩa bảo hộ quyền tác giả” [<https://luathoanganh.vn/tu-van-so-huu-tri-tue/khai-niem-bao-ho-quyen-tac-gia-va-y-nghia-bao-ho-quyen-tac-gia-lha97.html#:~:text=B%E1%BA%A3o%20h%E1%BB%99%20quy%E1%BB%81n%20t%C3%A1c%20gi%E1%BA%A3%20nh%E1%BA%B1m%20h%C6%B0%E1%BB%9Bng%20t%E1%BB%9Bi%20m%E1%BB%99t%20c%E1%BB%99ng,ch%C3%ADnh%20t%C3%A1c%20ph%E1%BA%A9m%20c%E1%BB%A7a%20m%C3%ACnh>], truy cập ngày 09 tháng 9 năm 2022;

12. Thế Hưng và Khả Hân, “Vụ “rắn ngậm phong bì”: Sử dụng sai logo của cơ quan, tổ chức có bị phạt?” [<https://dantri.com.vn/ban-doc/vu-ran-ngam-phong-bi-su-dung-sai-logo-cua-co-quan-to-chuc-co-bi-phat-20220918133441392.htm>], truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2022;

13. Ngân hàng pháp luật, “Bảo hộ quyền tác giả là gì?” [<https://nganhangphapluat.lawnet.vn/tu-van-phap-luat/so-huu-tri-tue/bao-ho-quyen-tac-gia-la-gi-124046>], truy cập ngày 09 tháng 9 năm 2022.

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI TIKTOK ĐẾN HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY

Bùi Văn Chí; Võ Văn Ché; Nguyễn Hoài Linh;
Cao Thị Huyền; Huỳnh Thị Thanh Nga*

Tóm tắt: Bên cạnh các mạng xã hội như Facebook, Instagram, YouTube,... thì Tiktok, một ứng dụng mới ra đời chỉ khoảng 5 năm, nhưng đã hấp dẫn người dùng và có sức ảnh hưởng rất lớn tại Việt Nam. Việc tham gia mạng xã hội Tiktok đã trở thành một trào lưu và xu hướng của nhiều người, nhất là thế hệ thanh thiếu niên. Tiktok là một nền tảng giải trí dễ sử dụng, có tính giải trí cao, cập nhật tin tức xã hội, xu hướng nhanh và phù hợp nhiều đối tượng. Song, bên cạnh sự tiện lợi và hữu dụng thì nó vẫn còn nhiều sự tồn tại và hạn chế. Vậy nên ở lứa tuổi sinh viên cần có những nhận thức đúng đắn khi tiếp cận mạng xã hội này trong xã hội đầy biến động hiện nay.

Từ khóa: Tiktok, mạng xã hội, giáo dục, sinh viên

1. Đặt vấn đề

Với sự bùng nổ của Internet đã giúp cho các hoạt động thường ngày có thể diễn ra bình thường trên nền tảng trực tuyến. Bên cạnh các mạng xã hội như Facebook, Instagram, YouTube,... thì Tiktok, một ứng dụng cũng có sức ảnh hưởng rất lớn tại Việt Nam. Việc tham gia mạng xã hội Tiktok đã trở thành một trào lưu và xu hướng của nhiều người, nhất là thế hệ thanh thiếu niên và ngay cả với những người lớn tuổi hơn, ít nhiều một lần họ cũng từng nghe nói về Tiktok bởi đây là một nền tảng giải trí dễ sử dụng, có tính giải trí cao, cập nhật tin tức xã hội,..... Chính điều này đã tạo nên trào lưu sử dụng nền tảng này trên toàn cầu. Trong xu thế quảng cáo đa kênh hiện nay, việc bỏ qua Tiktok sẽ là tự loại bỏ mình khỏi sân chơi với các đối thủ cạnh tranh. Do đó, trong thiết bị kết nối Internet của đa số người dùng đều có một tài khoản sử dụng Tiktok. Song, bên cạnh sự tiện lợi và hữu dụng thì nó vẫn còn nhiều sự tồn tại và hạn chế. Đến cả những người sáng lập ra Tiktok cũng chưa thể đưa ra được những biện pháp hữu hiệu nhất để giải quyết triệt để hoặc hạn chế tối đa video độc hại.

2. Thực trạng sử dụng Tik Tok hiện nay

2.1. Thực trạng sử dụng của Tik Tok trên thế giới

TikTok là một ứng dụng được ra mắt vào năm 2016. Kể từ khi ra mắt ứng dụng này đã được tải xuống 3 tỷ lần, đạt 383 triệu lượt cài đặt trong nửa đầu năm 2021.

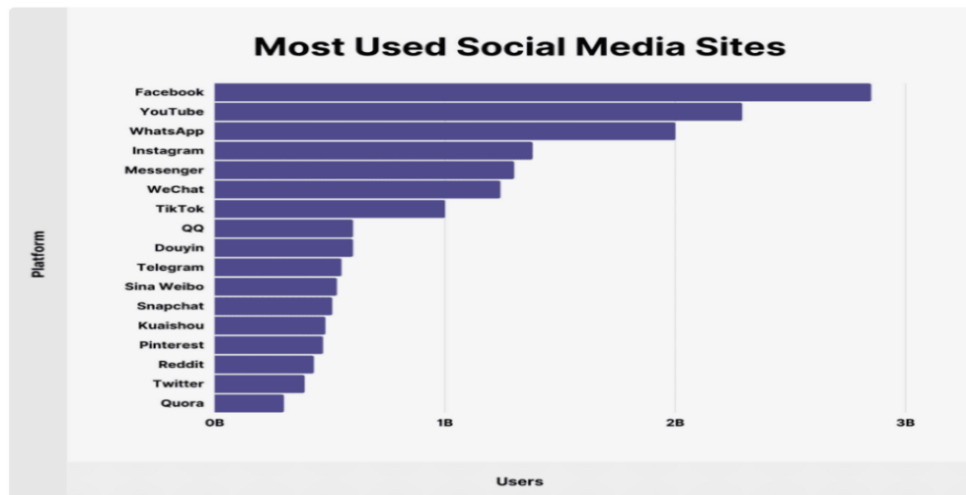
Đến tháng 1 năm 2019, có 33 triệu lượt tải xuống trên Apple AppStore (Sensor Tower 2019). Điều này xảy ra đã đưa Tiktok đánh bại các ông lớn Youtube, Instagram, WhatsApp và Facebook Messenger để vươn lên dẫn đầu top 5.

Số người dùng hoạt động hàng tháng trên toàn cầu tăng lên ngày càng nhiều, cụ thể Tiktok ra mắt toàn cầu vào từ năm 2017, tính đến tháng 1/2018 đã có hơn 54,7 triệu người dùng hàng tháng. Sau đó, số lượng người dùng vẫn tiếp tục tăng theo

* Sinh viên lớp K45, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Email: chi21a5020392@hul.edu.vn

từng năm: Tháng 12/2018, tháng 12/2019, tháng 7/2020, tháng 9/2021 đều ghi nhận số người dùng ấn tượng lần lượt là 271,2 triệu người (tăng 394,9%); 507,5 triệu người (tăng 87,2%); 689,1 triệu người (tăng 35,8%) và hơn 1 tỷ người dùng (tăng 45,1%).¹⁵

TikTok ngày càng phổ biến mạnh mẽ trên toàn thế giới, tháng 9/2021, với việc hơn 1 tỷ người dùng tích cực đã đưa TikTok trở thành mạng xã hội xếp thứ 7 trên toàn thế giới.



Hình 1.1. Các trang web mạng xã hội được sử dụng nhiều nhất

Bằng cách nắm bắt được tâm lý và xu thế phát triển, các nhà điều hành TikTok đã đi trước trong việc cạnh tranh đối với các đối thủ của họ. Số liệu ghi nhận độ tuổi thường xuyên sử dụng TikTok từ 16 đến 24 tuổi chiếm 41% lượng người dùng (Globalwebindex, 2019). Để trở thành ứng dụng kết nối giới trẻ trên toàn thế giới, TikTok đã nghiên cứu định hướng ngay từ đầu về việc tiếp cận lứa tuổi này, TikTok hoàn toàn khác so với các mạng xã hội nổi tiếng khác.

Mỗi ngày, có tất cả 90% người dùng truy cập ứng dụng và trở thành mạng xã hội không thể thiếu với nhiều người. Trong một cuộc nghiên cứu hành vi của người dùng trên TikTok đã cho thấy người dùng có tâm lý thích xem các video của người khác hơn video của chính mình đăng tải, phần trăm người dùng xem các video của người khác là 68% và phần trăm đăng tải video của bản thân thấp hơn là 55%.¹⁶

2.2. Thực trạng mạng xã hội Tik Tok ở Việt Nam

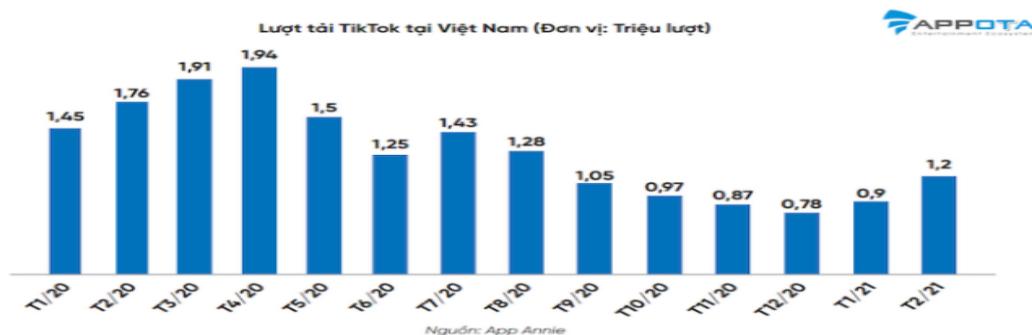
Tại Việt Nam, đã và đang có nhiều ứng dụng mạng xã hội nổi tiếng hoạt động trong đó có TikTok. Nhiều cuộc nghiên cứu khảo sát đã được mở ra nhằm đánh giá đúng và tầm ảnh của TikTok tại Việt Nam.

Vào cuối tháng 4 năm 2019, TikTok chính thức ra mắt tại Việt Nam và nhanh chóng trở thành mạng xã hội được ưu chuộng. TikTok tại Việt Nam ghi nhận lượt tải, đạt mức tăng trưởng 160% trên IOS trong năm 2020. Do sự tăng trưởng vượt bậc, TikTok đã nhanh chóng chiếm ngôi thứ 4 ngay sau Facebook, Zalo, Instagram,...¹⁷

¹⁵ <https://adsplus.vn/blog/thong-ke-nguoi-dung-tiktok-2021/>, truy cập ngày 12/09/2022

¹⁶ <https://adsplus.vn/blog/thong-ke-nguoi-dung-tiktok-2021/>, truy cập ngày 12/09/2022

¹⁷ <https://adsplus.vn/blog/thong-ke-nguoi-dung-tiktok-2021/>, truy cập ngày 12/09/2022



Hình 1.2. Lượt tải TikTok tại Việt Nam (Đơn vị: Triệu lượt)

So với các nước trong khu vực Đông Nam Á Việt Nam là nước có tốc độ tăng trưởng người dùng TikTok cao nhất (Degenhard 2021). Số liệu người dùng Mạng xã hội con số này dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên 17,42 triệu vào năm 2025.¹⁸

Theo thống kê số lượng người dùng TikTok chủ yếu rơi vào độ tuổi từ 16 – 24 tuổi và chiếm tới 41% (Global Wenbindex 2019)¹⁹. Được biết thế hệ Gen Z với sức mua trị giá 44 tỷ USD²⁰. Như vậy, người dùng TikTok tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào lứa tuổi thanh thiếu niên. Đây cũng có thể xem là chiến lược mà TikTok đang hướng đến nhằm mở rộng hơn số lượng người dùng.

Không chỉ đơn thuần là ứng dụng cung cấp video là chính, TikTok còn tích cực đa dạng hóa nội dung video như: nấu ăn, làm đẹp, thiết kế,... nhằm đáp ứng nhu cầu người dùng. Việc TikTok tập trung thêm vào các nội dung độc đáo và ấn tượng được sự đón nhận tích cực từ thế hệ Gen Z.

Qua các khảo sát cho thấy mạng xã hội phát triển đặc biệt là TikTok đã tạo điều kiện rất lớn để sinh viên học tập, làm việc và giải trí. Tuy nhiên, đối mặt với những xu hướng thịnh hành, cái mới lạ kích thích sự tò mò từ mạng xã hội cũng là nguyên nhân dẫn đến việc học tập trở nên suy giảm thậm chí còn “*nghiện*” TikTok do thời gian sử dụng quá nhiều khiến mất tập trung, sao nhãng. Trong một môi trường mạng xã hội luôn đầy rẫy những thông tin không chính xác, sai sự thật,... gây ảnh hưởng không nhỏ đến sinh viên. Bên cạnh đó, ngoài những hạn chế nhiều sinh viên đã sử dụng mạng xã hội này để phục vụ cho công việc của mình một cách triệt để như là xu hướng học thông qua các video ngắn trên TikTok là một điển hình cho việc này.²¹

Hiện tại, TikTok được sự đón nhận từ xã hội nhất là giới trẻ trong đó có bộ phận sinh viên, dự báo trong những năm sắp tới TikTok sẽ tiếp tục phát triển hơn nữa trên thế giới bởi những tiện ích mà ứng dụng mang lại là không thể chối cãi.

Thứ nhất, sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến mạng xã hội TikTok.

Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng rất lớn đến các ứng dụng giải trí. Từ những thập kỷ gần đây lên một cấp độ hoàn toàn mới với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật truy cập dữ liệu thời gian thực và giới

¹⁸ <https://adsplus.vn/blog/thong-ke-nguoi-dung-tiktok-2021/>, truy cập ngày 12/09/2022

¹⁹ <https://iagency.com.vn/thong-ke-nguoi-dung-tiktok/>, truy cập ngày 12/09/2022

²⁰ <https://diendanodoanhnghiep.vn/kham-pha-insight-gen-z-doi-tuong-khach-hang-chu-dao-trong-tuong-lai-174715.html>, truy cập ngày 12/09/2022

²¹ <https://vn.godaily.news/cong-nghe/tiktok-va-nhung-he-luy-kho-luong-voi-gioi-tre-viet-nam-chuyen-gia-noi-thang-su-that.html>, truy cập ngày 15/09/2022

thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng. Công nghiệp 4.0 một cách tiếp cận liên kết và toàn diện cho sản xuất nó kết nối vật lý với kỹ thuật và cho phép công tác truy cập tiện hơn giữa các bộ phận đối tác các nhà cung cấp, sản phẩm và con người.

Thứ hai, do nhu cầu của xã hội ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của TikTok.

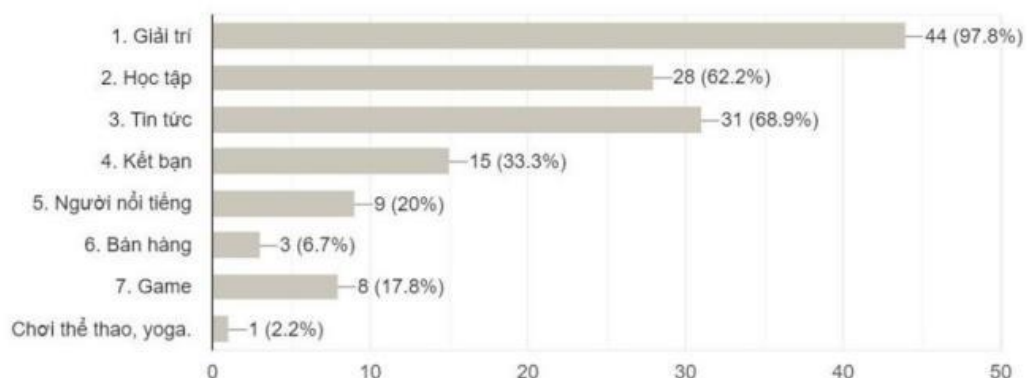
Từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dẫn đến sự bùng nổ về Internet vạn vật, giúp mọi người có thể kết nối với nhau nhanh hơn, truy cập các thông tin và làm công việc của mình nhanh chóng, tiện lợi hơn. Đồng thời, hệ thống giáo dục được cải tiến để nâng cao khả năng nhận thức của của mọi người, nhất là giới trẻ. Hiện nay, giới trẻ là thành phần có sức hút đối với các nhà kinh doanh bởi nắm sức mua rất lớn và là những đối tượng sử dụng mạng xã hội nhiều nhất.

Do sự xuất hiện của đại dịch COVID 19 gây đảo lộn cuộc sống của mọi người trên toàn xã hội bởi những đợt cách ly, xét nghiệm, những lệnh giới nghiêm của Chính phủ các nước dẫn đến người dân không thể ra khỏi nhà để giao lưu nói chuyện tiếp xúc với người khác. Các ứng dụng giải trí, học tập, truy cập nhanh thông tin của xã hội lần lượt là ưu tiên số một của họ, được đánh giá cao trong đó là ứng dụng TikTok bởi nó đáp ứng đủ các yêu cầu của xã hội lúc bấy giờ. Ứng dụng đánh đúng tâm lý của giới trẻ đó là sự tiện lợi, cách sử dụng dễ dàng giúp mạng xã hội này lấy được lòng tin yêu của người dùng. Ngoài việc giao lưu kết bạn, học tập, giải trí ứng dụng này còn phát triển nền tảng mua sắm kết hợp sự tiện ích đến người dùng....

2.3. Thực trạng mạng xã hội Tik Tok của sinh viên Đại học Huế

Năm 2019 TikTok chính thức ra mắt tại Việt Nam sau những bước đầu đặt nền móng và thử nghiệm thị trường. Cũng trong sự kiện lần này, TikTok sẽ ký kết hợp tác chiến lược với các Chính phủ, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nội dung và tôn vinh sự sáng tạo của người Việt. Nhận thấy sự phát triển của ứng dụng này có nhiều đề tài nghiên cứu và khảo sát người dùng về ứng dụng này. Nhóm tác giả cũng thấy được sự tiện lợi và lợi ích của ứng dụng mang lại và cũng mở một cuộc khảo sát với phạm vi ở Đại học Huế nói riêng và các trường Đại học nói chung.

Bởi thời gian có hạn nên cuộc khảo sát có quy mô nhỏ nên vẫn chưa thể đánh giá đúng tình hình thực trạng nhưng nó vẫn thể hiện một phần về thực trạng phát triển hiện nay của loại mạng xã hội này.

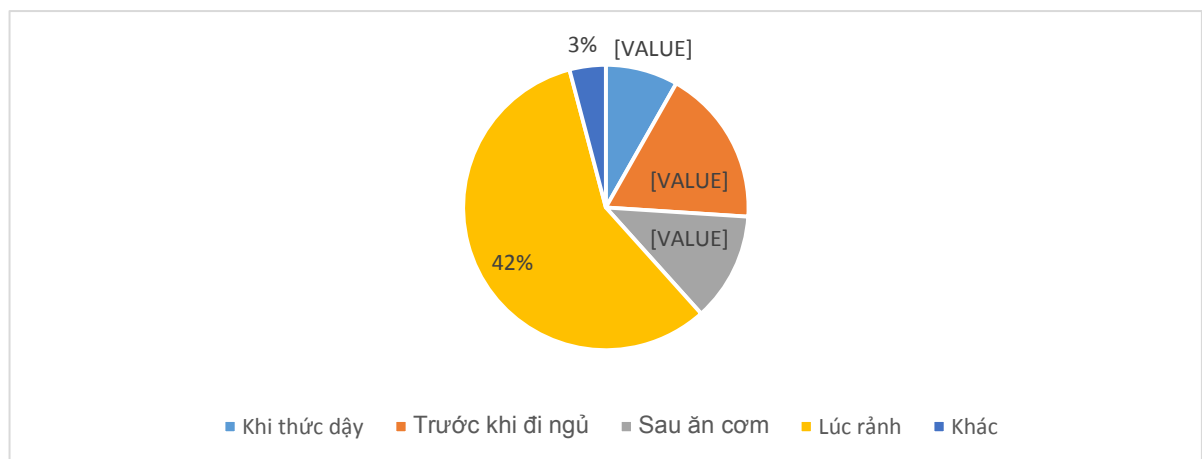


Hình 1.3. Mục đích sử dụng mạng xã hội của TikTok

Hiện nay, khi hệ thống giáo dục được cải thiện, đời sống của con ngày càng được nâng lên dẫn đến nhiều áp lực đối với bản thân và họ cần những ứng dụng để có thể thỏa mãn được nhu cầu giải trí giảm bớt áp lực và TikTok một nơi tin cậy. Qua khảo sát cho thấy 97% người sử dụng mạng xã hội TikTok để giải trí giảm stress. Nhu cầu về vấn đề này sẽ ngày càng phát triển. Và TikTok đã đánh đúng tâm lý của người dùng trong đó có sinh viên bởi đây là bộ phận người dùng phải học tập nhiều rất dễ bị stress và nhu cầu giải trí họ cao. Ngoài để thỏa mãn nhu cầu giải trí giới trẻ còn sử dụng công cụ này để học tập giảm tải việc sử dụng quá nhiều trang mạng xã hội. Với 62,2% người được khảo sát sinh viên sử dụng mạng xã hội này để học tập. Điều đó cho thấy TikTok không chỉ để giải trí mà nó còn bao quát các mặt của đời sống xã hội.

TikTok là nơi đăng tải những video thời gian 15 – 20 giây trước hết giúp một bộ phận người tham gia có thể thoát khỏi vùng an toàn của mình và kiếm thêm thu nhập cho bản thân. Ngoài ra, TikTok còn là nơi để gắn kết cộng đồng và kết bạn với bạn bè khắp cả nước cũng như nước ngoài. Qua khảo sát cho thấy 33,3% sử dụng mạng xã hội này để kết bạn việc này cũng là tín hiệu tích cực về giới trẻ bởi qua đại dịch COVID 19 xã hội có xu hướng thu hẹp lại việc giao tiếp cũng trở nên khó khăn và việc ứng dụng giúp giới trẻ cũng là một lợi thế giúp ứng dụng này phát triển.

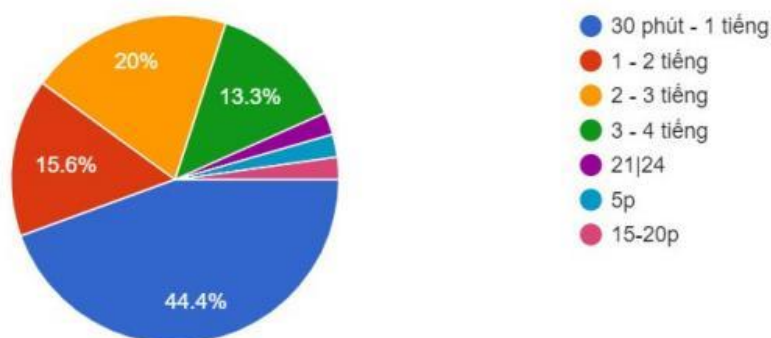
Khi công việc, học tập và hoạt động chiếm thời gian phần nhiều nên việc sử dụng mạng xã hội này đôi khi phải “*tranh thủ*” để cập nhật thông tin cũng như giải trí khi những tiết học mệt mỏi. 58% khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng mạng xã hội này khi lúc rảnh để có thể bắt kịp xu thế và 18% trước khi đi ngủ để cho trí não được thoải mái.



Hình 1.4. Thời điểm sử dụng mạng xã hội Tiktok của sinh viên

Việc ứng dụng này có thể giúp sinh viên giảm một phần áp lực bằng những video giải trí đồng thời nó cũng có thể gây ra những hệ lụy. Biểu đồ khảo sát cho thấy thời gian các bạn sinh viên sử dụng mạng xã hội này từ 30 phút đến 4 tiếng điều này có thể thấy thời gian sử dụng ứng dụng này đáng báo động, bởi sử dụng quá nhiều thì có thể ảnh hưởng đến tâm lý và các loại bệnh khác. Một số kết quả cho thấy có những bạn còn sử dụng 21/24 tiếng trên một ngày vào ứng dụng này con số báo động đến các bạn sinh viên.

Hãy sử dụng ứng dụng này như một kênh để giải trí không nên quá lạm dụng nó và dành thời gian cho các hoạt động tập thể học tập và phát triển các kỹ năng.



Hình 1.5. Trung bình thời gian sử dụng mạng xã hội TikTok của sinh viên.

3. Những lợi ích và hạn chế mạng xã hội TikTok mang lại cho sinh viên

3.1. Những lợi ích mạng xã hội TikTok mang lại cho sinh viên

Mạng xã hội TikTok phát triển vượt bậc hơn so với những ứng dụng khác cũng bởi nó cung cấp nhiều lợi ích cho người dùng, đặc biệt là giới trẻ.

Thứ nhất, TikTok giúp người dùng thỏa mãn nhu cầu giải trí với nhiều nội dung đa dạng phù hợp với nhiều lứa tuổi như: nấu ăn, học tập, phim ảnh, tin tức, thể thao,... TikTok gần đến gần hơn với nhu cầu của khách hàng. Nhất là thế hệ Gen Z, kích thích khả năng tìm hiểu.

Thứ hai, hầu hết sinh viên đều sử dụng mạng xã hội, nhất là TikTok, đây chính là kho tài nguyên rộng lớn giúp sinh viên tìm hiểu thu thập thêm tài liệu học tập. Việc học không chỉ đơn thuần là tìm kiếm tài liệu trên sách, báo giấy mà còn là tìm kiếm tài liệu trên Internet trong đó TikTok là điển hình. Hiện tại, có rất nhiều người sử dụng, TikTok chia sẻ miễn phí tài liệu học tập làm phong phú thêm kho tài liệu, đặc biệt giúp sinh viên tiếp cận nghiên cứu dễ dàng hơn trong việc học và làm việc.

Thứ ba, TikTok giúp việc mua sắm trực tuyến trở nên dễ dàng hơn. Cũng như những trang mạng xã hội khác, TikTok cho phép việc mua sắm các mặt hàng phù hợp và đúng với pháp luật. Lượng khách mua sắm trực tuyến trên mạng xã hội tăng do ảnh hưởng của dịch COVID 19 khiến việc mua sắm online trở nên phổ biến và rộng rãi hơn. Thêm vào đó, mua sắm trực tuyến còn giúp người dùng tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí,...

Thứ tư, giúp sinh viên kết nối, giao lưu với bạn bè trên khắp thế giới, thông qua TikTok, giới trẻ có thể kết nối với bạn bè, mở rộng những mối quan hệ giúp những người ngại giao tiếp trở nên tự tin và thể hiện bản thân nhiều hơn.

Thứ năm, TikTok đã có những bước phát triển đáng kể chỉ trong một thời gian ngắn với hàng tỷ lượt tải trên mọi nơi trên thế giới. Việc trở thành “TikToker” trở thành nghề nghiệp đối với nhiều người bởi nó tạo ra một nguồn thu nhập đáng kể cho những người tham gia.

Thứ sáu, TikTok được áp dụng rộng rãi vào việc giảng dạy vừa phù hợp với xu thế phát triển vừa có cách dạy sáng tạo giúp sinh viên hứng thú hơn và học tập hiệu quả hơn. Bên cạnh việc TikTok là cầu nối làm tăng sự tương tác, giao tiếp giữa sinh viên, người hướng dẫn với sinh viên cũng như các tài nguyên học tập liên quan thì cũng giúp trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết thông qua các video ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu.

3.2. Những hạn chế mà mạng xã hội TikTok mang lại cho sinh viên

Việc tham gia mạng xã hội TikTok trở thành trào lưu và xu hướng của nhiều người, nhất là thế hệ trẻ. Bên cạnh những mặt lợi ích, tích cực vẫn còn nhiều điểm hạn chế, tiêu cực cần được chú ý và khắc phục:

Thứ nhất, sử dụng mạng xã hội TikTok tăng lên, các hoạt động trực tuyến dần chiếm mất thời gian trong cuộc sống của người dùng TikTok điều này làm giảm thời gian để tham gia các hoạt động khác trong ngày khiến ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên.

Thứ hai, ảnh hưởng đến sức khỏe của sinh viên. Việc xem TikTok quá nhiều dẫn đến gây nghiện và làm suy giảm trí nhớ, suy giảm thị lực, tư duy dẫn đến chậm các kỹ năng như quan sát, kỹ năng sinh tồn,....

Thứ ba, trên mạng xã hội TikTok hiện nay tràn lan rất nhiều nội dung không được kiểm soát triệt để, nhiều nội dung với mục đích câu like, câu view nên đã bắt chước sáng tạo những nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục, xuyên tạc,.... ảnh hưởng lớn đến giới trẻ, nhất là đối tượng thanh thiếu niên đặc biệt là học sinh, sinh viên. Chúng còn lợi dụng để lôi kéo học sinh, sinh viên chống phá Đảng và Nhà nước ta.

Thứ tư, TikTok còn bị hạn chế trong việc bảo vệ thông tin người dùng. Việc đánh cắp thông tin cá nhân gây ra những hệ lụy không nhỏ cho người dùng.

Thứ năm, với những trào lưu tiêu cực gây ảnh hưởng đến nhận thức và tâm lý giới trẻ. Xu hướng hiện nay cho thấy, số lượng tội phạm tăng lên rất nhiều và chủ yếu là độ tuổi thanh thiếu niên. Đặc biệt, số thanh thiếu niên vi phạm các tội phạm hình sự đang có xu hướng trẻ hóa. Vì vậy cần quan tâm hơn nữa đối với đối tượng này.

Thứ sáu, người hướng nội sẽ có xu hướng sử dụng mạng xã hội nhiều hơn so với với người hướng ngoại làm giảm khả năng giao tiếp đồng thời có tư duy bảo thủ hơn nhiều so với các thành phần khác. Sử dụng TikTok nhiều cũng khiến giới trẻ mắc các bệnh khác như ảo tưởng về sức mạnh của lời nói, mắc bệnh ngôi sao....

Thứ bảy, TikTok làm cho tình trạng đạo văn phát triển, cũng như làm nảy sinh một số hình thức tiêu cực như mua bán luận văn hay ăn cắp ý tưởng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác.

Thứ tám, Việc mua bán hàng hóa online trên mạng xã hội TikTok cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro bởi TikTok không thể xác định được nguồn và những loại hàng hóa kém chất lượng xâm nhập vào. Khi mua bán trên TikTok cũng giống như các nền tảng khác vẫn hóa ứng xử trên mạng xã hội vẫn chưa được nhiều người để tâm vì nhiều

thành phần còn dùng lời lẽ, câu từ không đúng chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội gây ảnh hưởng đến những người dùng khác.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở tổng kết các nội dung trên, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

Về phía phụ huynh, nhà trường, sinh viên và học sinh cần:

Thứ nhất, đối với bản thân sinh viên cần có sự nghỉ ngơi, giải lao một cách khoa học, biết quản lý và sử dụng thời gian sử dụng mạng xã hội của bản thân thông qua các công cụ, ứng dụng có sẵn trong điện thoại.

Thứ hai, đối với sinh viên, nên tự giác hiểu được bản thân mình xem TikTok vì mục đích gì để chú tâm vào việc đó tránh sao nhãng, mất tập trung vào những nội dung không phù hợp. Đồng thời, hiểu rõ những tác hại của TikTok cũng sẽ giúp sinh viên chủ động tránh xa trước những thông tin không đúng sự thật hay không đúng chuẩn mực xã hội.

Thứ ba, về phía giảng viên và nhà trường trong việc quản lý sinh viên cần có sự tuyên truyền, góp ý, hướng dẫn kiến thức về ứng dụng TikTok nhằm ngăn chặn, hạn chế những tác hại xấu từ ứng dụng này. Từ đó, giúp sinh viên thay đổi một số nếp sống, hay củng cố thêm những kiến thức trong cuộc sống.

Thứ tư, về phía TikTok, cần có những chính sách cụ thể để bảo mật thông tin người dùng. Đồng thời trang bị thêm các chức năng để phù hợp với độ tuổi của nhiều học sinh, sinh viên.

Về cơ quan, nhà nước khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, thông tư, nghị định.

Thứ nhất, đối với Luật Hình sự, hiện nay tội phạm hình sự trong xã hội gia tăng, nhất là xu hướng trẻ hóa tội phạm. Cần nghiên cứu xu hướng trẻ hóa tội phạm vừa góp phần lành mạnh hóa đời sống vừa xây dựng, bồi dưỡng các thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của tổ quốc.

Thứ hai, cần có chế tài phù hợp và cụ thể để xử phạt những hành vi không đúng chuẩn mực, gây thiệt hại ảnh hưởng đến người khác.

Thứ ba, các nhà làm luật cần dự báo sớm các quan hệ xã hội mới phát sinh để kịp thời ban hành, sửa đổi luật.

5. Kết luận

Qua các nghiên cứu nhận thấy TikTok ngày càng được nhiều người sử dụng vì thao tác đơn giản dễ sử dụng và những tính năng thú vị, nhất là đối tượng sinh viên. Tần suất của việc sử dụng mạng xã hội TikTok của sinh viên là con số không hề nhỏ. Việc sử dụng mạng xã hội có ảnh hưởng về cả tích cực lẫn tiêu cực khi sử dụng mạng xã hội tới các hoạt động học tập cũng như kết quả học tập của sinh viên. Với nhận thức rõ điều này, nhóm tác giả đã đang và tiếp tục nghiên cứu về tình hình sử dụng mạng xã hội TikTok rồi từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp phù hợp với từng đối tượng. Nhóm tác giả hy vọng sẽ đem lại những ý nghĩa thiết thực đóng góp một phần nhỏ vào việc cải thiện việc sử dụng mạng TikTok nói riêng và mạng xã hội nói chung đến sinh viên cũng như người dùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Hội, Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
2. Bộ Luật Dân sự 2015;
3. Luật An Ninh Mạng 2018;
4. Bộ Luật hình Sự 2015;
5. TikTok và ứng dụng video ngắn khuấy động thị trường Việt:<https://doanhnhansaigon.vn/cong-nghe/tiktok-va-ung-dung-.truy> cập ngày 10/09/2022.
6. Ảnh hưởng của nội dung video trên tiktok đến hành vi, thái độ của sinh viên hà nội,https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/133538/1/KY_20211023220259.pdftruy cập ngày 12/09/2022
7. Thống kê người dùng TikTok 2021 – Mức độ tăng trưởng đáng kinh ngạc, <https://adsplus.vn/blog/thong-ke-nguoi-dung-tiktok-2021/> truy cập ngày 12/09/2022
8. Tác động của mạng xã hội Tik Tok đối với sinh viên ngành Quan hệ công chúng trường Đại học Văn Lang,<https://www.studocu.com/vn/document/truong-dai-hoc-van-lang/tu-duy-phan-bien/tac-dong-cua-mang-xa-hoi-tik-tok-doi-voi-sinh-vien-nganh-quan-he-cong-chung-truong-dai-hoc-van-lang/30602012> truy cập ngày 13/09/2022
9. Chứng nghiệm TikTok ở giới trẻ, <https://vnexpress.net/chung-nghien-tiktok-o-gioi-tre-4444485.html> truy cập ngày 13/09/2022.
10. Ảnh hưởng của nội dung video trên tiktok đến hành vi thái độ của sinh viên hà nội, <https://www.studocu.com/vn/document/truong-dai-hoc-tra-vinh/tieu-luan-quan-tri-nguon-nhan-luc/ky-20211023220259-anh-huong-cua-noi-dung-video-tren-tiktok-den-hanh-vi-thai-do-cua-sinh-vien/31014102> truy cập ngày 13/09/2022.
11. <https://vn.godaily.news/cong-nghe/tiktok-va-nhung-he-luy-kho-luong-voi-gioi-tre-viet-nam-chuyen-gia-noi-thang-su-that.html> , truy cập ngày 15/09/2022.
12. <https://diendandoanhnghiep.vn/kham-pha-insight-gen-z-doi-tuongkhach-hang-chu-dao-trong-tuong-lai-174715.html>, truy cập ngày 12/09/2022.

KỸ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP TIẾP CẬN THEO PHƯƠNG PHÁP BIKER

Trần Văn Dũng*

Tóm tắt: Trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung đi sâu vào nghiên cứu về mặt lý luận kỹ năng thuyết trình của sinh viên Luật tại Trường Đại học. Từ đó, đề xuất vận dụng phương pháp BIKER vào xây dựng bài thuyết trình hiệu quả, nhằm tác động, nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên, đặc biệt là các sinh viên theo học Luật.

Từ khóa: Kỹ năng, kỹ năng thuyết trình, phương pháp BIKER, sinh viên luật.

1. Đặt vấn đề

Yêu cầu thiết yếu đối với người hành nghề luật là phải có phẩm chất và các kỹ năng cơ bản trong việc hành nghề. Để tranh luận, tư vấn hoặc thuyết phục khách hàng cũng như khai thác thông tin chính xác thì kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước công chúng tốt là điều rất cần thiết. Theo đó, thuyết trình là một cấp độ cao và phức tạp trong giao tiếp mà yêu cầu người thực hiện cần có những kỹ năng nhất định. Đặc biệt, đối với một sinh viên luật, kỹ năng này lại càng được đề cao khi lời ăn tiếng nói cũng là một trong những điều kiện cần và đủ để chứng tỏ bản lĩnh của một người đã và đang học luật, làm luật. Tuy nhiên, kỹ năng này chỉ được tăng lên chỉ khi được luyện tập thường xuyên và theo một phương pháp hiệu quả thì mới đem lại được kết quả như mong muốn cho người thuyết trình. Ngoài môi trường luyện tập, phương pháp thuyết trình đóng vai trò to lớn trong việc nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên nói chung và sinh viên Luật nói riêng. Do đó, việc nghiên cứu đề tài “*Kỹ năng thuyết trình cho sinh viên luật đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp: Một số lưu ý và tiếp cận theo phương pháp BIKER*” tại thời điểm này là hết sức cần thiết.

2. Tổng quan về kỹ năng thuyết trình

2.1. Khái niệm và đặc điểm của kỹ năng thuyết trình

Để biết được kỹ năng thuyết trình là gì, trước tiên chúng ta phải nắm được thế nào là kỹ năng (skills). Hầu hết chúng ta đều thừa nhận rằng kỹ năng được hình thành khi chúng ta áp dụng kiến thức vào thực tiễn, hay việc thực hiện lặp đi lặp lại một hoặc một nhóm hành động nhất định nào đó²².

Để dễ hiểu, có thể cắt nghĩa như sau: “*kỹ*” được hiểu là kỹ thuật, kỹ xảo còn “*năng*” là năng lực, hay khả năng của con người, vậy kỹ năng là khả năng một người vận dụng những kỹ thuật, kỹ xảo để thực hiện một công việc nhất định. Như vậy, kỹ năng được hiểu là “*năng lực hay khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hay công việc cụ thể phát sinh trong cuộc sống*”.

* Sinh viên Lớp K43C, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Email: dung100322@gmail.com

²² Ché Hữu Cơ (2020), Giải pháp nâng cao hiệu quả việc rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên Khoa Luật Trường Đại học Vinh, Tiêu luận, Trường Đại học Vinh.

Còn đối với khái niệm thuyết trình, thì theo tác giả thuyết trình có thể được xem là một hình thức giao tiếp. Tuy nhiên, đây là hình thức giao tiếp ở mức độ khá phức tạp, đòi hỏi có sự chuẩn bị kỹ càng trước khi thực hiện nếu người thực hiện muốn có buổi thuyết trình thành công. Thuyết trình diễn ra khá thường xuyên trong môi trường học tập và công việc, nếu trình bày một vấn đề thuyết phục, người thuyết trình sẽ truyền tải thông điệp trọn vẹn và gây được tác động đến người nghe như ý muốn, thông qua đó có thể tăng cường uy tín cũng như khả năng ảnh hưởng đến người khác.

Từ những phân tích ở trên, kỹ năng thuyết trình có thể được hiểu là: *“khả năng trình bày bằng lời nói của một người trước đám đông về một vấn đề nào đó. Thông qua sự nghiên cứu và chuẩn bị một cách kỹ lưỡng về vấn đề muốn thuyết trình, từ đó truyền tải một lượng thông tin một cách có hệ thống, rõ ràng hoặc thuyết phục và tạo sức ảnh hưởng đến người nghe”*.

Thông qua khái niệm kỹ năng thuyết trình mà tác giả đã đưa ra, có thể thấy kỹ năng thuyết trình có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, người thuyết trình trước hết phải có vốn kiến thức chắc chắn về vấn đề mình đang trình bày.

Vốn kiến thức đó là tập hợp các tri thức hiểu theo nghĩa rộng mà người thuyết trình tích lũy được tính đến thời điểm người đó trình bày vấn đề. Tri thức có được là do quá trình sống, rèn luyện và nhận thức cuộc sống có chủ đích của người thuyết trình. Tâm thức người thuyết trình phải luôn tỉnh táo và ý thức được những hiện tượng và bản chất của thông tin, tri thức mình sẽ trình bày đạt ở mức độ cảm nhận rõ ràng và chín muồi. Đạt đến độ cảm nhận rõ ràng như nhìn thấy được những vấn đề bản thân đang trình bày. Nói cách khác, muốn thuyết trình hay thì người thuyết trình phải cho người khác nhận biết được những chất liệu và bản chất của thông tin đó. Có nghĩa là người thuyết trình phải hiểu rất rõ với kiến thức và chủ động với kiến thức mà mình đang trình bày.

Thứ hai, người thuyết trình trước hết phải xác định được người nghe thuộc về đối tượng nào để có căn cứ xác định phạm vi trình bày, thời gian trình bày, cách thức trình bày, lựa chọn ngôn ngữ trình bày chủ đề đã xác định.

Ngôn ngữ phải chính xác với chuyên môn, phù hợp với ngữ cảnh, linh hoạt, xúc tích, ngắn gọn, dễ hiểu cho mọi người. Ngữ điệu và tốc độ nhanh chậm khi thể hiện ngôn ngữ cần được quan tâm chú ý hàng đầu. Không nên nói quá nhanh hay quá chậm có thể khiến người nghe khó tiếp thu hoặc có cảm giác khó chịu. Ngôn ngữ phải phổ thông và cách đặt vấn đề phải rõ, logic và phù hợp với người nghe.

Thứ ba, người thuyết trình phải có lập luận chặt chẽ.

Để lập luận chặt chẽ, theo đó người thuyết trình cần phải có sự đối chiếu, so sánh với các quan hệ cùng loại và khác loại để nhằm làm nổi bật những vấn đề đang lập luận, xác định được tính cá biệt, đặc thù của vấn đề đang lập luận và trả lời được các câu hỏi: Vấn đề đó là gì? Nội dung của vấn đề như thế nào? Nội dung của vấn đề này trong mối liên hệ với nội dung của vấn đề khác cùng loại? Những điểm mạnh, điểm phù hợp và chưa phù hợp của vấn đề trong mối liên quan đến các vấn đề cùng loại và

giải pháp khắc phục. Sau đó, mở ra những triển vọng của vấn đề và cuối cùng là kết luận vấn đề.

2.2. Vai trò của kỹ năng thuyết trình đối với sinh viên luật

Ngành luật là một trong những ngành đòi hỏi sự khắt khe nhất các yêu cầu đào tạo đối với sinh viên. Ngoài tri thức và các kiến thức ứng dụng ra, muốn có một nhân sự đầu ra không chỉ tốt mà đạt chất lượng cao, cần phải trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần có của ngành luật. Bởi đặc thù của ngành luật là đào tạo ra đội ngũ nhân sự pháp lý để phục vụ cho lĩnh vực pháp luật và cho xã hội như: Nhà lập pháp, luật sư, chánh án, công tố viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thậm chí là chủ tịch nước, thủ tướng v.v.

Để làm được điều đó, cần thiết phải truyền tải, trang bị cho sinh viên Luật các kỹ năng thuyết trình và nhiều kỹ năng mềm khác. Trong đó, kỹ năng thuyết trình có một số vai trò sau đối với sinh viên Luật:

Thứ nhất, nâng cao khả năng giao tiếp trước đám đông

Lợi ích đầu tiên mà kỹ năng thuyết trình đem lại cho sinh viên Luật đó là khả năng giao tiếp trước đám đông. nếu tích cực rèn luyện kỹ năng thuyết trình thì các bạn sinh viên luật nói riêng và các bạn sinh viên khác nói chung sẽ cải thiện được kỹ năng giao tiếp trước đám đông của bản thân. Bởi, những người có kỹ năng thuyết trình tốt chắc chắn sẽ được đầy đủ sự tự tin để đối diện với vấn đề tốt hơn, khả năng phản ứng với thử thách nhanh nhẹn. Từ đó, giúp cho sinh viên Luật dám nghĩ và dám thể hiện quan điểm trước đám đông. Đây là lợi thế rất lớn cũng như là một yêu cầu cần thiết phải có đối với một sinh viên Luật.

Thứ hai, nâng cao khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy nhạy bén trong công việc

Với tính chất công việc của ngành luật thì các bạn sinh viên Luật mới ra trường, bắt đầu với môi trường làm việc của ngành luật sẽ phải tiếp xúc với số lượng công việc lớn, cũng như lượng hồ sơ, giấy tờ công việc nhiều đòi hỏi cần phải tổng hợp và tư duy logic sự việc một cách khoa học. Đây là công việc đòi hỏi phải có sự nhạy bén, nhạy cảm trước mọi vấn đề, cũng như có kiến thức về các lĩnh vực đời sống²³. Do đó, khi vẫn còn đang trong môi trường Đại học, thì việc các bạn sinh viên Luật tích cực rèn luyện kỹ năng thuyết trình là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng cho công việc sau này. Bởi yêu cầu của kỹ năng thuyết trình tốt đòi hỏi sinh viên Luật phải có khả năng đánh giá, lấy thông tin, nhìn nhận tổng quan để chọn lọc và phân tích ra những thông tin, tài liệu có giá trị nhất giúp cho việc truyền tải thông tin cũng như thuyết phục người nghe một cách hiệu quả.

Thứ ba, nâng cao khả năng thuyết phục người khác

Là một người hành nghề luật thì phải luôn biết cách nói chuyện một cách thuyết phục mọi người. Sức mạnh của thuyết phục chính là giúp xoay chuyển cũng như thay đổi được định kiến có sẵn và thay đổi ý kiến của tòa án theo hướng có lợi cho khách hàng của mình. Và thuyết phục khách hàng tin tưởng bản thân người luật sư đang

²³ Khoa Chính trị - Luật (2021), Sinh viên ngành Luật cần có những phẩm chất và kỹ năng cơ bản nào, Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

biện hộ cho mình²⁴. Do đó, việc sinh viên Luật thường xuyên sử dụng kỹ năng thuyết trình sẽ giúp sinh viên Luật trong việc vận dụng tư duy, kiến thức của bản thân thông qua việc thể hiện bằng lời nói một cách lưu loát và mạch lạc nhất, có như vậy thì mới tạo ra được niềm tin cho người đối diện, cũng như thuyết phục được họ.

2.3. Yêu cầu của kỹ năng thuyết trình

Để xây dựng được một kỹ năng thuyết trình hoàn thiện và đạt hiệu quả cao trong việc thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng, tình cảm và trình độ chuyên môn của bản thân, từ đó thuyết phục người khác để đạt được mục đích ban đầu mà bản thân mong muốn, cần đáp ứng được một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, cần phải xác định được chủ đề và phát triển khuôn khổ lập luận cơ bản. Đối với yêu cầu này, mục tiêu của người thuyết trình là phải nghiên cứu một cách kỹ càng về chủ đề mà mình chuẩn bị thuyết trình, từ đó xác định cách thức lập luận và cách tiếp cận tốt nhất để trình bày, thuyết phục người khác.

Thứ hai, cần phải sắp xếp bố cục trình bày chặt chẽ, hợp lý. Sắp xếp là quá trình tổ chức thông tin theo thứ tự để thuyết phục được người nghe tốt nhất. Người thuyết trình có thể làm điều này bằng nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, các bài thuyết trình liên quan đến lĩnh vực pháp luật thường có cấu trúc mạch lạc, rõ ràng. Trong nhiều trường hợp, cấu trúc bài thuyết trình được quy định chặt chẽ, theo mẫu mà người hành nghề luật phải tuân thủ. Định dạng chung được thể hiện như sau: Giới thiệu; Đặt vấn đề (nêu ra tính cấp thiết của vấn đề thuyết trình); Giải quyết vấn đề (tóm tắt lập luận của bạn, cũng như cách thức giải quyết vấn đề đã được nêu ra); Kết luận.

Thứ ba, yêu cầu về phong cách. Yêu cầu này đề cập đến cách người thuyết trình thể hiện ý tưởng của mình. Phong cách quan trọng bởi nếu không có nó, người nghe sẽ không tin vào những gì người thuyết trình trình bày

Ví dụ: hãy tưởng tượng rằng 2 thành viên trong nhóm bạn, Lan và Nga, đang truyền tải bài thuyết trình cho ban tổ chức. Lan sử dụng phép ẩn dụ và tiếng lóng phức tạp, thường khiến khán giả nhầm lẫn. Nga truyền tải với niềm đam mê và niềm tin. Cô ấy sử dụng những câu đơn giản, mạnh mẽ và thể hiện sự thích thú khi trình bày ý tưởng của mình cho nhóm. Trong 2 người này, thông điệp của ai khiến bạn tin tưởng hơn? Rõ ràng, bạn chú ý đến Nga hơn vì cô ấy chuyên nghiệp, thông minh và bạn tin vào những gì cô ấy nói.

Phong cách của người thuyết trình phụ thuộc vào nền tảng và người nghe, có thể gồm phong cách nói chuyện, ẩn dụ, kể chuyện... Khi thực hiện theo phong cách của mình, hãy tập trung vào việc sử dụng những câu ngắn gọn, đơn giản và có cảm xúc. Trình bày bài phát biểu hoặc bài viết càng đẹp càng tốt và hãy sử dụng những từ ngữ gợi cảm xúc, trí tưởng tượng của mọi người.

Thứ tư, yêu cầu về cách thức truyền tải thông tin.

Cả yêu cầu về cách thức và thời điểm truyền tải và yêu cầu về phong cách đều bao gồm việc người thuyết trình truyền đạt thông điệp của mình tốt ra sao, nhưng

²⁴ Nguyễn Thị Minh Phương (2022), Vai trò của Kỹ năng thuyết trình được vận dụng như thế nào đối với chuyên ngành mà anh chị đang theo học, Tiểu luận, Trường Đại học Tài Chính Ngân hàng Hà Nội.

yêu cầu về truyền tải tập trung vào cách người thuyết trình hành động khi giao tiếp với người khác.

Khi thuyết trình, nó có thể bao gồm ngôn ngữ cơ thể, tông giọng, cách diễn tả và cử chỉ. Khi truyền tải thông điệp của mình, người thuyết trình cần xây dựng được lòng tin với người nghe. Họ cần phải tin rằng bạn đáng tin cậy, tự tin, thông minh và am hiểu về chủ đề. Điều này luôn đúng cho dù bạn trò chuyện ngẫu hứng hay phát biểu trước một lượng lớn khán giả.

Thứ năm, yêu cầu về trí nhớ.

Trước khi có giấy và mực, người thuyết trình phải ghi nhớ bài thuyết trình bằng cách sử dụng trí nhớ và những công cụ ghi nhớ khác. Người thuyết trình được khuyến khích nên nghiên cứu và ghi nhớ những luận điểm chính, câu chuyện và ý tưởng mà họ có thể sử dụng trong bài thuyết trình.

Ở đây, yêu cầu này có nghĩa là luyện tập bài thuyết trình (hoặc trở nên quen thuộc với chủ đề) giúp cho người thuyết trình cảm thấy tự tin khi truyền đạt ý tưởng cho người nghe. Sử dụng kỹ thuật ghi nhớ, chiến lược xem xét lại và checklist để đưa ý tưởng vào trí nhớ dài hạn.

Thông điệp của người thuyết trình cũng cần trở nên đáng nhớ với người nghe. Xem qua những ý tưởng, câu chuyện và công cụ trợ giúp trực quan mà người thuyết trình dự định sử dụng. Làm thế nào để đảm bảo người nghe sẽ không quên bạn ngay sau khi họ đọc hoặc nghe xong và làm thế nào để tạo ra tác động sâu sắc và tiếp cận người nghe ở mức độ cảm xúc.

3. Xây dựng bài thuyết trình theo phương pháp BIKER

3.1. Giới thiệu về phương pháp BIKER

Từ những phân tích về vai trò cũng như là những yêu cầu đặt ra cho người thuyết trình khi muốn thực hiện một bài thuyết trình tốt, thì việc được đảm bảo thực hiện, áp dụng đúng phương pháp là rất quan trọng.

Theo đó, một bài thuyết trình dù ngắn hay dài đều được cấu trúc dựa trên 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài. Ba nội dung này được tóm tắt trong phương pháp BIKER. Đây là một phương pháp nhằm định hướng cho người thuyết trình về cách thức để tổ chức, xây dựng và truyền tải thông tin, nội dung của bài thuyết trình một cách có logic và hiệu quả. Từ đó giúp cho người thuyết trình đạt được mục đích trong việc giúp người nghe dễ nhớ, dễ tiếp thu những thông tin, nội dung kiến thức mà người thuyết trình đã truyền tải.

Trong đó, cụm từ BIKER được ghép lại với nhau bởi các từ tiếng anh. Cụ thể:

B – Bang (mở màn ấn tượng)

I – Introduction (giới thiệu các ý chính)

K – Keypoint (trình bày các ý chính)

E – Examples (nêu ra các ví dụ)

R – Recap (điểm lại các ý chính)

3.2. Vận dụng phương pháp BIKER trong xây dựng bài thuyết trình cho sinh viên luật

Đối với người học luật, kỹ năng thuyết trình là một kỹ năng cần thiết cho việc học tập hiện tại, cũng như là hỗ trợ cho công việc sau này. Tuy nhiên, để có được một kỹ năng thuyết trình tốt thì ngoài việc tích cực rèn luyện, thực hành thì việc vận dụng một cách bài bản theo một phương pháp sẽ giúp cho người học luật dễ đạt được kết quả. Theo đó, việc vận dụng phương pháp BIKER trong xây dựng bài thuyết trình cho sinh viên luật được thực hiện theo các giai đoạn sau:

Thứ nhất, BANG – mở màn ấn tượng

Thực hiện thuyết trình thì người thuyết trình được xem như là một chiếc đinh đóng vào tấm ván, phát búa đầu tiên phải thật mạnh. Trong giai đoạn đầu tiên khán giả tập trung vào người thuyết trình nhiều nhất vì thế hãy mở đầu thật ấn tượng. Hãy tránh mở đầu nhàm chán bằng cách “*hôm nay tôi sẽ trình bày các bạn về đề tài Pháp luật về Hợp đồng vay tài sản...*”. Thay vào đó, việc đầu tiên khi người thuyết trình cần phải làm để bắt đầu cho buổi thuyết trình đó là chuẩn bị một tư thế, phong thái thật bình tĩnh, tự tin và tiếp đến là việc gửi tới những người nghe một lời chào, lời chúc tốt đẹp nhất.

Ví dụ: Vâng, xin chào tất cả các bạn sinh viên và thầy cô giáo thân mến. Tôi xin tự giới thiệu, tôi tên là Nguyễn Văn A. Và lời đầu tiên, cho phép tôi xin được gửi đến tất cả các bạn sinh viên, cũng như các thầy cô giáo đang có mặt trong hội trường ngày hôm nay, một lời chúc, một lời chào thân thương nhất. Chúc cho các bạn sinh viên, thầy cô giáo có một ngày làm việc thật là hiệu và thành công. Vâng, kỹ năng thuyết trình với một cái vai trò quan trọng không thể thiếu đối với sinh viên Luật nói riêng và sinh viên khác nói chung, thì ngày hôm nay tôi sẽ trình bày cho các bạn sinh viên, cũng như các thầy cô có mặt trong hội trường ngày hôm nay hiểu rõ hơn về lý do tại sao nói kỹ năng thuyết trình là một thứ không thể thiếu đối với sinh viên Luật.

Với ví dụ nêu trên, thì chúng ta có thể thấy rằng, việc nên mở đầu bằng một lời chào và một lời chúc như vậy là nhằm mục đích giúp cho người thuyết trình tạo được thiện cảm đối với những người lắng nghe buổi thuyết trình ngày hôm đó, ngay từ lúc đầu. Cũng như là một bước đệm để người thuyết trình làm quen với môi trường, có được sự tự tin, bình tĩnh để bước vào giai đoạn truyền tải thông tin, nội dung kiến thức của bài thuyết trình.

Ngoài ra, người thuyết trình cũng có thể tạo cho người nghe một vài phút giây thú vị bằng những câu chuyện vui, những hình ảnh ngộ nghĩnh và gây cười. Và với cách thức này, thì người thuyết trình, hãy khoan giới thiệu bạn là ai mà hãy khiến cho khán giả của bạn thấy thích thú với bạn trước đã, tự động họ sẽ muốn biết bạn là ai và họ sẽ có ấn tượng với bạn nhiều hơn.

Lưu ý: Việc lựa chọn phần mở màn phải phù hợp với tính cách của người thuyết trình và chủ đề trình bày cũng như là phù hợp với đối tượng người nghe. Phong cách tự nhiên, chân thành, có nét riêng của bản thân người thuyết trình từ đó dễ hơn trong việc thuyết phục người nghe.

Thứ hai, INTRODUCTION – giới thiệu sơ lược các ý chính của bài thuyết trình

Sau phần mở đầu là phần giới thiệu về nội dung mà người thuyết trình dự định trình bày, hãy giới thiệu các ý chính và mục tiêu của bài thuyết trình. Bạn cũng đừng quên là nói về thời gian mà bạn sẽ thuyết trình với khán người nghe

Ví dụ: Đối với chủ đề “Review film trá hình – Thực trạng và giải pháp” này, ngày hôm nay tôi sẽ trình bày cho các bạn 5 nội dung chính. Cụ thể: Thứ nhất, Tính cấp thiết; Thứ hai, Khái niệm về “review film trá hình”; Thứ ba, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động “Review film trá hình”; Thứ tư, những hạn chế, bất cập của quy định pháp luật về việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh trên môi trường kỹ thuật số; Thứ năm, giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh trên môi trường kỹ thuật số. Và với 5 nội dung nêu trên, thì tôi sẽ trình bày trong vòng 20 phút.

Theo đó, việc mà người thuyết trình nêu ra cụ thể những nội dung mà ngày hôm nay họ trình bày cũng như là mốc thời gian mà họ dự định trình bày đối với những nội dung được nêu ra ở trên, thì sẽ giúp cho người nghe chủ động trong việc định hình sẽ lắng nghe những nội dung nào của bài thuyết trình, cũng như sẽ lắng nghe những nội dung đó trong khoảng thời gian bao lâu. Từ đó, người nghe sẽ có một tâm lý thoải mái trong việc tiếp nhận thông tin, nội dung mà người thuyết trình truyền tải.

Lưu ý: Ở phần này, người thuyết trình cần phải giới thiệu sơ lược các ý chính một cách làm sao cho tránh việc lặp từ phía đuôi quá nhiều, điều này sẽ giúp vừa tiết kiệm thời gian, mà người nghe không bị rối cũng như nhầm chán.

Thứ ba, KEYPOINT – trình bày các ý chính

Trong giai đoạn này, người thuyết trình nên lưu ý chọn lọc những nội dung cần thiết, có độ dài vừa đủ và có những chỗ cần giải thích nhằm định hướng chính xác vấn đề cho người nghe, tránh việc dẫn dắt người nghe đi lan man quá sâu vào một vấn đề không cần thiết.

Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý một vấn đề về thông điệp. Theo đó, người thuyết trình luôn luôn phải ghi nhớ trong bài thuyết trình của mình đó là thông điệp mà người nghe sẽ mang theo sau buổi thuyết trình này là gì? Đó là những ý chính mà người thuyết trình nên lặp đi lặp lại khi thuyết trình. Hãy nói một cách ngắn gọn về thông điệp đó. Một số chuyên gia khuyên rằng nên tóm tắt thông điệp chính không quá 30 giây hoặc viết lên bảng sau danh thiếp và nói lên không quá 15 từ. Thông thường một bài thuyết trình ngắn chỉ nên có một thông điệp và những bài thuyết trình dài không có quá 3 thông điệp. Số lượng ý chính sẽ tùy thuộc vào:

- (i) các thông điệp người thuyết trình cần truyền đạt;
- (ii) thời lượng trình bày mà người thuyết trình có được; và
- (iii) người thuyết trình luôn phải nhớ càng ít thông điệp càng tốt.

Thứ tư, EXAMPLES – các ví dụ

Con người vốn được lập trình để phản ứng lại với các câu chuyện. Những câu chuyện giúp chúng ta tập trung và dễ dàng nhớ được nội dung. Nếu người thuyết trình có thể sử dụng các câu chuyện trong buổi thuyết trình của mình, người nghe sẽ

thích thú hơn và tham gia vào câu chuyện cũng như nhớ những thông điệp mà người thuyết trình gửi gắm vào câu chuyện lâu hơn. Thật sự là một ý kiến hay để bắt đầu bằng một câu chuyện, và một điều xa hơn đó là người thuyết trình lái bài thuyết trình của mình đi theo chiều hướng kể chuyện. Các ví dụ có vai trò giúp làm rõ được thông điệp người thuyết trình cần truyền tải, nhưng cũng cần tránh các ví dụ mang tính hài hước nhưng quá xa rời thực tế.

Thứ năm, RECAP – điểm lại các ý chính

Phần kết luận cần gọn gàng và đơn giản, người thuyết trình sẽ cần nhắc lại các luận cứ dẫn đến kết luận. Luận cứ là các lý do cho việc rút ra kết luận hay thông điệp chính. Vì thế, sau khi nhắc lại luận cứ, người thuyết trình sẽ xác nhận lại kết luận hoặc thông điệp chính của bài thuyết trình bằng cách: “và điều cuối cùng tôi muốn các bạn nhớ...”; “và điều tôi muốn bạn nhớ là ...”; “tôi muốn kết thúc bài thuyết trình bằng một câu nói...”; “điều cuối cùng tôi muốn nhắc lại là...”.

Ngoài ra, người thuyết trình cũng có thể tiến hành cho người nghe chơi các trò chơi với mục đích để củng cố kiến thức cũng như giúp cho người nghe nhớ lại những kiến thức đã được người thuyết trình truyền tải.

4. Kết luận

Có thể thấy rằng, đối với sinh viên Luật, trình độ kiến thức pháp lý là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Ngoài kiến thức pháp lý được trau dồi trên giảng đường, sinh viên Luật cần phải tích cực rèn luyện các kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình. Tuy nhiên, không phải bất cứ sinh viên nào nói chung hay sinh viên Luật nói riêng đều cũng có thể rèn luyện tốt được kỹ năng thuyết trình này. Đặc biệt, trong quá trình hoạt động, học tập tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế, nhóm tác giả nhận thấy kỹ năng thuyết trình và hùng biện trong sinh viên luật vẫn còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập, cũng như công việc về sau. Do đó, trong bài viết này, nhóm tác giả đã chú trọng đi sâu trong việc giải thích rõ về mặt lý luận của kỹ năng thuyết trình, yêu cầu của kỹ năng thuyết trình cũng như là vai trò của kỹ năng thuyết trình đối với sinh viên Luật. Từ đó, tạo tiền đề cơ sở đưa ra một phương pháp mà nhóm tác giả cho rằng là phù hợp và hiệu quả, để nhằm mục đích, hỗ trợ, nâng cao khả năng thuyết trình của các bạn sinh viên nói chung và đặc biệt là các bạn riêng viên Luật nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khoa Chính trị - Luật (2021), Sinh viên ngành Luật cần có những phẩm chất và kỹ năng cơ bản nào, Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, <https://bom.so/9iIU4N>
2. Chế Hữu Cơ (2020), Giải pháp nâng cao hiệu quả việc rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên Khoa Luật Trường Đại học Vinh, Tiểu luận, Trường Đại học Vinh.
3. Nguyễn Hồng (2021), 5 lợi ích của kỹ năng thuyết trình mà bạn chưa biết, <https://timviec365.vn/blog/loi-ich-cua-ky-nang-thuyet-trinh-new13957.html>
4. Nguyễn Thị Minh Phương (2022), Vai trò của Kỹ năng thuyết trình được vận dụng như thế nào đối với chuyên ngành mà anh chị đang theo học, Tiểu luận, Trường Đại học Tài Chính Ngân hàng Hà Nội.
5. Nguyễn Đông Triều (2021), Giáo trình môn kỹ năng mềm, Trường Đại học Văn Hiến.

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trần Thị Diệu

Trần Thị Thu Hiền; Lê Thị Thảo Nguyên*

Tóm tắt: Hội nhập quốc tế là một quá trình tất yếu, muốn tồn tại và phát triển thì đòi hỏi hệ thống pháp luật quốc gia phải cải cách và thích ứng với sự tiến triển về lập pháp trên thế giới. Việt Nam là đất nước đang phát triển, trong tiến trình hội nhập, vấn đề pháp lý hôn nhân gia đình và bạo lực gia đình là một trong những vấn đề phổ biến, đã và đang được xã hội quan tâm. Hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề trên. Tuy nhiên, nhóm tác giả nhận thấy vẫn chưa xây dựng được một khái niệm hoàn thiện, đầy đủ về vấn đề phòng chống bạo lực gia đình. Cũng như việc thực hiện, áp dụng các quy định đó vào thực tế lại tồn tại không ít khó khăn và vướng mắc. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn trên, nhóm tác giả chọn đề tài: "Pháp luật Việt Nam về phòng chống bạo lực gia đình và một số kiến nghị" để làm rõ các vấn đề trên. Qua đó đưa ra giải pháp nhằm hạn chế tình trạng bạo lực gia đình cũng như đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp lý về phòng chống bạo lực gia đình trong tiến trình hội nhập.

Từ khóa: Bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, phòng chống bạo lực gia đình.

1. Đặt vấn đề

Bạo lực gia đình tuy là một vấn đề không mới, nhưng đây là một trong những vấn đề đáng quan tâm hàng đầu không những tại Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Bạo lực gia đình có thể được hiểu là thành viên trong gia đình bị tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế bởi hành vi cố ý từ thành viên khác trong gia đình. Nó có ảnh hưởng nghiêm trọng về thể chất, tình cảm, tài chính và xã hội đối với các nạn nhân, các gia đình và cộng đồng. Bạo lực gia đình gây ra và kéo theo rất nhiều hệ lụy, nó gây ảnh hưởng đến tài chính, thể chất, danh dự, nhân phẩm và thậm chí là cả tính mạng của một hoặc nhiều cá nhân, đặc biệt nhóm đối tượng là phụ nữ và trẻ em. Bạo lực gia đình làm xóa mòn đi các giá trị gia đình truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đây là một trong những nguy cơ hàng đầu gây tan hoặc suy giảm sự bền vững của gia đình. Do đó, nhóm tác giả nghiên cứu lý luận chung về bạo lực gia đình, quy định về phòng chống bạo lực gia đình, phân tích, đánh giá thực trạng và đưa ra kiến nghị nhằm giảm bớt tình trạng bạo lực gia đình.

2. Quy định của pháp luật về bạo lực gia đình

2.1. Khái niệm, đối tượng, đặc điểm của bạo lực gia đình

* Khái niệm

Có những định nghĩa khác nhau và đa dạng về bạo lực gia đình.

Xét trên bình diện xã hội học, bạo lực gia đình là ngược đãi bằng tình cảm, thể xác hay tình dục một thành viên gia đình bằng một thành viên khác.²⁵

* Sinh viên Lớp K44H, ngành Luật, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

²⁵ John J. Macionnis, (2004), *Xã hội học*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.

Xét trên bình diện bình diện chủ thể của hành vi bạo lực, tổ chức Y tế thế giới (WHO) nhận định: Phần lớn người gây bạo lực gần như luôn luôn là nam giới, thường là người chồng hoặc người tình, chồng cũ đối với vợ.²⁶

Xét trên bình diện hậu quả của hành vi bạo lực, Đại hội đồng Liên hợp quốc nhận thấy bạo lực gia đình là những hành vi dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến những tổn thất về thân thể, tình dục hay tâm lý của người phụ nữ. Đây cũng là quan điểm của Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và là quan điểm của Chính phủ Việt Nam đã được thể hiện rõ trong Luật phòng chống bạo lực gia đình.²⁷

Xét trên bình diện nguyên nhân của bạo lực gia đình, Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) khẳng định: bạo lực gia đình bắt nguồn từ các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ.

Còn xét trên bình diện luật pháp, bạo lực gia đình là hành vi hành vi cố ý gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình (khoản 2, Điều 1 Luật phòng, chống bạo lực gia đình)

Qua phân tích các định nghĩa trên, hiểu chung nhất về bạo lực gia đình là những hành vi ngược đãi của thành viên gia đình đối với người thân của họ dẫn đến những tổn thất về thân thể hay tinh thần, tình cảm hay tình dục, kinh tế hay xã hội giữa các thành viên trong gia đình. Mục đích là để thiết lập, áp dụng quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác.

* Đối tượng của bạo lực gia đình

Bất kỳ thành viên nào trong gia đình đều trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình, đó có thể là bạo lực từ cha mẹ đối với con cái, bạo lực giữa vợ và chồng, bạo lực giữa con cái đối với cha mẹ, bạo lực giữa các thành viên giữa gia đình với nhau.

Đặc biệt khi bạo lực xảy ra, nhóm đối tượng là phụ nữ và trẻ em là nhóm đối tượng dễ bị tác động và tổn thương nhất. Bởi họ là nhóm người vốn đã yếu thế, nay là nạn nhân thì sẽ càng phải chịu những tổn thất và thiệt thòi nhiều hơn nữa. Nên đây cũng chính là đối tượng cần ưu tiên, đặc biệt chú trọng bảo vệ trước vấn nạn bạo lực gia đình.

* Đặc điểm

Một là, bạo lực gia đình xảy ra giữa các thành viên trong gia đình hoặc những người đã từng có quan hệ gia đình. Vì vậy, phạm vi của bạo lực gia đình khá rộng và có tính bao quát.

Hai là, hành vi bạo lực gia đình là hành vi cố ý và có ý thức.

Ba là, bạo lực gia đình khó bị phát hiện, khó can thiệp bởi nó thường xảy ra trong gia đình.

Bốn là, bạo lực gia đình nhằm thiết lập, duy trì quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác.

²⁶ Lý Thị Minh Hằng, Khoa Tâm lý – Giáo dục, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Bạo lực gia đình và hậu quả tâm lý đối với nạn nhân của bạo lực gia đình*, Tạp chí tâm lý học. Số 8 (125). 8 – 2009.

²⁷ Lý Thị Minh Hằng, Khoa Tâm lý – Giáo dục, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Bạo lực gia đình và hậu quả tâm lý đối với nạn nhân của bạo lực gia đình*, Tạp chí tâm lý học. Số 8 (125). 8 - 2009

Năm là, bạo lực gia đình tồn tại dưới nhiều kiểu loại và dạng thức khác nhau. Có thể là bạo lực gia đình giữa vợ - chồng, cha mẹ - các con, ông bà - các cháu, anh - chị - em trong gia đình với nhau. Nạn nhân bạo lực gia đình: chủ yếu là phụ nữ, trẻ em gái.

2.2. Các hình thức bạo lực gia đình

Dựa theo mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình: có hai loại bạo lực chủ yếu là bạo lực đối với vợ chồng và bạo lực đối với con cái. Bên cạnh đó cũng có bạo lực giữa anh/chị em, và các thành viên khác trong gia đình (tùy thuộc vào loại hình và quy mô của gia đình).

Ở Việt Nam, pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình không phân loại các hình thức bạo lực gia đình. Tùy vào điều kiện kinh tế xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình thì nhóm tác giả nhận thấy từ các hành vi bạo lực gia đình có thể chia thành 4 hình thức bạo lực gia đình. Đó là:

Thứ nhất, bạo lực thể chất: là những hành vi cố ý có khả năng gây ra thương tích về mặt thể chất. Bao gồm những hành vi như: đánh đập, ngược đãi, tra tấn hoặc các hành động cố ý khác làm nạn nhân bị thương tích, ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc bị thiệt mạng. Đây là hình thức bạo lực dễ nhận biết nhất bởi nó thường để lại dấu vết trên cơ thể nạn nhân.

Thứ hai, bạo lực tinh thần: bao gồm những hành vi có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tâm thần của phụ nữ - những hành vi như lăng mạ, chửi bới, đe dọa hoặc các hành vi xúc phạm khác, kiểm soát và ngăn cấm người phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội hoặc kinh tế. Đây là hình thức bạo lực gia đình khó nhận biết.

Thứ ba, bạo lực tình dục: bất kỳ hành động hoặc hành vi nào trong tình dục mà không được sự chấp nhận của người kia. Đây là hình thức bạo lực gia đình khó phát hiện và xử lý bởi tính chất riêng tư và tế nhị của nó.

Thứ tư, bạo lực kinh tế: Các hành động như cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính. Đây là hình thức bạo lực thường xảy ra với nạn nhân là phụ nữ/ người vợ trong gia đình.

2.3. Nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình

Một số nguyên nhân phổ biến dẫn đến bạo lực gia đình:

Thứ nhất, bất bình đẳng giới. Đến thời điểm hiện tại, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn ảnh hưởng từ thời kỳ phong kiến. Ở nhiều gia đình, nam giới có tiếng nói và quyền nhiều hơn phụ nữ. Có khi phụ nữ bị bạo lực nếu không sinh được con trai. Những đứa con đôi khi cũng chịu đựng những đòn roi hay sự cấm cản vô lý của cha mẹ. Phụ nữ thường vì hạnh phúc của gia đình, hi sinh về con cái có thể chịu đựng nhường nhịn, nhưng cũng chính vì thế những người đàn ông “gia trưởng” lại tiếp tục bạo lực.

Thứ hai, do vấn đề nhận thức. Các gia đình dùng hình phạt để giáo dục con cái của các bậc phụ huynh đã làm ảnh hưởng đến suy nghĩ, tinh thần đến con trẻ. Có những đứa trẻ “cô đơn ngay chính căn nhà của mình” hay căng thẳng, sợ về nhà vì

không nhận được sự đồng cảm của các thành viên trong gia đình. Và hàng xóm, những người xung quanh với suy nghĩ lạc hậu “ đèn nhà ai nấy rạng” không quan tâm lắm đến những đứa trẻ là nạn nhân bị bạo hành, cũng chính vì thế mà nạn bạo lực gia đình vẫn đang diễn ra.

Thứ ba, do vấn đề kinh tế. Đối mặt mới điều kiện kinh tế gia đình, thu nhập không ổn định cũng ảnh hưởng đến đời sống hôn nhân. Sự phân cấp về kinh tế, đông con, sống trong điều kiện tồi tàn khiến mâu thuẫn gia đình ngày càng căng thẳng.

Thứ tư, do nghiện rượu, các chất kích thích. Sử dụng rượu bia và các chất kích thích làm ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần làm mất đi sự tỉnh táo, từ đó xuất hiện các hành vi bạo lực thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình. Những gia đình có cha mẹ nghiện rượu và thường xuyên xảy ra bạo lực gia đình sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ nhỏ, khó có thể phát triển nhân cách lành mạnh.

Thứ năm, do trình độ học vấn. Ở những vùng nông thôn, vùng núi kiến thức về bình đẳng giới chưa được phổ cập một cách phổ biến nên thường xảy ra các hành vi bạo lực giữa người chồng – vợ và cha, mẹ - con. Phụ nữ trong các gia đình luôn cam chịu, không đấu tranh để chống lại sự bạo lực vô lý đó. Nếu trình độ học vấn cao hơn có thể biết cách bảo vệ bản thân trước những hành vi bạo lực gia đình.

Thứ sáu, do thiếu hiểu biết về pháp luật. Pháp luật đã có nhiều quy định về bạo lực gia đình, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều gia đình thiếu hiểu biết về vấn đề này. Vẫn chưa có sự chủ động của nạn nhân như tìm sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng mà thay vào đó là sự nhẫn nhịn gánh chịu những hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần.

2.4. Hậu quả của hành vi bạo lực gia đình

Thứ nhất, đối với nạn nhân bạo lực gia đình

Về thể chất, bạo lực gia đình làm suy giảm khả năng về ăn, ngủ, nghỉ, gây tổn thương thực thể: bầm tím, xây xước, chảy máu, bị thương tật, làm giảm khả năng lao động, thậm chí là tử vong. Riêng với phụ nữ và trẻ em gái, họ còn bị ảnh hưởng tới sức khỏe sinh sản do những ép buộc tình dục như: mang thai ngoài ý muốn, bị các bệnh hay biến chứng sản khoa, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

Về tâm lý, có những nạn nhân bạo lực gia đình bị rối loạn tâm lý như: trầm cảm, hoang tưởng, lo lắng về an toàn của bản thân, xấu hổ. Một số phụ nữ bị bạo lực gia đình còn có thể gặp khó khăn trong chăm sóc giáo dục con cái. Đối với trẻ em, có xu hướng tự thu mình hoặc có hành vi quá khích, chống đối xã hội, kết quả học tập bị giảm sút.

Về quan hệ xã hội, nạn nhân tự cô lập, thu mình, lảng tránh không giao tiếp với người khác, không muốn tham gia vào các hoạt động xã hội, bởi họ có cảm giác phụ thuộc, tâm lý thụ động do bị bạo lực hoặc sợ người có hành vi bạo lực gia đình không cho tham gia.

Thứ hai, đối với gia đình, xã hội

Một là, chi phí cho việc chữa trị và phục hồi sức khỏe;

Hai là, tài sản bị giảm sút do sự đập phá, tiêu tán bởi hành vi bạo lực gia đình, thu nhập của gia đình bị suy giảm;

Ba là, mâu thuẫn gia đình tăng lên, sự quan tâm chăm sóc giáo dục giữa các thành viên trong gia đình giảm sút; con trẻ bị thụ động, cô lập, né tránh cộng đồng;

Bốn là, gây áp lực lên hệ thống y tế trong xã hội, chi phí xã hội phải dành cho can thiệp bạo lực gia đình gia tăng,... làm ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP hàng năm.

Năm là, nguy cơ gia tăng của những hành vi lệch chuẩn, tội phạm trong xã hội; ảnh hưởng tới nỗ lực phòng, chống bạo lực gia đình.

Như vậy, có thể thấy bạo lực gia đình không chỉ gây ra những hậu quả trực tiếp đối với người bị bạo lực mà nó còn ảnh hưởng tới gia đình và toàn xã hội.

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình

3.1. Tích cực

Một là, hiện nay ở Việt Nam đã có hai luật về phòng chống bạo lực gia đình đó là: Luật bình đẳng giới năm 2006 và Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Những luật này đã có vai trò lớn trong việc giảm thiểu số lượng các vụ bạo lực gia đình tại Việt Nam, đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần bảo vệ người bị bạo lực gia đình, xử lý các hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình và nâng cao bình đẳng giới trong gia đình.

Hai là, các cấp ủy, tổ chức Đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình.

Ba là, nhiều địa phương tổ chức triển khai các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình sáng tạo, năng động, phát huy hiệu quả tốt cũng như huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

3.2. Hạn chế

Một là, hệ thống tư pháp hình sự chủ yếu tập trung giải quyết những vụ bạo lực gia đình rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng như giết người hoặc gây thương tích lớn phải điều trị tại bệnh viện hoặc bạo lực xảy ra thường xuyên trong quá khứ, đã xử lý hành chính nhưng vẫn tái diễn. Ngay cả khi xảy ra vụ việc gây cho nạn nhân hậu quả nghiêm trọng thì tỷ lệ bỏ lọt tội phạm cũng khá cao. “Bỏ lọt tội phạm” ở đây nói tới việc các vụ bạo lực được xử lý bị bỏ qua dần khi đi qua các khâu trong hệ thống tư pháp hình sự, từ trình báo với công an, đến điều tra vụ việc, buộc tội nghi phạm, truy tố, kết án và tuyên án. Nghiên cứu của UNODC đối với 900 phụ nữ là nạn nhân của BLGD ở Việt Nam cho thấy hầu hết các vụ việc trình báo với công an đều không dẫn đến kết quả là thủ phạm bị kết án. Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thủ phạm bị buộc tội sau khi bị tố giác tới công an là rất thấp, chỉ 12%. Điều này có nghĩa là hơn 80% các vụ việc mà nạn nhân trình báo công an nhưng thủ phạm không bị buộc tội. Qua kết quả này, chúng ta có thể thấy rằng hệ thống tư pháp vẫn chưa xử lý bạo lực gia đình một cách nghiêm khắc.

Hai là, các vụ án hình sự về bạo lực gia đình là một thách thức đối với các cán bộ tư pháp hình sự bởi nhiều lý do. Mỗi quan hệ kinh tế, tình cảm...giữa thủ phạm và nạn nhân tạo nên việc phát hiện, tố giác, xử lý các hành vi liên quan đến bạo lực gia đình thường gặp nhiều khó khăn. Nhiều nạn nhân thông báo cho công an chỉ với

mong muốn ngăn chặn bạo lực chứ không muốn thủ phạm bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc hành chính. Một số nạn nhân có thể thể hiện sự không hợp tác khi cán bộ điều tra đến hiện trường hoặc khi vụ án được đưa ra xét xử. Điều này dẫn tới, thời gian giải quyết bị kéo dài, nhiều trường hợp không đủ căn cứ để chứng minh hành vi vi phạm. Nhiều trường hợp, nạn nhân xin bảo lãnh tại ngoại, giảm án cho người có hành vi bạo lực gia đình...

Ba là, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự liên quan đến bạo lực gia đình, một số trường hợp người làm chứng không khai đầy đủ hoặc cố ý bao che nên cơ quan tiến hành tố tụng không thể bảo vệ triệt để quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình.

Bốn là, hiện nay, Luật quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình và tổ chức từ Điều 31 đến Điều 41 nhưng không gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong thực thi nhiệm vụ phòng chống bạo lực gia đình. Chưa xác định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước và trách nhiệm phối hợp trong triển khai nhiệm vụ phòng chống bạo lực gia đình. Từ đó dẫn đến tình trạng thực thi pháp luật mang yếu tố cảm tính – phụ thuộc vào sự quan tâm của người đứng đầu.

Năm là, cộng đồng, chính quyền, đoàn thể thiếu quan tâm, đôi khi coi bạo lực gia đình là chuyện riêng tư, chỉ can thiệp khi gây ra hậu quả nghiêm trọng.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nhằm hạn chế tình trạng bạo lực gia đình

4.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Trước tình trạng bạo lực gia đình đang có xu hướng gia tăng về số vụ, phức tạp về tính chất lẫn mức độ nguy hiểm như hiện nay thì việc đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như giúp giảm tải tình trạng bạo lực gia đình là vấn đề cấp bách và cần thiết hơn bao giờ hết.

Trước hết, điều cốt lõi để giảm thiểu nguy cơ và tình trạng bạo lực gia đình đó chính là hoàn thiện hệ thống pháp luật. Để luật từ văn bản, có thể đi vào đời sống, phát huy được sức mạnh bảo vệ quyền con người, thì cần phải đáp ứng tiêu chí sau đây:

Thứ nhất, cần phải xây dựng các quy định của pháp luật ưu tiên việc phòng ngừa bạo lực gia đình. Bởi một khi làm tốt công tác phòng ngừa thì sẽ có thể hạn chế tối đa bạo lực gia đình xảy ra sau đó.

Tuy nhiên, để đạt được điều này, cần phải chú trọng hơn nữa vào việc ban hành các quy định, tiếp đó làm tốt công tác tuyên truyền, truyền tải được các quy định pháp luật đã ban hành đến từng địa bàn, từng người. Để từ đó mới có thể nâng cao ý thức cho người dân trong phát hiện để kịp thời ngăn chặn bạo lực gia đình. Thiết nghĩ, thay vì chỉ quy định chung chung đó là quyền và nghĩa vụ như hiện nay, cần phải làm rõ chế tài trong các trường hợp biết mà im lặng, không hành động theo quy định của pháp luật. Đồng thời, luật cũng cần quy định rõ về cách thức bảo vệ người đã báo tin, tố giác bạo lực gia đình để tránh họ bị người phạm tội, người nhà người phạm tội trả thù, hoặc cũng cần phải vận động để bản thân họ thoát khỏi nhận thức sợ bị liên lụy, sợ bị trả thù, hoặc tâm lí ngại phiền phức, tốn thời gian khi ra mặt làm

chúng. Chỉ khi giải quyết được vấn đề đó, mới có thể khuyến khích người khác tích cực tham gia vào hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình.

Thứ hai, cũng cần phải tăng nặng hơn nữa mức phạt trong xử phạt hành chính đối với các hành vi bạo lực gia đình. Đối với các khoản tiền nộp phạt, cũng phải quy định rõ nguồn tiền dùng sử dụng nộp phạt đối với hành vi bạo lực gia đình phải độc lập với lợi ích của nạn nhân và của các thành viên khác trong gia đình. Trong trường hợp không phân tách được nguồn tiền nộp phạt thì phải có biện pháp xử lý khác thay thế như là cưỡng chế lao động công ích.

Thứ ba, đối với xử lý trong lĩnh vực hình sự, thiết nghĩ cần phải tăng nặng thêm nữa các khung hình phạt, mức hình phạt đối với tội phạm bạo lực gia đình. Cần phân biệt tội phạm bạo lực gia đình với các tội phạm khác trên cùng một tội danh, để có mức xử phạt tăng nặng, thích đáng hơn nữa. Không những vậy, còn cần phải bổ sung thêm các chế tài tương xứng, với các hành vi bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục. Bởi, trên thực tế đây là hành vi ít bị phát giác do văn hóa của người Việt vẫn còn né tránh, ngại công khai, tiết lộ nhưng lại rất cần thiết trong việc bảo vệ nạn nhân bị bạo lực tình dục, bởi bạo lực về tình dục đang là nhóm bạo lực gia đình gia tăng trong những năm gần đây.

Thứ tư, nên mở các lớp đào tạo nghiệp vụ, kĩ năng và đặc biệt cần trang bị kĩ các kiến thức pháp luật cho các tổ tư vấn hòa giải thay vì chỉ có các kĩ năng như hiện nay. Vì thực tế, các tổ tư vấn, làm công tác tư vấn, hòa giải, là những người có khả năng tiếp cận vụ việc bạo lực gia đình đầu tiên. Cho nên, cần phải nắm chắc được kiến thức pháp luật và có kĩ năng tư vấn hòa giải tốt thì việc tư vấn, hòa giải mới đạt hiệu quả như mong muốn.

4.2. Kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật nhằm hạn chế tình trạng bạo lực gia đình

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống tư pháp hình sự, đồng thời tăng cường phối hợp công tác tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự, tập trung giám sát hoạt động tư pháp, từ công tác điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án.

Thứ hai, phải nâng cao dân trí, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới nhằm nâng cao nhận thức tiến tới chuyển đổi hành vi của các tầng lớp nhân dân về bạo lực gia đình, đồng thời đi đôi với việc thực hiện bình đẳng giới, thi hành luật và các chế tài nghiêm minh. Đây mạnh thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh;

Thứ ba, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi bạo lực trong gia đình theo đúng quy định của pháp luật, xử lý người vi phạm đồng thời răn đe, phòng ngừa những đối tượng khác. giáo dục, ngăn chặn, phòng ngừa bạo lực trong gia đình, để người người tuân thủ pháp luật và luật thực sự bảo vệ lợi ích của mỗi người.

Thứ tư, xây dựng các thiết chế gia đình bền vững để phòng tránh bạo lực gia đình, đồng thời phải tăng cường vai trò Lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới.

Thứ năm, tăng cường bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, kỹ năng hòa giải các vụ bạo lực gia đình, nhất là bạo lực gia đình đối với phụ nữ cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở theo phân cấp nhằm bảo đảm việc hòa giải các vụ bạo lực gia đình được thực hiện đúng quy định pháp luật, không xâm phạm các quyền cơ bản của con người, của phụ nữ và trẻ em và đúng đạo lý, qua đó phát huy ưu thế, tác động tích cực của biện pháp hòa giải ở cơ sở, hạn chế sai sót, sơ xuất đẩy vụ việc thành phức tạp.

5. Kết luận

Bạo lực gia đình đã và đang là vấn đề mang tính toàn cầu, đất nước ta trong tiến trình hội nhập ngày một phát triển nhưng vấn đề bạo lực gia đình không tránh khỏi. Việc nghiên cứu, làm rõ các vấn đề liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình để xây dựng được một khái niệm hoàn thiện, đầy đủ về vấn đề phòng chống bạo lực gia đình. Việc nghiên cứu đề tài: “Pháp luật Việt Nam về phòng chống bạo lực gia đình và một số kiến nghị” đã làm sáng tỏ những quan điểm lý luận cũng như quy định của pháp luật về bạo lực gia đình. Đồng thời chỉ ra được những khó khăn, vướng mắc và những nguyên nhân đó khi áp dụng vào thực tiễn cũng như đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình. Những phân tích, những quan điểm cũng như các kiến nghị mang ý kiến cá nhân của nhóm tác giả. Rất mong nhận được sự quan tâm của độc giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007.
2. Quốc hội, Luật bình đẳng giới năm 2006.
3. John J. Macionnis, (2004), Xã hội học, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
4. Lý Thị Minh Hằng, Khoa Tâm lý – Giáo dục, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Bạo lực gia đình và hậu quả tâm lý đối với nạn nhân của bạo lực gia đình, Tạp chí tâm lý học. Số 8 (125). 8 – 2009.
5. NCS. Luật sư Nguyễn Ngọc Lan - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, Trưởng nhóm - Chuyên gia của UNDP; Giảng viên Ngô Thị Ngọc Vân – Giảng viên Học viện tư pháp - Chuyên gia của UNDP; Giáo sư Ajay Kumar Pandey, Trường Luật Toàn cầu Jindal, Ấn độ – Chuyên gia quốc tế của UNDP, “Tài liệu tập huấn về kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình”, Hà Nội (2020).
6. Johnson, Holly, Ollus, Natalia, Nevala, Sami, “Bạo lực đối với Phụ nữ: Một Quan điểm Quốc tế” (Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI), 2008).
7. “Nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự dành cho nạn nhân BLGD ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển, Trung tâm Nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) ở Hà Nội và Viện Châu Âu về phòng chống tội phạm (HEUNI) ở Helsinki.

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HÙNG BIỆN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Thị Hà*

Tóm tắt: Hùng biện chính là một trong những kỹ năng vô cùng quan trọng đối với các bạn sinh viên Luật nói chung và các bạn sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng, các trường Đại học luôn chú trọng lồng ghép, nâng cao kỹ năng hùng biện cho các bạn sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa, đây được xem là một trong những xu thế mới dẫn đầu tại các trường Đại học. Nhận thức được tính cấp thiết và tầm quan trọng đó, bài viết sẽ đưa ra góc nhìn về phát triển kỹ năng hùng biện thông qua hoạt động ngoại khóa của sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế từ đó nêu lên một số định hướng, phương pháp hoàn thiện và phát triển kỹ năng hùng biện cho các bạn sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng và các bạn sinh viên Luật nói chung.

Từ khóa: Kỹ năng hùng biện, hoạt động ngoại khóa; sinh viên; trường Đại học Luật, Đại học Huế

1. Đặt vấn đề

Với sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của một xã hội dựa trên tri thức, thời đại mới với công nghệ số hóa, mạng xã hội, thông tin được cập nhật nhanh chóng và liên tục, con người ngày càng có nhiều cơ hội hơn để học tập và giao tiếp, rèn luyện các kỹ năng cần có để phát triển bản thân, vì vậy nghệ thuật diễn đạt ngôn ngữ hay gọi là tài hùng biện đã trở thành yếu tố then chốt quyết định khả năng, trình độ của một người. Tài hùng biện chính là sự phản ánh toàn diện, rõ rệt nhất về khả năng, thành tích và trí tuệ của một người. Diễn đạt ngôn ngữ tốt có thể mang lại cho một người sự tự tin, khả năng chinh phục chính bản thân mình bởi vậy các trường đại học đang ngày càng chú trọng việc nâng cao khả năng hùng biện thông qua việc lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa để các bạn sinh viên có thể học hỏi rèn luyện kỹ năng này một cách tự nhiên nhất, và hơn hết hiểu rõ được tầm quan trọng của kỹ năng hùng biện với sinh viên Luật, trường Đại học Luật, Đại học Huế đã đưa ra nhiều hoạt động nhằm giúp cho các bạn sinh viên tiếp cận và phát triển kỹ năng hùng biện một cách toàn diện. Tuy nhiên việc áp dụng các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng hùng biện chưa thực sự phát huy hiệu quả. Đòi hỏi nhà trường phải kịp thời điều chỉnh phù hợp đồng thời đưa ra những biện pháp cụ thể, tác động phù hợp nhằm nâng cao, phát triển khả năng hùng biện cho sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế. Như vậy, chúng ta có thể thấy việc phát triển kỹ năng hùng biện ở Đại học Luật, Đại học Huế vẫn còn các khoảng trống nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

Xuất phát từ vấn đề trên, trong phạm vi bài nghiên cứu, tác giả tập trung tìm hiểu, phân tích về thực tiễn phát triển kỹ năng hùng biện thông qua các hoạt động ngoại khóa của sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế. Từ đó đề xuất những giải pháp

* Sinh viên Lớp K45G, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Email: nthm040103@gmail.com

cụ thể nhằm hoàn thiện và phát triển kỹ năng hùng biện của sinh viên Luật Huế thông qua các hoạt động ngoại khóa.

2. Khái niệm về hùng biện, hoạt động ngoại khóa và hùng biện trong sinh viên

Thứ nhất, khả năng hùng biện

Theo Wikipedia khả năng hùng biện chính là năng lực diễn thuyết trước công chúng sao cho trôi chảy, sinh động, trang nhã và đầy sức thuyết phục, thể hiện sức mạnh biểu cảm được bộc lộ qua vẻ đẹp của ngôn ngữ, nhờ đó mà thu hút và thuyết phục người nghe. Khả năng hùng biện là sự kết hợp giữa khả năng thiên bẩm và sự rèn luyện để thông hiểu ngôn ngữ, nắm vững kiến thức chuyên môn và kiến thức tổng quát về triết học, luận lý học, cũng như khả năng kiến tạo một bố cục chặt chẽ và thuyết phục để trình bày quan điểm của mình, nói tóm lại hùng biện chính là một khả năng nói, nói hay, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người nghe để người nghe hiểu được quan điểm mà mình đưa ra.

Thứ hai, hoạt động ngoại khóa

Hoạt động ngoại khóa có thể được hiểu là các hoạt động nằm ngoài chương trình học, thường mang tính chất tự nguyện hơn là bắt buộc, tập trung ở nhiều mảng hoạt động như :Thể thao, Văn hóa, Nghệ thuật, Thiện nguyện, Tổ chức²⁸..., Các hoạt động này thường là hoạt động nhóm nhằm phát triển và nuôi dưỡng các kỹ năng cá nhân của bản thân.

Thứ ba, hùng biện trong sinh viên

Hùng biện đối với các bạn sinh viên là một trong các kỹ năng sống còn mà bắt buộc các bạn cần phải trau dồi khi đang ngồi trên ghế nhà trường, vậy hùng biện trong sinh viên là gì? Hùng biện trong sinh viên chính là các kĩ năng, cách nói chuyện hoạt ngôn, trôi chảy, sinh động, có thể nhận thấy rằng cách hùng biện, hay khả năng hùng biện của sinh viên chỉ mang tính khả năng bẩm sinh, sự tự tin và cách nói vốn có, thuần túy của các bạn, chỉ có số ít các bạn sinh viên có sự trau dồi, học hỏi và rèn luyện cách nói và phong thái của mình khi hùng biện, vì vậy hùng biện trong sinh viên là cách truyền đạt, cách nói bằng khả năng hiểu và nhận thức vốn có của các bạn sinh viên.

3. Tầm quan trọng và thực trạng của việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

3.1 Tầm quan trọng của việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

Có thể nói rằng kỹ năng hùng biện chính là một trong những kỹ năng quan trọng, sống còn đối với mỗi bạn sinh viên Luật không chỉ là kỹ năng phục vụ cho học tập ở hiện tại mà nó còn là một thứ vũ khí quan trọng trong công việc tương lai, là chìa khóa để mở ra thành công trong nghề nghiệp mà bạn chọn, đối với mỗi người làm Luật, ai cũng hiểu rằng kỹ năng hùng biện hay khả năng diễn đạt ngôn ngữ chính là yếu tố giúp sức cho sự thành công trong công việc của chính mình.

²⁸ Extracurricular activities – Hoạt động ngoại khóa link <https://americanstudy.edu.vn/extracurricular-activities-hoat-dong-ngoai-khoa>

Trước khi đi tìm hiểu sâu vào phát triển kỹ năng hùng biện thông qua các hoạt động ngoại khóa của sinh viên Luật Huế, chúng ta cần tìm hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên Luật nhằm mục đích gì? Kỹ năng hùng biện, có thể nói hùng biện chính là khả năng làm chủ lời nói, nói hay, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người nghe. Từ khái niệm về hùng biện, về mặt hình thức người hùng biện phải biết nói cho hay. Để đánh giá một người có tài hùng biện hay không còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố thông qua quá trình học hỏi, trau dồi, rèn luyện của bản thân, đồng thời là khả năng dẫn dắt lời nói gây được sự chú ý ảnh hưởng từ phía người trình bày vấn đề hoặc chủ đề hay câu chuyện đến với phía người nghe, là đối tượng được phục vụ, được tác động. Nhiệm vụ của những người làm Luật chính là giúp cho người dân hiểu rõ về pháp luật, tạo điều kiện cho họ hưởng các quyền công dân của mình, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật để bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội, trong đó có lợi ích riêng của từng người dân. Vì vậy những người làm Luật phải am hiểu về pháp luật đồng thời phải biết cách truyền đạt pháp luật đến với người dân, để truyền đạt tốt thì mỗi người làm luật phải nắm rõ các quy tắc, cách thức phương pháp đồng thời phát huy tốt nhất có thể đối với kỹ năng hùng biện của mình, kỹ năng hùng biện có hay, có giỏi mới được xem là một nhà làm luật giỏi, nhờ có kỹ năng hùng biện các nhà làm luật có thể phát huy hết mọi năng lực, hiểu biết của mình về pháp luật. Bởi vậy đối với mỗi bạn sinh viên Luật đều được nhà trường chú trọng vào việc phát triển kỹ năng hùng biện, đây được xem là một hành trang vững chãi cho các bạn ở hiện tại lẫn tương lai, đối với ngôi trường Đại học Luật, Đại học Huế, hiểu rõ được vai trò to lớn đó, trường không chỉ chú trọng đào tạo cho sinh viên kỹ năng hùng biện qua các môn học, mà còn xây dựng các hoạt động ngoại khóa để phát triển một cách tối ưu nhất cho các bạn sinh viên hoàn thiện kỹ năng hùng biện của chính mình mà không tạo cảm giác khô khan, cứng nhắc như các tiết học, tạo cho các bạn sinh viên không khí hứng khởi, sôi động, phù hợp với sự trẻ trung, năng động của các bạn, giúp các bạn sinh viên tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên nhất có thể...

3.2 Thực trạng của việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

Phát triển kỹ năng hùng biện qua các hoạt động ngoại khóa được xem là một phương pháp vô cùng hiệu quả, đây là phương pháp cũ nhưng mới, bởi lẽ phương pháp này đã được nhiều hệ thống giáo dục trên thế giới sử dụng để giúp cho học sinh, sinh viên của mình phát triển tốt các kỹ năng, còn ở Việt Nam phương pháp này cũng đã được áp dụng ở nhiều trường đại học nhưng chưa được thực sự chú trọng, bởi lẽ nền giáo dục Việt Nam vẫn chú trọng các kiến thức trong sách vở hơn là các kiến thức thông qua các hoạt động thực tế bên ngoài. Có thể lấy ví dụ về trường Đại học Harvard - ngôi trường số 1 thế giới, nơi đào tạo ra những con người kiệt xuất cho nhân loại, tại nơi đây trải nghiệm sinh viên Harvard là những khả năng không giới hạn. Có rất nhiều cơ hội cả trong và ngoài lớp học với hơn 8,000 khóa học từ hơn 100 phòng ban và vô số chương trình nghiên cứu. Tại đây, sinh viên đại học được tiếp cận với hầu hết mọi chương trình ngoại khóa, hoạt động thể thao và tham gia

hàng trăm hội nhóm sinh viên khác nhau²⁹. Có thể thấy rằng các hoạt động ngoại khóa ở ngôi trường này rất được đầu tư và chú trọng, là một trong những điều kiện cho các bạn sinh viên phát triển hết toàn bộ kỹ năng, tạo nên được một nền giáo dục chất lượng, đào tạo ra nhiều nhân tài kiệt xuất, bởi lẽ đó ta có thể thấy được vai trò, tầm ảnh hưởng của các hoạt động ngoại khóa đối với sinh viên như thế nào. Còn đối với các trường đại học ở Việt Nam tuy đã áp dụng khá nhiều nhưng hiệu quả đem lại chưa thực sự tốt, các trường đại học liên tiếp đưa các hoạt động một cách ồ ạt làm các bạn sinh viên choáng ngợp với thật nhiều hoạt động. Đối với các trường đại học Luật chưa thực sự làm tốt các hoạt động ngoại khóa nhưng cũng đã phần nào làm tốt hơn so với một số trường đại học khác bởi lẽ ở các trường đại học Luật sẽ cần phải chú trọng hơn trong việc đưa các hoạt động ngoại khóa để phát triển các kỹ năng hùng biện cho sinh viên bởi tính chất của ngành học này bắt buộc các bạn sinh viên phải nắm chắc các kỹ năng hùng biện, đa số các trường đại học đều sẽ có các hoạt động ngoại khóa như: thể thao, văn nghệ, tổ chức, tình nguyện... các hoạt động này được thường nhằm mục đích nâng cao các kỹ năng cho các bạn sinh viên được các trường áp dụng một cách phổ biến và không ngoại trừ các trường đại học Luật, về bản chất đây là các hoạt động vô cùng bổ ích, giúp các bạn sinh viên học hỏi được nhiều khía cạnh, nhiều kỹ năng, nhưng do nhiều yếu tố các trường chưa thực sự áp dụng tốt các hoạt động để giúp các bạn phát triển được kỹ năng của mình, hoạt động chỉ được xem là một phần nhỏ trong quá trình học tập của các bạn sinh viên.

4. Thực tiễn của việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa của sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế

4.1. Một số hoạt động ngoại khóa chính tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Trường Đại học Luật, Đại học Huế là một trong những trường đã xây dựng cho mình một nền tảng các chương trình hoạt động ngoại khóa, giúp cho các bạn sinh viên không chỉ phát triển các kỹ năng trong sách vở một cách khô khan mà các hoạt động là một phần không thể thiếu giúp các bạn sinh viên học hỏi được nhiều điều trong thực tế, với các bạn trẻ năng động thì các hoạt động ngoại khóa là không thể thiếu, các chương trình hoạt động ngoại khóa chính và thường niên của trường Đại học Luật, Đại học Huế có thể kể đến như:

Chương trình chào đón tân sinh viên diễn ra vào tháng 9, tháng 10 là một trong những chương trình, hoạt động thường niên của trường Đại học Luật, Đại học Huế, xuyên suốt qua các năm của trường, thu hút đồng thời gắn kết các bạn sinh viên lại với nhau.

Phiên tòa giả định, là một hoạt động thường niên, xuyên suốt qua các kỳ học tại trường Luật Huế, nhằm phát triển tốt các kỹ năng, chủ động, sáng tạo của các bạn sinh viên. Bên cạnh đó các cuộc thi về phiên tòa giả định cũng thu hút được đông đảo sinh viên quan tâm và tham gia, nơi thể hiện được kỹ năng, gắn lý luận với thực tiễn

²⁹Đại học Harvard (Harvard University), Tiểu bang Massachusetts, Mỹ. link <https://thongtinduhoc.org/truong/dai-hoc-harvard-harvard-university-tieu-bang-massachusetts-my-419.html>,

Cuộc thi sở hữu trí tuệ là một trong những hoạt động mới của trường Đại học Luật, Đại học Huế nhưng lại thu hút được số lượng lớn sinh viên quan tâm tham gia với chất lượng chương trình cao, đem lại nhiều kiến thức sâu rộng về luật sở hữu trí tuệ cho các bạn sinh viên đặc biệt là các bạn sinh viên thuộc khu vực miền Trung-Tây Nguyên.

Hội thảo của các LCD-LCH về các lĩnh vực pháp luật hàng năm thu hút các chuyên gia đầu ngành và các bạn sinh viên quan tâm nghiên cứu về các vấn đề đáng quan tâm và cần được cải thiện

Cuộc thi về hòa giải thương mại quốc tế thu hút sự quan tâm của đông đảo các bạn sinh viên là cơ hội để tiếp xúc, giao lưu, học hỏi với các hòa giảng viên chuyên nghiệp, là một sân chơi thiết thực, về cách thức giải quyết các tranh chấp bằng hòa giải trong lĩnh vực thương mại quốc tế

4.2. Thực tiễn phát triển phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa của sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế

Thực tế hiện nay, trường Đại học Luật, Đại học Huế đang rất chú trọng đầu tư về mọi mặt không chỉ là đầu tư về các trang thiết bị phục vụ cho các bạn sinh viên mà còn đầu tư chú trọng trong việc phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường để tạo cơ sở giúp các bạn sinh viên dễ dàng phát triển các kỹ năng thông qua đội ngũ cán bộ trẻ, nhiệt huyết, năng động, với lối dạy hiện đại và các hoạt động mới lạ giúp các bạn sinh viên tiếp cận tốt nhất với các kỹ năng hùng biện tiên tiến với 06 phòng chức năng, 05 khoa chuyên môn, 03 trung tâm. Đội ngũ cán bộ có 146 người; 03 phó giáo sư, 16 tiến sĩ, 09 giảng viên chính. Số lượng giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 22 người. Trường hiện đang tổ chức đào tạo 02 chương trình đại học, 01 chương trình thạc sĩ và 01 chương trình tiến sĩ. Với các khoa: Dân sự, hình sự, quốc tế, hành chính³⁰.

Với một số hoạt động có thể kể đến trường đang làm rất tốt:

Chương trình chào đón tân sinh viên diễn là một trong những chương trình, hoạt động thường niên của trường Đại học Luật, Đại học Huế:

Thứ nhất, đây là một chương trình thường niên của trường Đại học Luật, Đại học Huế, bao gồm các hoạt động như nhảy flashmood, dân vũ, gian hàng gây quỹ, đêm hội âm nhạc... với sự đầu tư chĩn chu, sôi động, đã thu hút được các bạn sinh viên tham gia nhiệt tình, nhằm để gắn kết các bạn tân sinh viên lại với nhau đồng thời tạo cho các bạn làm quen với các sinh viên khóa trên tạo sự gắn kết trong các thể hệ sinh viên và nhà trường...

Thứ hai, được sự quan tâm ưu ái của nhà trường chương trình hàng năm luôn có sự đầu tư và phát triển theo năm tháng, mỗi năm nhà trường lại đầu tư nâng cấp hoạt động này lên thành một trong những chương trình lớn nổi bật của năm, tạo được tiếng vang lớn trong và ngoài trường.

³⁰ TOP 10 trường Đại học hàng đầu tại miền Trung, Khánh Như. link <https://kenhtuyensinh.vn/top-10-truong-dai-hoc-hang-dau-tai-mien-trung>

Phiên tòa giả định tại các trại giam và các tỉnh miền trung là một hoạt động thường niên, xuyên suốt qua các kì học tại trường Luật Huế, nhằm phát triển tốt các kĩ năng, chủ động, sáng tạo của các bạn sinh viên

Thứ nhất đây là một chương trình với ý nghĩa to lớn và nhân văn vì mục đích của nó mang lại không những giúp các bạn sinh viên có được một mô hình học tập thiết thực để phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, tranh luận, làm việc nhóm mà còn góp phần tham gia tuyên truyền hướng dẫn một số vấn đề về pháp luật cho người dân ở các địa phương am hiểu hơn về pháp luật, các tù nhân trong trại giam có thể sớm hòa nhập với cộng đồng và hiểu hơn về pháp luật bởi tính chất tốt đẹp này của hoạt động mà thu hút được sự quan tâm của đông đảo các bạn sinh viên

Thứ hai, phiên tòa giả định luôn đưa ra các góc nhìn khách quan, bên cạnh đó đội ngũ các thành viên tham gia chuyên nghiệp, đầu tư, vì vậy việc phát triển chương trình thông qua mỗi chương trình sẽ có những sự đổi mới để phù hợp với sự phát triển của xã hội

Bên cạnh đó còn có các cuộc thi về phiên tòa giả định: một trong những sân chơi thú vị, chất lượng nơi các bạn sinh viên phát huy tối đa trình độ và kỹ năng về hùng biện của mình thông qua việc tranh tụng trước những phiên tòa giả định. Cuộc thi sở hữu trí tuệ là một trong những hoạt động mới của trường Đại học Luật, Đại học Huế nhưng lại thu hút được số lượng lớn sinh viên quan tâm tham gia với chất lượng chương trình cao.

Đây là một trong các hoạt động với sự tham gia của các bạn sinh viên đến từ các trường thuộc khu vực miền Trung- Tây Nguyên, với tính chất chương trình nhằm tuyên truyền các hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ đến các bạn sinh viên một cách tự nhiên nhất, vì vậy thu hút được số lượng lớn các bạn sinh viên tham gia hoạt động Hội thảo của các LCD-LCH về các lĩnh vực pháp luật hàng năm thu hút các chuyên gia đầu ngành và các bạn sinh viên quan tâm:

Hàng năm các LCD-LCH sẽ tổ chức các hội thảo về các lĩnh vực pháp luật nhất định để sinh viên nghiên cứu thỏa sức nêu ra các ý tưởng đổi mới hay bất cập trong vấn đề pháp luật bởi vậy đây là một trong các hoạt động luôn được các bạn sinh viên theo dõi và hướng đến, nhằm tra dồi học hỏi các kiến thức từ các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực pháp luật.

Đây là chương trình hoạt động đã có bề dày và được các LCD-LCH tổ chức thường niên nên quá trình xây dựng củng cố và phát triển chương trình sẽ ngày càng được hoàn thiện chín chu nhất có thể, với sự tham gia cố vấn của các giảng viên, các chuyên gia đầu ngành luật các chương trình luôn diễn ra thành công.

Có thể nói rằng trường Đại học Luật, Đại học Huế đã làm khá tốt, ngày càng cải thiện hơn về đào tạo kĩ năng mềm cho sinh viên tuy vậy nhà trường vẫn tồn đọng những hạn chế và bất cập khi thực hiện các hoạt động để phát triển kĩ năng cho sinh viên, đầu tiên đó là hạn chế về khả năng mở rộng và gia tăng sự quan tâm của sinh viên vào các hoạt động, chưa làm cho sinh viên thật sự hứng thú, có quá nhiều hoạt

động làm các bạn sinh viên chưa kịp tiếp thu kiến thức và kỹ năng từ hoạt động này thì lại có thêm nhiều hoạt động khác chen vào làm các bạn choáng ngợp...

5. Một số vấn đề hạn chế và khuyến nghị về việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

5.1. Một số hạn chế

Thứ nhất, về khả năng mở rộng và gia tăng sự quan tâm của sinh viên vào các hoạt động ngoại khóa.

Trong những năm trở lại đây trường đại học Luật, đại học Huế rất chú trọng trong công tác phát triển kỹ năng hùng biện cho sinh viên tuy vậy việc tiếp cận đến các bạn là không đáng kể, trong cuộc khảo sát với một số câu hỏi đơn giản đặt cho các bạn sinh viên Luật Huế về kỹ năng hùng biện hay các hoạt động ngoại khóa, dường như các bạn rất mơ hồ về những thứ ấy, câu hỏi đầu tiên đặt ra đối với các bạn đó là: các bạn cảm thấy kỹ năng hùng biện có quan trọng đối với sinh viên Luật hay không? với số câu trả lời là 75%/100% điều đó chứng tỏ các bạn sinh viên Luật Huế hiểu được vai trò của kỹ năng hùng biện đối với các bạn tuy vậy đến với câu hỏi thứ hai là : các bạn đã tiếp cận được với những kỹ năng hùng biện nào từ trường đại học Luật Huế?, thì chỉ có 35%/ 100% các bạn sinh viên đã từng tiếp cận với kỹ năng hùng biện, đa số hoạt động các bạn tiếp cận thông qua các hoạt động ở câu lạc bộ hay các hoạt động do khoa chuyên môn tổ chức, các hoạt động về phát triển kỹ năng hùng biện với cấp toàn trường với quy mô vô cùng hoành tráng thì lại tiếp cận được rất ít với các bạn sinh viên, bởi hạn chế với sự tiếp cận đến các bạn sinh viên khi các hoạt động thực hiện một cách máy móc, phức tạp chưa thực sự phù hợp với tính chất là các hoạt động của sinh viên. Vậy khúc mắc ở đây là vì sao trường Luật Huế tuy đã rất nỗ lực để tiếp cận với các bạn sinh viên nhưng hiệu quả đạt lại không cao, bởi rằng khả năng mở rộng ra với toàn bộ sinh viên của trường, và thu hút các bạn sinh viên vào các chủ đề học thuật phải thực sự là một chương trình sinh viên đúng chất , đơn giản, vui nhộn, năng động và sáng tạo, điều này làm cho ban tổ chức của các hoạt động cần phải không ngừng thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ đổi thay theo từng phút, từng giây của giới trẻ. Đồng thời để hi vọng rằng có một hoạt động để thu hút toàn bộ sinh viên của trường Luật Huế thì thực sự là một chương trình quy mô mở rộng bắt buộc nguồn nhân lực phải là những con người tâm huyết và phải thực sự chuyên nghiệp, đội ngũ cán bộ hay ban tổ chức phải làm việc năng suất và chần chừ, ngân sách bỏ ra cũng là vấn đề để giải quyết khi có một chương trình như vậy...

Thứ hai, sự dày đặc của các chương trình hoạt động không mang lại tính hiệu quả cao trong việc phát triển kỹ năng hùng biện.

Trường đại học Luật, Đại học Huế với sự góp mặt của 5 khoa chuyên môn và các câu lạc bộ đội nhóm nơi sẽ hỗ trợ các bạn sinh viên phát triển tốt các kỹ năng của mình, giúp các bạn khai phá được các tố chất tiềm tàng trong các bạn để phát triển bản thân tốt hơn hoàn thiện hơn... với các hoạt động phong trào nổi bật đến từ các khoa chuyên môn các câu lạc bộ và cả nhà trường đã thể hiện được sự chú trọng trong công tác giáo dục sinh viên của trường, tuy nhiên các chương trình với mật độ dày đặc như vậy lại không đem lại hiệu quả cao trong việc giúp các bạn sinh viên phát triển chính mình,

mà ngược lại còn tạo ra cảm giác khó thở, mệt mỏi vì phải tham gia quá nhiều hoạt động chương trình, trên thực tế các hoạt động chương trình giúp phát triển kỹ năng hùng biện được khá ít các bạn sinh viên tham gia, tuy các bạn biết kỹ năng hùng biện là một trong những phần quan trọng của một người học Luật, bởi các bạn luôn cho rằng các chương trình hoạt động một cách nhàm chán, khá máy móc, vì vậy đa số các chương trình các bạn sinh viên đến tham gia đều là do ép buộc là phần đông, không xuất phát từ nhu cầu của các bạn sinh viên nên các bạn cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi với các chương trình, hoạt động, làm cho việc phát triển kỹ năng hùng biện thông qua các hoạt động ở HUL chưa thực sự hiệu quả... thực tế cho thấy rằng không phải cái gì nhiều cũng thực sự tốt vì khi có quá nhiều hoạt động nhưng chỉ thu hút và lôi kéo được một phần nhỏ các bạn sinh viên quan tâm, còn số đông thì cảm thấy nhàm chán với các chương trình hoạt động đó, các hoạt động dày đặc làm các bạn sinh viên chưa kịp tiếp thu kiến thức và kỹ năng từ hoạt động này thì lại có thêm nhiều hoạt động khác chen vào làm các bạn choáng ngợp...

5.2. Khuyến nghị về việc phát triển kỹ năng hùng biện đối với sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

Hiện nay, dù là trong một kỷ nguyên công nghệ đang phát triển với những bước tiến thần kỳ, các bài diễn văn vẫn còn giữ được vai trò quan trọng. Bởi vì nói chuyện với đám đông là một phương tiện truyền đạt vẫn không thay đổi về cơ bản qua các thời đại³¹. Hùng biện chính là chiếc chìa khóa đem lại sự tự tin ở hiện tại và thành công trong tương lai, vì vậy việc phát triển kỹ năng hùng biện rất quan trọng tuy nhiên cách phát triển kỹ năng hùng biện thông qua các hoạt động mạng lại hiệu quả chưa cao, nên theo quan điểm của tác giả, việc phát triển kỹ năng hùng biện thông qua hoạt động ngoại khóa có thể được xem xét như sau:

Thứ nhất không nhất thiết phải tổ chức quá nhiều hoạt động chương trình để lôi kéo sinh viên tham gia nhằm phát triển kỹ năng hùng biện.

Bởi thực tế rằng không phải chương trình, hoạt động nào cũng làm tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, thậm chí nhiều chương trình dựng lên cũng chỉ vì mục đích để chạy thành tích chứ thực chất nội dung khá hời hợt, nhàm chán, đem lại hiệu quả không cao, điều mà chúng ta cần đó là những chương trình hoạt động với quy mô rộng, lớn, khai thác được số lượng đông đảo sinh viên tham gia mang tính chất cấp trường, đồng thời đầu tư chú trọng chuyên sâu vào mảng nội dung các hoạt động đưa ra để đem lại hiệu quả như mong muốn, một chương trình lớn nhưng không cần đầu tư quá nhiều về nhân lực hay vật lực, có lẽ là một bài toán khó với các bạn là ban tổ chức bởi để có một chương trình, hoạt động chính chu cần đầu tư chú trọng vào từng khâu một, nhưng cần phải nhìn nhận rằng việc khai thác tài nguyên ở trường Đại học Luật, Đại học Huế còn khá hạn chế, với nguồn nhân lực trẻ, năng động, sáng tạo, chúng ta có thể để các bạn thực hiện các chương trình hoạt động này với sự cố vấn của ban chuyên môn là các giảng viên từ đó chúng ta có thể giải quyết được vấn đề về nhân lực, các chương trình càng lớn số lượng các sinh viên quan tâm sẽ càng nhiều, bởi lẽ đó chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng lên một chương trình hoạt động

³¹ 11 sách hay về hùng biện nên đọc, link <https://thebookdata.net/sach-hay-ve-hung-bien/>

lớn theo như kì vọng, bên cạnh đó chính các bạn sinh viên là những người hiểu rõ nhất mình muốn gì và cần gì hoạt động sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

Thứ hai, cần có sự thống nhất, đồng bộ về các hoạt động tránh trường hợp các hoạt động, chương trình diễn ra ồ ạt làm mất đi nhiệm vụ vốn có của nó là phát triển kĩ năng hùng biện thông qua hoạt động ngoại khóa.

Các hoạt động tổ chức ồ ạt, dàn trải quá nhiều mà không đem lại được hiệu quả, làm cho các bạn sinh viên nhầm chán chính là thực trạng vốn có hiện nay, cần phải cải thiện, bởi tính chất các chương trình, hoạt động có thể khác nhau nhưng cũng vì mục đích nâng cao kĩ năng hùng biện cho các bạn sinh viên, bởi vậy việc tạo cho các bạn cảm giác trùng lặp nhầm chán là khó tránh khỏi, vì vậy cần phải thống nhất trong việc tổ chức các hoạt động sao cho phù hợp tại mỗi khoa chuyên môn, các câu lạc bộ và cả đối với nhà trường, tổ chức các hoạt động phù hợp với các bạn sinh viên, mang lại hiệu quả cao là vai trò và nhiệm vụ của các hoạt động chứ không phải để chạy đua thành tích, vì vậy nên xem xét đồng bộ và tổ chức một cách phù hợp đối với các hoạt động ngoại khóa của sinh viên, giúp các bạn hiểu được vai trò của hùng biện, bản chất và cách để phát triển bản thân một cách tự nhiên nhất, giúp các bạn có một hành trang vững chắc chứ không phải để thực hiện nhằm chạy đua thành tích và một hoạt động sáo rỗng và vô bổ...

Thứ ba, cần có các hoạt động chương trình thường niên về hùng biện, thúc đẩy sự tự tin và sáng tạo trong kĩ năng hùng biện của các bạn sinh viên.

Một chương trình thường niên, bền dài trong quá trình tổ chức và hoạt động sẽ tạo được tiếng vang lớn đồng thời cùng sự thành công của mùa trước sẽ thu hút được sự quan tâm của các bạn sinh viên nhiều hơn, vì vậy các chương trình thường niên sẽ thực sự đạt hiệu quả cao giúp các bạn sinh viên hứng thú hơn đối với mảng hùng biện, trang bị cho các bạn sinh viên nhiều kiến thức về hùng biện một cách tự nhiên nhất.

Có thể thấy rằng việc giúp các bạn sinh viên nhìn nhận và hiểu rõ các tính chất, hoạt động, các chương trình về hùng biện là không hề đơn giản, nhìn chung trường Đại học Luật, Đại học Huế được xem là một trong những trường tiên bộ, đi đầu trong công tác giảng dạy và phát triển các kĩ năng cần thiết cho sinh viên, tuy vậy trên thực tế để thực hiện thành công các dự án các hoạt động để phát triển kĩ năng cho các bạn sinh viên còn nhiều lỗ hổng, cần phải thay thế và sửa đổi để phù hợp hơn với thời đại mới khi các bạn sinh viên là thế hệ GenZ năng động, các bạn cần nhiều hơn như thế vì vậy việc phát triển kĩ năng hùng biện là điều cần phải chú trọng xem xét lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa một cách tự nhiên không nhầm chán là điều rất quan trọng.

Thứ tư, triển khai bổ sung, thực hiện các hoạt động ngoại khóa cần thiết khác để phát triển kĩ năng hùng biện đối với sinh viên

Xây dựng và thực hiện các chương trình hoạt động ngoại khóa để phát triển một cách tốt nhất, tự nhiên nhất, đem lại sự hứng thú cho các bạn sinh viên về kĩ năng hùng biện, đồng thời thực hiện các chương trình thường niên, định kì để các chương trình, hoạt động trở thành tiền lệ, một hoạt động thu hút được sự quan tâm của đa số các bạn sinh viên. Có thể xây dựng các chương trình hội thảo về phát triển kĩ năng hùng biện cho sinh viên, để các bạn sinh viên được tự mình nghiên cứu về các vấn đề

còn tồn đọng, các khúc mắc mà các bạn thấy khó khăn, đồng thời tự đưa ra giải pháp để hoàn thiện tốt hơn, dưới sự tham gia của cố vấn là các giảng viên nhiều kiến thức chuyên môn sẽ giúp các bạn xây dựng được một ý tưởng hoàn chỉnh để các bạn có thể tự hoàn thiện chính mình.

Với sự phát triển ngày càng hiện đại, công nghệ tiên tiến, kiến thức tràn lan vô hạn, những buổi nói chuyện thân mật, cởi mở như các chương trình talkshow đang ngày càng được nhiều bạn trẻ quan tâm, nắm bắt được xu thế chung đó, có thể tổ chức các buổi talkshow về các vấn đề xoay quanh kỹ năng hùng biện, tiếp cận với các bạn sinh viên một cách tự nhiên, thoải mái nhất, với sự tham gia của các cố vấn là giảng viên, chuyên gia đầu ngành hay những người có kiến thức chuyên sâu về kỹ năng hùng biện, chia sẻ những mẹo, cách thức, phong thái sao cho các bạn sinh viên hiểu để phát triển bản thân hoàn thiện trong lĩnh vực hùng biện, đồng thời đây cũng là cơ hội để các bạn có thể đặt ra những câu hỏi, các vấn đề chuyên môn về hùng biện mà các bạn quan tâm đến với quý cố vấn trong chương trình.

Các chương trình về hùng biện, nơi các bạn sinh viên thể hiện năng lực của chính mình, tranh tài và học hỏi từ các bạn khác, nơi trau dồi học hỏi các kỹ năng, một sân chơi cuồng nhiệt là những gì mà các bạn sinh viên cần vì vậy việc xây dựng một chương trình, một cuộc thi là điều rất cần thiết, để các bạn sinh viên có thể thỏa sức mình thể hiện con người, năng lực vốn có của các bạn, thông qua cuộc thi có thể thu hút được số lượng lớn các bạn sinh viên quan tâm tham gia bởi độ hấp dẫn, nóng qua từng vòng thi của chương trình.

6. Kết luận

Việc phát triển kỹ năng hùng biện thông qua các hoạt động ngoại khóa đang là xu thế hiện nay của các trường đại học, có thể nói đây là mấu chốt để các bạn sinh viên tin tưởng vào nơi mình lựa chọn và theo học, nhưng không phải ai cũng biết cách làm và có thể làm tốt vai trò của các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng hùng biện được, bởi lẽ đó việc lấp đầy các khoảng trống, lỗ hổng còn tồn tại và thiếu sót là vô cùng quan trọng, bên cạnh những thành công đã có và đạt được trường Đại học Luật, Đại học Huế cần nhìn nhận rõ đồng thời thường xuyên đổi mới sáng tạo trong việc giúp các bạn sinh viên phát triển tốt kỹ năng hùng biện, bài viết đã đưa ra cái nhìn khách quan, những thiếu sót và lỗ hổng còn tồn tại đồng thời đưa ra một số giải pháp để đó thể khắc phục được các nhược điểm trong việc phát triển kỹ năng hùng biện thông qua hoạt động ngoại khóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Extracurricular activities – Hoạt động ngoại khóa . Link <https://americanstudy.edu.vn/extracurricular-activities-hoat-dong-ngoai-khoa> ,ngày truy cập 10/9/2022
2. Đại học Harvard (Harvard University), Tiểu bang Massachusetts, Mỹ. link <https://thongtinduhoc.org/truong/dai-hoc-harvard-harvard-university-tieu-bang-massachusetts-my-419.html>, ngày truy cập 12/9/2022
3. TOP 10 trường Đại học hàng đầu tại miền Trung, Khánh Như. link <https://kenhtuyensinh.vn/top-10-truong-dai-hoc-hang-dau-tai-mien-trung>, ngày truy cập 30/9/2022
4. 11 sách hay về hùng biện nên đọc , link <https://thebookdata.net/sach-hay-ve-hung-bien/>, ngày truy cập 2/10/2022hsn2
5. Thuật Hùng Biện - Speak To Win (Tái Bản 2017) <https://sachhoc.com/thuat-hung-bien-brian-tracy>.

XÂM PHẠM NHÃN HIỆU TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Thị Ngọc Hiếu*

Tóm tắt: Quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là nhãn hiệu luôn là vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh kinh doanh và hội nhập kinh tế hiện nay của các quốc gia trên nền tảng thương mại điện tử. Chính vì thương trường khốc liệt nên những vụ việc xâm phạm đến nhãn hiệu diễn ra “như cơm bữa” tại nền tảng thương mại điện tử quốc tế và Việt Nam. Môi trường giao dịch trên các nền tảng này vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như vấn nạn hàng giả, hàng lậu, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ..., điển hình là các hành vi xâm phạm nhãn hiệu đã và đang nổi cộm lên một số vụ tranh chấp như hãng mỹ phẩm L’Oreal kiện sàn eBay hay cơ quan đại diện thương mại Hoa Kỳ đã điếm tên Shopee là website diễn ra tình trạng xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu trí tuệ,... và trên thực tế những vụ tranh chấp tương tự diễn ra tại Việt Nam thì các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam vẫn chưa thể điều chỉnh một cách linh hoạt và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích thực trạng xâm phạm nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử thế giới và Việt Nam, từ đó đưa ra những kiến nghị phù hợp để hoàn chỉnh, bổ sung cho hệ thống pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: xâm phạm nhãn hiệu, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ.

1. Hành lang pháp lý điều chỉnh hành vi xâm phạm nhãn hiệu trên thương mại điện tử tại Việt Nam

1.1. Khái niệm xâm phạm nhãn hiệu trên thương mại điện tử

Nhãn hiệu chính là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ mà xảy ra các hành vi xâm phạm thường xuyên. Nguyên do xảy ra các vụ việc trên bởi nhãn hiệu đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống. Như đối với doanh nghiệp, nhãn hiệu là yếu tố tạo nên thương hiệu của hàng hóa, dịch vụ hay đối với người tiêu dùng thì nhãn hiệu chính là cơ sở để phân biệt giúp người tiêu dùng lựa chọn hàng hóa, dịch vụ chất lượng.

Theo quy định tại Điều 15 Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS): “Bất kỳ một dấu hiệu, hoặc tổ hợp các dấu hiệu nào, có khả năng phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp với hàng hoá hoặc dịch vụ của các doanh nghiệp khác, đều có thể làm nhãn hiệu hàng hoá. Các dấu hiệu đó, đặc biệt là các từ, kể cả tên riêng, các chữ cái, chữ số, các yếu tố hình hoạ và tổ hợp các màu sắc cũng như tổ hợp bất kỳ của các dấu hiệu đó, phải có khả năng được đăng ký là nhãn hiệu hàng hoá.” Có thể thấy rằng, khái niệm mà TRIPS đưa ra rất rộng, bao hàm hết được nội dung về nhãn hiệu hàng hoá, làm cơ sở cho các quốc gia thành viên có thể lựa chọn phạm vi áp dụng trong pháp luật mỗi quốc gia. Pháp luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đã đưa ra khái niệm

* Sinh viên K44G, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Email: hieu20a5020719@hul.edu.vn

nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau³². Nếu chỉ dựa vào khái niệm này thì có thể thấy, khái niệm này mang tính khái quát cao nhưng chưa cụ thể hóa các dấu hiệu để làm căn cứ xác định nhãn hiệu được bảo hộ.

Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu là một dạng vi phạm pháp luật đối với tài sản vô hình là nhãn hiệu. Mang đặc trưng giống như các vi phạm pháp luật nói chung, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu là hiện tượng xã hội, tệ nạn trong đời sống, là những hành vi phản ứng tiêu cực của một số cá nhân hoặc tổ chức đi ngược lại với ý chí của nhà nước được quy định trong pháp luật. Hành vi xâm phạm nhãn hiệu là hành vi sử dụng nhãn hiệu có dấu hiệu trùng hoặc tương tự, có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký bảo hộ. Có thể hiểu, hành vi xâm phạm nhãn hiệu là hành vi vi phạm pháp luật, được biểu hiện qua xử sự trái pháp luật của chủ thể hình thành trên cơ sở nhận thức, trên thực tế thể hiện dưới dạng hành động xâm hại đến quan hệ pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu được pháp luật sở hữu trí tuệ xác lập và bảo vệ.

Như vậy, có thể xây dựng khái niệm hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử là hành vi của cá nhân, tổ chức sử dụng nhãn hiệu đang được bảo hộ mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và không thuộc các trường hợp ngoại lệ pháp luật cho phép sử dụng; hành vi xâm phạm được cá nhân, tổ chức thực hiện trên nền tảng thương mại điện tử; xâm hại đến tập hợp các quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu; gây ảnh hưởng đến chủ thể quyền, lợi ích của người tiêu dùng và tác động tiêu cực đến xã hội.

1.2. Một số hành vi xâm phạm nhãn hiệu phổ biến trên sàn giao dịch thương mại điện tử

Hiện nay, việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ xảy ra khá phổ biến. Nhãn hiệu là một trong những đối tượng thuộc phạm vi bảo vệ của quyền sở hữu trí tuệ và việc xảy ra hành vi xâm phạm nhãn hiệu cũng trở nên ngày càng nhiều. Trong những năm vừa qua ở Việt Nam, công tác thanh tra, xử lý về sở hữu trí tuệ tại Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy, các hành vi vi phạm trên thị trường chủ yếu là: hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp trên hàng hóa, biển hiệu, phương tiện kinh doanh, gần đây đang xuất hiện ngày càng nhiều hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu trong tên doanh nghiệp, tên thương mại. Như vậy, có thể thấy việc xâm phạm nhãn hiệu cũng diễn ra một cách thường xuyên trong đời sống xã hội và trên các sàn giao dịch thương mại điện tử thì những hành vi trên cũng tồn tại, cụ thể: hành vi sử dụng trái phép nhãn hiệu đã đăng ký của người khác để quảng cáo hoặc chỉnh sửa đối với các mặt hàng như quần áo, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, ... hay hành vi sản xuất, nhập khẩu, tiếp thị, mua bán các hàng hóa giả mạo, hàng hóa xâm phạm nhãn hiệu

³² Khoản 16 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

Dưới góc nhìn khác, ở thị trường thương mại điện tử thế giới cũng đã xảy ra nhiều hành vi xâm phạm nhãn hiệu: hàng giả, hàng nhái như LVMH đã kiện eBay, cho rằng eBay không có những biện pháp thích hợp để kiểm duyệt và ngăn chặn các mặt hàng nhái túi xách Louis Vuitton được bán đấu giá trên sàn giao dịch thương mại điện tử nổi tiếng này.

1.3. Một số quy định pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử

Nhìn chung, vấn đề sở hữu trí tuệ đã được Nhà nước ta rất quan tâm, minh chứng qua việc xây dựng hệ thống pháp luật chuyên ngành đến công tác quản lý và triển khai thực hiện. Pháp luật sở hữu trí tuệ cũng đã có những quy định về bảo hộ nhãn hiệu cho các cá nhân, tổ chức muốn đăng ký như tại Mục 4. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu được quy định từ Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành quy định về điều kiện nhãn hiệu được bảo hộ đến Điều 75 Luật này. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam lại không có quy định riêng dành cho hành vi xâm phạm nhãn hiệu trên môi trường Internet.

Về cơ bản, quyền quan trọng nhất của chủ sở hữu văn bằng bảo hộ nhãn hiệu là quyền ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu đã được cấp, gồm các hành vi sau: (1) Gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì, phương tiện kinh doanh, ...; (2) Lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán hàng hóa mang nhãn hiệu được bảo hộ; (3) Nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ. Các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được cụ thể hóa tại Khoản 1, Điều 129. Ngoài ra, một hành vi cạnh tranh không lành mạnh phổ biến liên quan đến nhãn hiệu cũng được pháp luật Việt Nam điều chỉnh là đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ với mục đích không thiện chí, thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu. Do không có các quy định riêng dành cho môi trường Internet hay thương mại điện tử, hoạt động giao thương trên nền tảng số cũng sẽ được điều chỉnh bởi các quy định kể trên.

Trong những năm qua, nhằm tạo cơ sở pháp lý để giám sát và tạo môi trường sạch cho thị trường thương mại điện tử phát triển, Chính phủ Việt Nam đã chú trọng và ban hành nhiều cơ chế, chính sách hướng dẫn, bổ sung các quy định liên quan. Điển hình như Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử đã thiết lập nên hành lang pháp lý cho các giao dịch thương mại điện tử được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh và Nghị định 85/2021 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử. Theo nghị định trên đã quy định những hành vi bị cấm trong thương mại điện tử, quy định chặt chẽ về trách nhiệm của các thương nhân cung cấp các dịch vụ bán hàng trực tuyến, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử. Những quy định này trên thực tế đã tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho thương mại điện tử, giúp nâng cao uy tín với người tiêu dùng tham gia giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử, hạn chế được một số hành vi xâm phạm nhãn hiệu trên môi trường “mở” này.

Bên cạnh đó, ngày 28/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2020, Nghị định này đã thay thế Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 về vấn đề trên. Tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP có những quy định cụ thể các hành vi vi áp dụng chế tài xử phạt phạm hành chính liên quan đến thương mại điện tử, hoạt động thương mại và các hành vi khác. Mức phạt cao nhất theo nghị định này là 50 triệu đồng đối với hành vi gian lận, kinh doanh hàng giả, hàng cấm ... tuy nhiên mức phạt này tồn tại nhiều quan điểm tranh cãi vì cho là quá nhẹ đối với cá nhân, tổ chức và không sát với thực tiễn thị trường.

Ngoài ra, từ năm 2005 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã có các chính sách lâu dài và nhất quán nhằm phát triển thương mại điện tử với các kế hoạch tổng thể cho từng giai đoạn 5 năm, như gần đây nhất là Quyết định số 645/QĐ-TTg, ngày 15/5/2020 của Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025. Chính sách này đã đưa ra những giải pháp toàn diện và nguồn lực cụ thể làm cơ sở cho thị trường thương mại điện tử phát triển trong giai đoạn 5 năm tới.

2. Tình hình xâm phạm nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử

Quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là nhãn hiệu luôn là vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh kinh doanh và hội nhập kinh tế hiện nay của các quốc gia trên nền tảng thương mại điện tử. Chính vì thương trường khốc liệt nên những vụ việc xâm phạm đến nhãn hiệu diễn ra “như cơm bữa” trên nền tảng thương mại điện tử. Trên thế giới, điển hình như dù là một “ông trùm lớn” trong hệ thống sàn giao dịch thương mại điện tử trên thế giới nhưng trong quá trình hoạt động của eBay vẫn không thể tránh khỏi dính líu đến những hành vi xâm phạm nhãn hiệu trên nền tảng sàn giao dịch của mình. Nổi cộm là vụ kiện giữa công ty Tiffany và Ebay, Tiffany – một công ty chuyên bán nữ trang cao cấp đã cáo buộc Ebay vi phạm nhãn hiệu, quảng cáo sai và buộc Ebay phải chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hóa được chào bán trực tuyến là hàng hóa xâm phạm nhãn hiệu của Tiffany.

Trong những năm qua, ngành thương mại điện tử Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh, trở thành một trong những nền kinh tế số phát triển nhanh trong khu vực Đông Nam Á. Cụ thể như thống kê của Cục thương mại điện tử và Kinh tế số, tính cộng dồn đến hết năm 2019, cả nước có 29.370 website bán hàng và 999 sàn giao dịch thương mại điện tử. Theo Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, đà tăng trưởng của ngành thương mại điện tử đạt trên 20% trong năm 2021 với quy mô trên 16 tỉ đô la Mỹ và tiếp tục được kỳ vọng trở thành một trong những nền kinh tế số lớn nhất trong vài năm tiếp theo.³³

Đặc biệt, với sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 những năm vừa qua đã dẫn đến lượt truy cập Internet khổng lồ và xu hướng mua sắm trực tuyến trên nền tảng

³³ Báo cáo Thương mại điện tử trên mạng xã hội tại Việt Nam: Một số vấn đề pháp lý (VCCI).

thương mại điện tử phát triển nhanh chóng. Theo Báo cáo thống kê của Bộ Công thương năm 2021, doanh thu thương mại điện tử Việt Nam đạt 13,7 tỷ USD (tăng 16% so với năm 2020), trở thành 1 trong 3 quốc gia có tốc độ tăng trưởng thị phần bán lẻ trực tuyến cao nhất khu vực Đông Nam Á. Chính sự mở rộng và phát triển đã gây khó khăn trong kiểm soát chặt chẽ nền tảng thương mại điện tử, do đó đã tạo ra nhiều lỗ hổng cho những hành vi giả mạo nhãn hiệu, kiêu dáng, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng gia tăng và tinh vi. Qua thực tiễn xử lý các vụ việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng giả, nhận thấy rằng những vụ việc vi phạm ở lĩnh vực thương mại điện tử có chiều hướng gia tăng nhanh, mạnh nhất. Số liệu thống kê từ Chương trình 168 về phối hợp hành động phòng và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cho thấy, năm 2020 các lực lượng chức năng của các Bộ, ngành đã xử phạt 1.300 vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, tổng số tiền xử phạt trên 25 tỷ đồng. Những hành vi vi phạm trên môi trường thương mại điện tử tồn tại dưới hình thức là những hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến việc mua bán trực tuyến.³⁴ Năm 2021, lực lượng quản lý thị trường phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã tiến hành kiểm tra hơn 3.000 vụ việc lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng hóa giả mạo, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với số tiền xử phạt lên tới 20 tỷ đồng.³⁵

Việc cung cấp hàng hóa trực tuyến thông qua nền tảng sàn giao dịch thương mại điện tử dần trở thành mô hình thương mại chủ yếu, được tin dùng và sử dụng phổ biến. Các hoạt động quảng cáo trong thương mại điện tử được thúc đẩy và xuất hiện với tần suất dày đặc hơn, kéo theo nhiều hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ trong đó có vấn đề quyền đối với nhãn hiệu. Phổ biến nhất là hành vi sử dụng trái phép nhãn hiệu đã đăng ký của người khác để quảng cáo hoặc chỉnh sửa đối với các mặt hàng như quần áo, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, ... Ngoài các hoạt động quảng cáo xâm phạm thì những hành vi sản xuất, nhập khẩu, tiếp thị, mua bán các hàng hóa giả mạo, hàng hóa xâm phạm nhãn hiệu tại Việt Nam đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.

3. Đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị

3.1. Thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật đối với hành vi xâm phạm nhãn hiệu trên thương mại điện tử tại Việt Nam

Kể từ Luật sở hữu trí tuệ đầu tiên được Quốc hội thông qua năm 2005 và tiếp đó là Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 đã có không ít vấn đề về sở hữu trí tuệ được đề cập. Cùng với đó, Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2019 đã chú trọng hơn đến vấn đề sở hữu trí tuệ trong môi trường thương mại điện tử. Tuy nhiên, những quy định trong Luật sở hữu trí tuệ năm 2019 vẫn chưa chú trọng đến việc bảo hộ sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử theo cách nào, trình tự thủ tục ra làm sao, các chế tài áp dụng như

³⁴ Xâm phạm sở hữu trí tuệ trên nền tảng số sẽ trở thành “xu hướng”, <https://qltt.vn/xam-pham-so-huu-tri-tue-tren-nen-tang-so-se-tro-thanh-xu-huong-92478.html>, truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2022.

³⁵ Quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường thương mại điện tử: Thực trạng và một số đề xuất, <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/6603/quyen-so-huu-tri-tue-trong-moi-truong-thuong-mai-dien-tu--thuc-trang-va-mot-so-de-xuat.aspx>, truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2022.

thế nào ... Cho đến nay, theo quy định pháp luật sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung mới nhất vào năm 2022 đã hoàn chỉnh các vấn đề trên và xuất hiện điểm mới cho khung pháp lý cơ chế đối với sàn giao dịch thương mại điện tử, đó là quy định về việc miễn trừ trách nhiệm khi xuất hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của người dùng³⁶. Điều này minh chứng rằng, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam đã kịp thời xây dựng cơ sở pháp lý phù hợp với nhu cầu, xu hướng của thế giới, đặc biệt là trên nền tảng thương mại điện tử.

Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cũng đã có những quy định bảo hộ đối với các nhãn hiệu có dấu hiệu mang tính định hình, định lượng (dấu hiệu nhìn thấy được) được. Đặc biệt, tại luật Sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung năm 2022, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận nhãn hiệu được bảo hộ dưới dạng âm thanh, đây là một điểm mới và tiến bộ trong hệ thống pháp luật nước ta. Mặc dù đã có cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho sàn giao dịch thương mại điện tử nhưng đối với các quyền khác như nhãn hiệu thì vẫn chưa có những quy định cụ thể và rõ ràng. Với xu thế hội nhập kinh tế hiện nay, pháp luật Việt Nam cần xem xét và bổ sung cơ chế này để phù hợp với yêu cầu quốc tế.

Bên cạnh đó, việc nhận thức của người tiêu dùng chưa thật sự đầy đủ để có thể phân biệt hàng thật – hàng giả. Các lực lượng chức năng chưa đủ mạnh với nhiệm vụ được giao trong công tác đấu tranh bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Hơn nữa, phương thức sản xuất, nhập khẩu, tiếp thị, mua bán các mặt hàng vi phạm về sở hữu công nghiệp ngày càng trở nên tinh vi, có tổ chức liên tỉnh, liên vùng, liên quốc gia và đa dạng, phong phú về hình thức, chủng loại nên rất khó phát hiện, xử lý đối với các cơ quan thực thi.

Về phương thức vi phạm, trong những năm gần đây, các đối tượng vi phạm có xu hướng chuyển dịch từ tiếp thị, phân phối theo phương thức truyền thống sang hình thức thương mại điện tử (thông qua các trang bán hàng trực tuyến, website bán hàng và các sàn giao dịch thương mại điện tử). Vi phạm trên Internet là “không có biên giới, không có rào cản địa lý”. Do đó, việc phát hiện và xử lý các đối tượng vi phạm ngày càng trở nên hết sức khó khăn, đòi hỏi đội ngũ công chức, thanh tra viên làm công tác, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm phải không ngừng được tăng cường về số lượng, nâng cao về nghiệp vụ, trình độ chuyên, kỹ năng và kinh nghiệm cũng như đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, vào cuộc đồng bộ, thống nhất của liên ngành từ Trung ương đến địa phương. Thực tế trong những năm gần đây cho thấy, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ chịu sức ép rất lớn về các việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mà các cơ quan chức năng, thậm chí các lực lượng chức năng (quản lý thị trường, công an,...) ở Trung ương và địa phương hầu như chưa có khả năng bắt và xử lý các vi phạm về sở hữu trí tuệ như: xâm phạm về nhãn hiệu, sáng chế, tên miền, tên doanh nghiệp và trên môi trường Internet.³⁷

³⁶ Điều 198b quy định về Trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

³⁷ Thực trạng hoạt động quảng cáo xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử và giải pháp qua việc liên hệ với quy định một số nước trên thế giới (Kỳ 2), <https://phaply.net.vn/thuc-trang-hoat-dong-quang-cao-xam-pham-den-quyen-so-huu-tri-tue-trong-thuong-mai-dien-tu-va-giai-phap-qua-viec-lien-he-voi-quy-dinh-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-ky-2-a254214.html>, truy cập ngày 26 tháng 9 năm 2022.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Thương mại điện tử là một môi trường tiềm ẩn, chứa đựng và có thể phát sinh nhiều rủi ro về việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu. Điều này đặt ra những thách thức đối với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về xâm phạm nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử của Việt Nam bắt kịp với xu thế phát triển chung của thế giới.

Thứ nhất, nên xem xét và xây dựng cơ chế miễn trách nhiệm cho sàn giao dịch thương mại điện tử khi có hành vi xâm phạm nhãn hiệu của người dùng trên nền tảng thương mại điện tử. Với quy định này, nền tảng trung gian là sàn giao dịch thương mại điện tử sẽ có nhiều không gian tự do để phát triển hơn, trên cơ sở đáp ứng một số điều kiện nhất định và khắt khe của pháp luật. Kèm theo đó là các văn bản hướng dẫn chi tiết về quy định trên để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện đúng quy định và họ mới yên tâm đầu tư, phát triển trên nền tảng thương mại điện tử. Mặt khác, đối với người dùng, nhất là chủ sở hữu quyền mới hiệu và sử dụng chính xác công cụ để đảm bảo quyền lợi của mình trên môi trường dễ tổn thương như mạng Internet.

Thứ hai, cần rà soát quy phạm pháp luật tại các văn bản luật, nghị định, thông tư hướng dẫn về sở hữu trí tuệ trong môi trường thương mại điện tử, sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp với sự thay đổi của thực tế và đảm bảo tính thống nhất, tránh xung đột giữa quy định trong luật và các văn bản dưới luật. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc nghiên cứu đề xuất, bổ sung đầy đủ những quy định về sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ như nhãn hiệu trong môi trường thương mại điện tử.

Thứ ba, cần xây dựng chế tài xử phạt đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trong thương mại điện tử nói riêng theo hướng nghiêm khắc hơn để đảm bảo tính răn đe và ngăn chặn vi phạm một cách hiệu quả. Bởi mức phạt hành chính hiện nay là chưa phù hợp với thực tế và chưa tương ứng với mức lợi nhuận mà chủ thể vi phạm thu được. Điều này dẫn đến việc áp dụng biện pháp hành chính trong thực tiễn không đem lại hiệu quả cao và việc tái phạm vẫn diễn ra, gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi hợp pháp của chủ thể quyền. Do đó, các văn bản hướng dẫn về mức xử phạt hiện hành cần sửa đổi theo hướng xác định mức phạt tiền tương ứng với tính chất, mức độ vi phạm thực tế của các chủ thể. Trường hợp vi phạm có tính chất nghiêm trọng, gây thiệt hại đáng kể cho chủ thể quyền thì cần có chế tài mạnh hơn để xử lý.

Thứ tư, cần quy định thẩm quyền xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử cho một cơ quan chuyên trách nhất định. Điều này nhằm đáp ứng yêu cầu tinh gọn bộ máy quản lý, tránh trùng lặp, xung đột thẩm quyền. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý và cơ quan chuyên môn để việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm đạt hiệu quả, đảm bảo tối đa quyền lợi chính đáng của chủ thể quyền.

4. Kết luận

Đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, Việt Nam cần thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình xây dựng khung pháp lý và thực thi pháp luật một cách hiệu quả, nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là xâm

phạm nhãn hiệu trên nền tảng thương mại điện tử, chú trọng trên các sàn giao dịch thương mại điện tử. Các quốc gia có sự phát triển vượt bậc trong thị trường thương mại điện tử, điển hình như Trung Quốc, Hoa Kỳ, ... hay tổ chức kinh tế - chính trị Liên minh châu Âu đã có những quy định rất chặt chẽ nhằm ngăn chặn hành vi này. Do đó để Việt Nam có thể sánh vai với cường quốc năm châu như lời Hồ Chủ tịch đã dặn dò thì cách có thể tiến xa hơn trên chiến trường quốc tế ngay thời điểm này là cần hành động, dựa trên kinh nghiệm, học hỏi từ các quốc gia khác, chọn lọc và sửa đổi, bổ sung để bắt kịp với sự phát triển nhanh chóng trên nền tảng thương mại điện tử ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS);
2. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022;
3. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử
4. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
5. Quyết định số 645/QĐ-TTg, ngày 15/5/2020 của Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025;
6. Nghị định 85/2021 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử.
7. Báo cáo thống kê của Bộ Công thương năm 2021;
8. Báo cáo Thương mại điện tử trên mạng xã hội tại Việt Nam: Một số vấn đề pháp lý (VCCI)
9. Quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường thương mại điện tử: Thực trạng và một số đề xuất, <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/6603/quyen-so-huu-tri-tue-trong-moi-truong-thuong-mai-dien-tu--thuc-trang-va-mot-so-de-xuat.aspx>, truy cập ngày 25 tháng 9 năm 2022;
10. Thực trạng hoạt động quảng cáo xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử và giải pháp qua việc liên hệ với quy định một số nước trên thế giới (Kỳ 2), <https://phaply.net.vn/thuc-trang-hoat-dong-quang-cao-xam-pham-den-quyen-so-huu-tri-tue-trong-thuong-mai-dien-tu-va-giai-phap-qua-viec-lien-he-voi-quy-dinh-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-ky-2-a254214.html>, truy cập ngày 20 tháng 9 năm 2022;
11. Nguyễn Lương Sỹ, Mạng xã hội, sàn thương mại điện tử: Trách nhiệm pháp lý với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, <https://thesaigontimes.vn/mang-xa-hoi-san-thuong-mai-dien-tu-trach-nhiem-phap-ly-voi-bao-ho-quyen-so-huu-tri-tue/>, truy cập ngày 21 tháng 9 năm 2022;
12. Xâm phạm sở hữu trí tuệ trên nền tảng số sẽ trở thành “xu hướng”, <https://qltt.vn/xam-pham-so-huu-tri-tue-tren-nen-tang-so-se-tro-thanh-xu-huong-92478.html>, truy cập ngày 5 tháng 10 năm 2022.

XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI TISC TẠI CÁC VIỆN/TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Lê Thị Thu Hoài; Trần Thị Trang*

Lê Thị Thu Hoài**

Tóm tắt: Khai thác nguồn thông tin khoa học nói chung và thông tin sáng chế nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình xác lập, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ hiệu quả tại các Viện/Trường. Hệ thống TISC được biết đến như một nguồn tra cứu dữ liệu khoa học và đổi mới sáng tạo được áp dụng trong các Viện/Trường tại rất nhiều quốc gia thành viên của WIPO. Tuy nhiên, tại Việt Nam số lượng các Viện/Trường tham gia xây dựng và ứng dụng TISC còn khá khiêm tốn, cũng như chưa hiểu rõ tầm quan trọng khi gia nhập hệ thống này. Vì vậy, bài viết tập trung vào việc cung cấp thông tin về hệ thống TISC, tham khảo mô hình áp dụng tại các quốc gia và thực trạng tại các viện/trường tại Việt Nam từ đó làm cơ sở cho những đề xuất ứng dụng và khai thác hiệu quả mạng lưới TISC trong các Viện/trường hiện nay.

Từ khóa: Xây dựng; Mạng lưới TISC; Viện/Trường; Đổi mới sáng tạo.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng các Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (Technology and Innovation Support Centers – TISC) tại Viện/Trường trở thành một mạng lưới hỗ trợ thông tin công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khu vực và trên thế giới đang nhận được sự quan tâm và chú trọng phát triển ở nhiều quốc gia. Nhưng ở Việt Nam, mạng lưới này vẫn chưa được phổ biến và việc thông tin đến các trường đại học, viện nghiên cứu để ứng dụng hệ thống này chưa được khai thác hiệu quả, đặc biệt trong việc tra cứu thông tin cũng như kết nối thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Vấn đề đặt ra hiện nay cần hiểu rõ về mạng lưới TISC liên quan đến nguồn gốc, mục đích ra đời và các xây dựng hệ thống TISC để ứng dụng trong các viện nghiên cứu, trường đại học liên quan đến các kết quả nghiên cứu, các sáng chế. Vì vậy, bài viết tập trung cung cấp thông tin một cách khái quát nhất về mạng lưới TISC cũng như những mục đích, ý nghĩa khi tham gia mạng lưới này; thông qua việc tham khảo kinh nghiệm xây dựng TISC tại các quốc gia trên thế giới cũng như thực trạng ứng dụng hệ thống TISC tại một số trường, viện tại Việt Nam. Từ đó làm cơ sở để đề xuất các giải pháp xây dựng và khai thác hiệu quả mạng lưới TISC về các thông tin khoa học, sáng chế và ứng dụng đổi mới sáng tạo các kết quả nghiên cứu.

2. Khái quát chung về mạng lưới TISC

Mạng lưới TISC được thành lập trên cơ sở Dự án TISC (Technology and Innovation Support Centers - các Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo) do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) khởi xướng trên phạm vi toàn cầu và

* Sinh viên lớp K43B, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Email: lethithuhoai08012001@gmail.com

** Sinh viên lớp K44C, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Email: hoai5959559@gmail.com

được thành lập vào năm 2009³⁸. Với mục đích ban đầu nhằm cho phép các nước đang phát triển, các nước kém phát triển nhất và các nước đang trong quá trình chuyển đổi khai thác tốt hơn tiềm năng đổi mới, sáng tạo và hỗ trợ trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

Chương trình TISC hỗ trợ và trao quyền cho các nhà sáng chế và doanh nhân, xây dựng dựa trên kho thông tin công nghệ phong phú được công bố với hơn 100 triệu tài liệu sáng chế đã xuất bản và các ấn phẩm khoa học, kỹ thuật. Thông thường, TISC được đặt tại các cơ quan chủ quản như văn phòng cấp bằng sáng chế, trường đại học, trung tâm và viện nghiên cứu hoặc công viên khoa học công nghệ.

Hiện nay, mục tiêu của Dự án TISC của WIPO tại các quốc gia hướng đến nhằm hỗ trợ việc tiếp cận với thông tin khoa học công nghệ, thông tin sáng chế chất lượng cao và các dịch vụ liên quan; trợ giúp trong việc tra cứu thông tin sáng chế; đào tạo tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp; thực hiện dịch vụ tra cứu theo yêu cầu; cung cấp thông tin phục vụ theo dõi tình trạng kỹ thuật và cạnh tranh, pháp luật về sở hữu trí tuệ, quản lý và thương mại hóa công nghệ (ở mức cơ bản)³⁹.

Song hành với việc xây dựng mạng lưới thông tin khoa học và đổi mới sáng tạo toàn cầu, WIPO còn hỗ trợ mở các khóa tập huấn để đào tạo phát triển kiến thức và kỹ năng cho các nhân viên TISC tại các quốc gia. Đào tạo bao gồm các hội thảo và hội thảo tại chỗ với trọng tâm là đào tạo giảng viên, đào tạo từ xa được thực hiện với sự hợp tác của Học viện WIPO. Nội dung xoay quanh các chủ đề: các khái niệm và kỹ năng cơ bản trong việc tìm kiếm bằng sáng chế; các loại tìm kiếm bằng sáng chế khác nhau, bao gồm tính sáng tạo, tính mới và quyền tự do vận hành, cũng như phân tích bằng sáng chế.

Bên cạnh đó WIPO còn hỗ trợ TISC trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu bằng sáng chế hàng đầu thông qua “Chương trình Tiếp cận Thông tin Sáng chế Chuyên biệt” (The Access to Specialized Patent Information - ASPI) và chương trình Tiếp cận Nghiên cứu để Phát triển và Đổi mới (The Access to Research for Development and Innovation - ARDI) cho phép các tổ chức ở các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam) có được quyền truy cập miễn phí hoặc chi phí thấp vào dịch vụ cơ sở dữ liệu bằng sáng chế thương mại. Hiện nay, hơn 50 nhà xuất bản hiện cung cấp quyền truy cập miễn phí hoặc chi phí thấp vào khoảng 30.000 tạp chí, sách và tác phẩm tham khảo cho 120 quốc gia và vùng lãnh thổ đang phát triển thông qua ARDI⁴⁰.

Chương trình ARDI cũng là một thành viên của Research4Life một sáng kiến chung của một số cơ quan Liên Hợp Quốc, các doanh nghiệp khu vực tư nhân, các tổ

³⁸ WIPO (2019) - Technology and Innovation Support Centers (TISC), UNOSSC-Contribution-WIPO-TISCs.pdf.

<https://www.wipo.int/tisc/en/>.

³⁹ Cục sở hữu trí tuệ (2021) “Mạng lưới TISC và IP-HUB: Thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ trong các viện nghiên cứu, trường đại học”. <https://ipvietnam.gov.vn/web/guest>. Truy cập 25/9/2022.

⁴⁰ WIPO (2019) - Technology and Innovation Support Centers (TISC), UNOSSC-Contribution-WIPO-TISCs.pdf.

<https://www.wipo.int/tisc/en/>.

chức phi chính phủ và các tổ chức học thuật nhằm cung cấp quyền truy cập miễn phí cho các sinh viên, nhà nghiên cứu tại các quốc gia⁴¹.

Có thể nói, hiện nay việc xây dựng mạng lưới TISC trong các Viện/Trường đại học tại Việt Nam đang là một xu thế phù hợp trên thế giới và có ý nghĩa rất lớn, bao gồm:

Thứ nhất, nhằm thúc đẩy việc khai thác thông tin sở hữu công nghiệp (sáng chế) và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong các hoạt động nghiên cứu. Điều này giúp cho các nhà nghiên cứu học hỏi và phát triển các công nghệ, sáng chế trên cơ sở tham khảo những thông tin dữ liệu khoa học đã công bố trên phạm vi toàn cầu mà hệ thống TISC mang lại.

Thứ hai, TISC đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ của các chương trình đào tạo chuyên sâu cho các thành viên mạng lưới để trang bị kỹ năng tra cứu thông tin, tư vấn thủ tục xác lập quyền, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ cho các nhà sáng chế trong trường đại học, viện nghiên cứu hoặc doanh nghiệp. Qua đó, giúp tăng số lượng sáng chế, thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Thứ ba, mạng lưới TISC cung cấp một loạt các dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và công nghệ, từ các dịch vụ cơ bản đến dịch vụ bổ sung giá trị giúp các nhà sáng chế, nhà nghiên cứu và doanh nhân khai phá tiềm năng sáng tạo của họ. Đặc biệt, mạng lưới TISC ứng dụng trong các Viện/trường còn giúp hỗ trợ làm cầu nối quá trình thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, sáng chế đến gần hơn với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng.

3. Thực tiễn xây dựng và ứng dụng mạng lưới TISC tại các quốc gia trên thế giới

Kể từ khi chương trình TISC được triển khai vào năm 2009, 80 quốc gia đang triển khai mạng lưới TISC quốc gia. Trong 10 năm qua, hơn 900 TISC đã được thành lập.⁴² Không chỉ xây dựng một mạng lưới khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo toàn cầu, mạng lưới TISC khu vực cũng được tạo ra để cung cấp một nền tảng chính thức cho các TISC để trao đổi kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất, đồng thời xây dựng dựa trên thế mạnh của quốc gia và khu vực để cung cấp nhiều dịch vụ và hỗ trợ có mục tiêu. Mạng lưới khu vực đã được thiết lập giữa các Quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và ở Trung Mỹ và Cộng hòa Dominica (CATI-CARD). Các quốc gia thành viên của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Khu vực Châu Phi (ARIPO) gần đây cũng đã chính thức hóa mạng lưới TISC khu vực. Khi số lượng mạng lưới TISC quốc gia phát triển bền vững, số lượng TISC ngày

⁴¹ Research4Life, là một nền tảng và trang web dành riêng cho việc cung cấp kiến thức được đánh giá ngang hàng cho sinh viên và nhà nghiên cứu ở các quốc gia có thu nhập thấp hơn. Research4Life cung cấp quyền truy cập miễn phí hoặc chi phí thấp vào nội dung học thuật và chuyên môn được đánh giá ngang hàng trực tuyến. Research4Life bao gồm năm chương trình: HINARI, nghiên cứu vì sức khỏe AGORA, nghiên cứu về nông nghiệp ARDI, nghiên cứu để phát triển và đổi mới; OARE, nghiên cứu trong môi trường; GOALI, nghiên cứu vì công lý toàn cầu.

⁴² WIPO (2019) - Technology and Innovation Support Centers (TISC), UNOSSC-Contribution-WIPO-TISCs.pdf.

<https://www.wipo.int/tisc/en/>, truy cập ngày 30/09/2022

càng tăng cung cấp cho các nhà đổi mới khả năng tiếp cận thông tin công nghệ tại địa phương và các dịch vụ hỗ trợ đổi mới liên quan.

Theo thông tin được cung cấp bởi các điều phối viên TISC quốc gia, 750 Trung tâm TISC đã được thành lập trong giai đoạn này. Chương trình TISC tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng thông tin công nghệ, tài liệu khoa học kỹ thuật, công cụ tìm kiếm và cơ sở dữ liệu, cũng như xây dựng năng lực ở các nước đang phát triển để hỗ trợ hiệu quả đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ liên quan đến thương mại hóa.⁴³

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018, 17 mạng lưới TISC quốc gia đã thiết lập các nền tảng TISC trực tuyến chuyên dụng để tạo điều kiện kết nối giữa các thành viên TISC, quảng bá dịch vụ của mạng lưới và nêu bật các hoạt động cũng như công cụ mới, hoặc có trang web TISC trên cổng thông tin của cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia. Cũng trong giai đoạn này, một số ấn phẩm mới được WIPO công bố, như bản hướng dẫn điện tử về sử dụng và khai thác thông tin sáng chế đã được dịch và cung cấp cho các thành viên TISC bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga⁴⁴.

Tại các quốc gia thành viên của WIPO đã có những chính sách trong việc xây dựng hệ thống TISC, đào tạo đội ngũ, hướng dẫn sử dụng và tra cứu thông tin sáng chế, có thể kể đến như:

Tại Argentina, Viện Sở hữu Công nghiệp Quốc gia đã cung cấp hơn 100 giờ đào tạo TISC cho hơn 200 người. Với mạng lưới quốc gia đang phát triển (33 TISC được thành lập tại 19 tổ chức trên 6 khu vực), các thành viên TISC của mạng lưới quốc gia đã trả lời hơn 500 loại câu hỏi khác nhau và cung cấp lời khuyên về các lĩnh vực liên quan đến sáng chế (64%), nhãn hiệu (18%), hợp đồng (5%), và li-xăng (1%).

Tại Colombia, các thành viên của mạng lưới TISC quốc gia đã thực hiện 600 lượt tra cứu tính mới, 43 Báo cáo toàn cảnh sáng chế và cung cấp 6.600 tư vấn về các chủ đề SHTT khác nhau trên 20 thành phố khác nhau. Tại Costa Rica, mạng lưới TISC đã trả lời hơn 1.150 câu hỏi và thực hiện 77 lượt tra cứu tính mới. Tại Pakistan, mạng lưới 27 TISC, hầu hết được thành lập bởi các trường đại học, nhận được trung bình 371 câu hỏi mỗi tháng.

Bên cạnh đó, hệ thống TISC toàn cầu của WIPO đã thực hiện một số lượng lớn các sự kiện nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực để hỗ trợ các nhà đổi mới sáng tạo, nhà nghiên cứu và doanh nhân trong cách sử dụng hiệu quả hệ thống SHTT toàn cầu để hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới địa phương. Một số sự kiện được tổ chức trong năm bao gồm:

⁴³ CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ(2021), Cục Sở hữu trí tuệ và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Hợp tác để phát triển tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ: https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/ip-hub-vietnam/-/asset_publisher/bCvIrd1jUcEf/content/ , truy cập ngày 30/9/2022

⁴⁴ Thanh An(2022),17 Mạng lưới TISC Hoàn thành mục tiêu trong giai đoạn đầu tiên mới nhất: <https://vnntv.vn/17-mang-luoi-tisc-hoan-thanh-muc-tieu-trong-giai-doan-dau-tien-moinhat/?fbclid=IwAR2qSeJm3vsPti12qLc2el> , truy cập ngày 29/9/2022

Tại Colombia, 9.500 người tham gia được hưởng lợi từ hơn 350 hoạt động đào tạo thông qua chương trình TISC. Sau hội thảo WIPO được tiến hành vào tháng 10 năm 2018 tại Ethiopia, Văn phòng Sở hữu trí tuệ Ethiopia đã tiến hành bảy khóa học về tra cứu sáng chế và hệ thống SHTT. Hơn 150 sự kiện nâng cao nhận thức được tổ chức bởi tổ chức Quản trị TSTT và xúc tiến SHTT của Ấn Độ được tổ chức tại các trường học, trường đại học và các công ty trên khắp Ấn Độ.

Tại Madagascar, hơn 200 người tham gia từ các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp vừa và nhỏ được đào tạo chuyên sâu về TSTT thông qua mạng lưới TISC. Các thành viên của mạng lưới TISC cũng tham gia vào các sự kiện công nghiệp, khoa học và nghiên cứu trong cả nước để nâng cao nhận thức về thông tin sáng chế và hỗ trợ sử dụng cơ sở dữ liệu sáng chế và tra cứu sáng chế (ví dụ: Hội chợ Công nghiệp Madagascar và Ngày khám phá khoa học kết hợp với nhau các nhà nghiên cứu, nhà khoa học và đại diện của ngành để hợp tác trong các dự án sáng tạo).

Tại Pakistan, 55 hội thảo xây dựng nhận thức về hệ thống nộp đơn sáng chế và tiếp cận cơ sở dữ liệu sáng chế đã được tổ chức trong suốt cả năm ở các khu vực khác nhau của đất nước. 12 phiên xây dựng năng lực đã được Cục Sở hữu trí tuệ Pakistan tổ chức cho nhân viên TISC trong năm qua.

Tại Liên bang Nga, Đại hội TISC lần thứ 6 đã diễn ra vào tháng 9 tại Xanh Pê-téc-bua với 152 người tham gia, sau đó là hội thảo đào tạo TISC quốc gia vào tháng 11 tại Mát-xcơ-va. 14 sự kiện quốc gia đào tạo bổ sung và một số hội nghị khoa học và kỹ thuật khu vực cũng được tổ chức trong suốt cả năm bởi Cơ quan sở hữu trí tuệ liên bang Nga (ROSPATENT).

Ngoài ra, 42 hội thảo được tổ chức tại Uzbekistan bởi Cơ quan sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Uzbekistan, hợp tác với Phòng Thương mại và các văn phòng lãnh thổ của họ. Cơ quan đã tổ chức các hội thảo tiếp cận giáo dục trên cả nước để tăng cường kiến thức cho các doanh nhân trong lĩnh vực bảo vệ pháp lý đối với sở hữu trí tuệ. 28 hội thảo đã được tổ chức về chủ đề “Bảo vệ SHTT tại Uzbekistan” và 14 hội thảo được tổ chức theo các chủ đề TISC liên quan khác.

4. Thực tiễn xây dựng và ứng dụng mạng lưới TISC ở các Viện/trường tại Việt Nam

Mạng lưới TISC ra đời năm 2009, và chỉ sau một năm tức vào năm 2010 Cục SHTT đã khởi động mạng lưới TISC ở Việt Nam⁴⁵. Trường Đại học Điện lực là một trong những thành viên tích cực và gắn bó với mạng lưới từ những ngày đầu tiên.

Trong mạng lưới TISC Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam là một trong những đơn vị nổi bật. Năm 2018, Viện Hàn lâm Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam có với 50 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, chiếm khoảng

⁴⁵ Khoa học công nghệ (2022), *Mạng lưới TISC: “Bà đỡ” cho tài sản trí tuệ ở viện, trường*: <https://khcncongthuong.vn/tin-tuc/t16107/mang-luoi-tisc-ba-do-cho-tai-san-tri-tue-o-vien-truong.html>, truy cập ngày 29/9/2022.

8% số bằng sáng chế của Việt Nam. Kết quả này là nhờ Viện đã tham gia mạng lưới TISC.

Từ năm 2019, cục đã xây dựng và phát triển mạng lưới TISC và chuyển giao công nghệ trong các viện nghiên cứu, Trường đại học. Đến nay có khoảng hơn 50 trường đại học, Viện nghiên cứu là thành viên của mạng lưới có thể kể đến một vài Viện/Trường tiêu biểu như sau:

ĐHQG-HCM là thành viên chính thức của mạng lưới các Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (TISC) từ tháng 3/2019. Ngoài ra, còn có ĐHQG Hà Nội, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Trường ĐH Bách Khoa, và một số viện/trường khác trên phạm vi toàn quốc. Trong đó, với vai trò thành viên của TISC trong năm 2019 ĐHQG-HCM sẽ phối hợp tổ chức và tham gia với WIPO và Cục Sở hữu trí tuệ để triển khai một loạt các hoạt động tập huấn kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế phục vụ các hoạt động nghiên cứu, triển khai, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, kiến thức kỹ năng về chuyển giao công nghệ cho các viện nghiên cứu, Trường đại học.

Ông Đinh Hữu Phú – Cục trưởng Cục SHTT đã khẳng định rằng Cục SHTT đóng vai trò trung tâm kết nối, điều phối các hoạt động mạng lưới TISC quốc gia của Việt Nam. Cục SHTT có nhiệm vụ lập kế hoạch và xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu cho các thành viên mạng lưới để có đủ kỹ năng tra cứu thông tin, tư vấn thủ tục xác lập quyền, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ cho các nhà sáng chế trong tổ chức của Viện/ Trường. Điều này sẽ giúp cho các viện trường tăng cường năng lực trong hoạt động sở hữu trí tuệ, đặc biệt là chú trọng vào việc tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế của chủ thể Việt Nam cũng như thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ. Ông hy vọng rằng, thông qua Mạng lưới TISC của Việt Nam và khu vực ASEAN, hoạt động xác lập quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ của các chủ thể Việt Nam, đặc biệt là của các viện/trường sẽ được thúc đẩy, góp phần cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ Việt Nam

Các cán bộ trường Đại học Điện lực đã được trang bị thêm kiến thức về tra cứu thông tin sáng chế, nâng cao kỹ năng khai thác thông tin sáng chế từ khi tham gia mạng lưới, bước đệm để nhà trường xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu cho các các bộ, giảng viên về các kiến thức, kỹ năng tra cứu thông tin, thủ tục xác lập quyền, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ. Từ đó, cán bộ và giảng viên trong trường được củng cố, tăng cường năng lực nội tại trong việc xác lập quyền SHTT, đặc biệt là chú trọng vào việc tăng số lượng sáng chế của trường cũng như thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ. Vừa qua thì Các cán bộ trường Đại học Điện lực đã xuất sắc vượt qua khóa đào tạo và được cấp chứng nhận của WIPO

Mạng lưới luôn có những buổi hội thảo được tổ chức trực tiếp và trực tuyến qua 3 điểm cầu với sự tham gia của các diễn giả đến từ Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. HCM, Viện dầu khí Việt Nam để có thể cho các chuyên gia đến từ

các Viện/ Trường hiểu sâu hơn về mạng lưới cũng như trao đổi các kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức về SHTT trong môi trường Viện/ Trường.

Bên cạnh những lợi ích mà mạng lưới mang lại cho Viện/ Trường thì còn gặp rất nhiều khó khăn như:

Thứ nhất, các Viện/Trường thiếu các thông tin về mạng lưới TISC dẫn đến không tích cực trong việc xây dựng và khai thác hiệu quả mạng lưới TISC. Điều này cũng dễ hiểu bởi tại thời điểm đó, không nhiều nơi quan tâm đến SHTT, thậm chí hiện nay, rất ít đơn vị có bộ phận chuyên trách về SHTT. Mạng lưới Chỉ đang ở giai đoạn sơ khởi, chưa thực sự trưởng thành.

Thứ hai, các Viện/Trường nghiên cứu trong bối cảnh các viện, trường còn khá “lúng túng”, chưa xác định được định hướng xây dựng chiến lược SHTT cho riêng mình, chưa hiểu rõ kết quả nào nên đăng ký SHTT, nên biến thành tài sản hữu hình. Có một “điểm yếu” của viện nghiên cứu, trường đại học Việt Nam là gần như chưa cụ thể hóa các kết quả, chưa biến các kết quả thành tài sản và thương mại hóa sáng chế một cách hiệu quả.

Thứ ba, đội ngũ nghiên cứu về mạng lưới TISC chưa được chú trọng, chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa có đủ kỹ năng tra cứu thông tin, tư vấn thủ tục xác lập quyền, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ cho các nhà sáng chế trong các tổ chức của Viện/ Trường.

5. Đề xuất giải pháp xây dựng và khai thác hiệu quả mạng lưới TISC ở các Viện/trường tại Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu mô hình tại các quốc gia trên thế giới trong việc xây dựng và ứng dụng mạng lưới TISC cũng như những hạn chế từ thực trạng ứng dụng mạng lưới TISC tại Việt Nam. Nhóm tác giả có một số đề xuất nhằm xây dựng và khai thác hiệu quả mạng lưới TISC trong các viện/trường tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về thành viên tham gia mạng lưới. Cục SHTT có nhiệm vụ lập kế hoạch và xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu cho các thành viên mạng lưới để có đủ kỹ năng tra cứu thông tin, tư vấn thủ tục xác lập quyền, thương mại hóa và chuyển giao công nghệ cho các nhà sáng chế trong tổ chức của viện, trường hoặc doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp cho các viện trường tăng cường năng lực trong hoạt động sở hữu trí tuệ, đặc biệt là chú trọng vào việc tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế của chủ thể Việt Nam cũng như thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ, thương mại hóa tài sản trí tuệ.

Thứ hai, đổi mới nghiên cứu mạng lưới TISC. Chúng ta thấy rằng việc nghiên cứu mạng lưới TISC ở Việt Nam đang còn hạn chế, chưa được phổ biến vì vậy. Cần phải có sự đổi mới trong phương pháp nghiên cứu về mạng lưới TISC. Chúng ta có thể tham khảo các mô hình nghiên cứu mạng lưới TISC ở các nước tiên bộ từ đó ứng dụng vào việc nghiên cứu mạng lưới TISC ở nước ta. Nhằm đưa mạng lưới TISC đến với các Viện trường một cách tiếp cận tối ưu, hiệu quả nhất.

Thứ ba, phối hợp tổ chức và tham gia với WIPO và Cục Sở hữu trí tuệ để nâng cao mạng lưới TISC. Việc phối hợp tổ chức và tham gia với WIPO và Cục Sở hữu trí tuệ để triển khai một loạt các hoạt động tập huấn kỹ năng tra cứu thông tin sáng chế phục vụ các hoạt động nghiên cứu, triển khai, xác lập quyền sở hữu trí tuệ; kiến thức kỹ năng về chuyển giao công nghệ cho các viện nghiên cứu, trường đại học qua đó góp phần nâng cao hệ thống mạng lưới này.

Thứ tư, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho việc xây dựng mạng lưới TISC ở các viện/trường. Cục SHTT cần phải có chính sách quan tâm tới việc nghiên cứu mạng lưới TISC trong đó phải đặc biệt chú trọng việc đầu tư cơ sở vật chất cho việc nghiên cứu và xây dựng mạng lưới TISC ở các Viện/Trường như: trích ngân sách để đầu tư cho việc nghiên cứu. Xây dựng phòng làm việc và mua máy tính lắp đặt để hỗ trợ việc tra cứu tài liệu cũng như thông tin về mạng lưới, bố trí nguồn lực tham gia mạng lưới.

6. Kết luận

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy rằng mạng lưới TISC là một trong những mạng lưới phổ biến ở các quốc gia trên thế giới. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển việc có một mạng lưới phục vụ các Viện/ Trường trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ thuận tiện trong việc xác lập quyền SHTT và chuyển giao công nghệ nhằm tăng số lượng sáng chế là rất cần thiết để giúp ngành SHTT của nước ta ngành càng phát triển là rất cần thiết nhưng trên thực tế các Viện/Trường còn khá hạn chế và dè dặt khi nhắc đến mạng lưới này. Qua nghiên cứu cho thấy rằng muốn tiếp cận sâu hơn về mạng lưới người nghiên cứu cần phải nhìn nhận một cách toàn diện hơn về những giá trị mà mạng lưới mang lại. Từ những thực trạng về quá trình nghiên cứu mạng lưới phải đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm đánh giá và khai thác tốt hơn các hiệu quả mà mạng lưới này mang lại. Từ đó sẽ có nhiều bài nghiên cứu hơn về mạng lưới này phục vụ nhiều hơn cho viện trường trên toàn cả nước giúp các viện trường được vươn xa hơn nữa trên thị trường các nước trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WIPO (2019) , Technology and Innovation Support Centers (TISC), UNOSSC-Contribution-WIPO-TISCs, pdf. <https://www.wipo.int/tisc/en/>.
2. Cục sở hữu trí tuệ (2021) ,Cục Sở hữu trí tuệ và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Hợp tác để phát triển tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ: https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/ip-hub-vietnam/-/asset_publisher, truy cập ngày 30/9/2022.
3. Thanh An(2022), 17 Mạng lưới TISC: Hoàn thành mục tiêu trong giai đoạn đầu tiên mới nhất: <https://vnntv.vn/17-mang-luoi-tisc-hoan-thanh-muc-tieu-trong-giai-doan-dau-tien-moi-nhat/?f>, truy cập ngày 29/9/2022.

QUYỀN BÈ MẶT THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM VÀ NHỮNG HẠN CHẾ

Nguyễn Thị Thùy Thương; Nguyễn Chí Thanh
Hà Thúy Lương* ; Nguyễn Hoài Linh**

Tóm tắt: Bộ luật dân sự 2015 ra đời với những quy định mới đã khắc phục những khuyết điểm trong hệ thống pháp luật trước đây. Đặc biệt trong đó có quyền bề mặt được Pháp luật Việt Nam ghi nhận là quyền khác của chủ thể đối với tài sản. Tuy nhiên, khi áp dụng quyền bề mặt trong thực tế gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc. Bài viết chỉ ra những vướng mắc cả phương diện lý luận và thực tiễn, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật, góp phần vào việc hoàn thiện các quy định pháp luật về quyền bề mặt nói riêng và chế định vật quyền trong BLDS nói chung.

Từ khóa: Quyền bề mặt, Bộ luật Dân sự 2015

1. Quy định của pháp luật về quyền bề mặt

Quyền bề mặt là một trong những chế định tiêu biểu trong các chế định về quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản. Quyền bề mặt đã được hình thành từ rất sớm ở các quốc gia cổ đại, tiêu biểu là La Mã. Theo Luật Dân sự La Mã thì vật quyền (bao gồm quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền địa dịch, quyền dụng ích cá nhân, quyền bề mặt và quyền cầm cố thế chấp) được chia làm hai loại đó là vật quyền chính yếu và vật quyền phụ thuộc. Trong hai loại vật quyền này, quyền bề mặt là vật quyền phụ thuộc (là vật quyền được xác lập trên tài sản của người khác, điều này có nghĩa là một chủ thể không phải là chủ sở hữu của tài sản nhưng họ lại có quyền sử dụng, khai thác tài sản đó để hưởng lợi). Trong Luật La Mã trước đây, các luật gia La Mã cho rằng, về bản chất quan hệ tài sản do tính xác định của các quan hệ đó. Khi là chủ sở hữu tài sản, chủ thể này có toàn quyền tác động đến tài sản của mình nhằm đạt được những lợi ích nhất định mà không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ một người nào khác⁴⁶. Chủ thể này là người có quyền tuyệt đối với tài sản của mình. Quan hệ giữa chủ thể và tài sản trong trường hợp này được coi là quan hệ vật quyền, mà đặc trưng là quyền sở hữu. Tuy nhiên, một người không chỉ có quyền đối với tài sản của chính mình mà còn có thể có quyền tác động lên tài sản của người khác. Có thể hiểu rằng, quyền tuyệt đối của chủ sở hữu đối với tài sản của mình có thể bị hạn chế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền của người khác lên tài sản của mình. Quyền của một người được khai thác, sử dụng tài sản không phải thuộc sở hữu của mình được gọi là quyền khác đối với tài sản. Quyền bề mặt là một loại quyền như vậy⁴⁷.

Hiện nay quyền bề mặt đã được mở rộng hơn về phạm vi thực hiện quyền. Nếu như ở pháp luật La Mã, quyền bề mặt chỉ là xây dựng công trình trên thì đến nay,

* Sinh viên lớp LKT K44E, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật – Đại học Huế

** Sinh viên lớp LKT K44G, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật – Đại học Huế

⁴⁶ Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), Giáo trình Luật La Mã, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, Tr. 61

⁴⁷ Lê Đăng Khoa (2017), “Quyền bề mặt trong Bộ luật dân sự năm 2015”, Tạp chí Nghề luật, số 4, Tr. 23

quyền bề mặt được mở rộng hơn về phạm vi, không chỉ được sử dụng mặt đất mà còn được sử dụng cả phần không gian trên mặt đất và phần lòng đất. Ở Việt Nam, quyền bề mặt là một quyền tài sản mới được quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015. Bộ luật dân sự năm 2015 khẳng định “chủ thể quyền bề mặt có quyền khai thác, sử dụng mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất thuộc quyền sử dụng đất của người khác để xây dựng công trình, trồng cây, canh tác nhưng không được trái với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản và quy định khác của pháp luật có liên quan”⁴⁸. Cụ thể hơn thì quyền bề mặt là quyền của chủ thể được sử dụng mặt đất, khoảng không trên mặt đất và lòng đất mà quyền sử dụng đất đó thuộc về người khác. Quyền bề mặt được xác lập theo thỏa thuận, theo cam kết, theo ý chí đơn phương hoặc theo quy định của bộ luật này, luật khác có liên quan⁴⁹. Đối tượng của quyền bề mặt có thể là vật cụ thể gắn với đất hoặc là phần không gian, theo đó vật gắn với đất sẽ được tạo lập. Vật cụ thể gắn với đất có thể là vật nằm trên bề mặt đất, nằm dưới mặt đất hoặc phần không gian trên mặt đất. Chủ thể quyền bề mặt có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vật đó. Trong trường hợp đối tượng của quyền là phần không gian mà trong đó các vật gắn với đất có thể được tạo lập thì chủ sở hữu phần không gian có quyền xây dựng, trồng cây, canh tác và có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vật mới được tạo ra.

2. Thực trạng quy định của pháp luật về quyền bề mặt

Việc quy định quyền bề mặt đã giải quyết nhiều vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Tuy nhiên, vấn đề thực tiễn thi hành pháp luật vẫn còn đặt ra một số vấn đề, cụ thể như:

Thứ nhất, theo quy định tại Khoản 1 Điều 271 BLDS 2015, nội dung của quyền bề mặt được xác định:

“ 1. Chủ thể quyền bề mặt có quyền khai thác, sử dụng mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất thuộc quyền sử dụng đất của người khác để xây dựng công trình, trồng cây, canh tác nhưng không được trái với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.”⁵⁰

Phạm vi không gian của quyền bề mặt. BLDS 2015 Việt Nam hiện nay quy định quy định đối tượng của quyền bề mặt gồm mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất. Khoảng không gian này có thể bị giới hạn bởi độ cao, độ sâu nhưng cũng có thể bao gồm toàn bộ bề mặt bên trên mặt đất và lòng đất tùy vào sự thỏa thuận của các bên hoặc pháp luật có quy định. Hiện nay, do chưa có

⁴⁸ Điều 271. Nội dung của quyền bề mặt

1. Chủ thể quyền bề mặt có quyền khai thác, sử dụng mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất thuộc quyền sử dụng đất của người khác để xây dựng công trình, trồng cây, canh tác nhưng không được trái với quy định của Bộ luật này, pháp luật về đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ thể quyền bề mặt có quyền sở hữu đối với tài sản được tạo lập theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp quyền bề mặt được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ thì chủ thể nhận chuyển giao được kế thừa quyền bề mặt theo điều kiện và trong phạm vi tương ứng với phần quyền bề mặt được chuyển giao.

⁴⁹ Xem Điều 268 BLDS 2015

⁵⁰ Xem Điều 271 BLDS năm 2015

công cụ đo lường đối với khoảng không gian này nên việc xác định thường do các bên ước lượng dựa vào diện tích bề mặt và chiều cao. Thế nên, sẽ dẫn đến khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của những người được cấp quyền bề mặt đối với việc bảo vệ, quản lý tài sản chung hoặc trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra đối với bề mặt đất hoặc bề mặt bất động sản. Khi nhìn quyền bề mặt theo lát cắt ngang, chúng ta mới xác định quyền bề mặt đối với khoảng không trên đất, bề mặt đất và khoảng không dưới lòng đất. Khi nhìn nhận quyền bề mặt theo lát cắt dọc, chúng ta xem xét quyền bề mặt dưới góc độ là sự ràng buộc của các chủ thể quyền này như thế nào? Cụ thể hơn là phải xem xét mối ràng buộc giữa chủ thể có quyền sử dụng phía trên bề mặt đất, chủ thể có quyền sử dụng bề mặt đất và chủ thể có quyền sử dụng trong lòng đất.

Thứ hai, về vấn đề xử lý tài sản khi quyền bề mặt chấm dứt, theo quy định tại điều 273 BLDS 2015 thì các chủ thể quyền bề mặt sẽ rất khó trong việc xử lý tài sản khi quyền bề mặt chấm dứt⁵¹. Tài sản gắn liền với đất, phổ biến là nhà cửa, công trình xây dựng hay cây cối với tính chất là những bất động sản, nếu như phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của bề mặt thì sẽ là vấn đề không đơn giản. Do là những tài sản thuộc sở hữu của mình nên người có quyền bề mặt hoàn toàn có thể di dời để tiếp tục sử dụng. Tuy vậy, đối với tài sản là cây cối thì có thể sử dụng cách di dời nguyên cây, còn đối với công trình xây dựng (vẫn còn giá trị sử dụng) mỗi loại công trình khác nhau thì khả năng xử lý cũng khác nhau. Lúc này chủ sở hữu tài sản hay người có quyền bề mặt vẫn có giải pháp là phá dỡ những công trình kiên cố này để khôi phục tình ban đầu. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, người có quyền bề mặt phải tự mình chủ động xử lý các tài sản đó mà pháp luật cho phép các bên tự thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, theo khoản 2, Điều 270 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp thỏa thuận hoặc di chúc không xác định thời hạn của quyền bề mặt thì mỗi bên có quyền chấm dứt quyền này bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất là 06 tháng”. Như vậy, với quy định này thì người sử dụng đất cũng có quyền đơn phương chấm dứt quyền bề mặt. Tuy nhiên, quy định này lại có một sự bất hợp lý, bởi lẽ quy định này có sự mâu thuẫn với quy định tại Điều 272 Bộ luật Dân sự năm 2015⁵². Theo đó, trong quy định tại Điều 272 lại không đưa ra

⁵¹ Điều 273. Xử lý tài sản khi quyền bề mặt chấm dứt

1. Khi quyền bề mặt chấm dứt, chủ thể quyền bề mặt phải trả lại mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và lòng đất cho chủ thể có quyền sử dụng đất theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể quyền bề mặt phải xử lý tài sản thuộc sở hữu của mình trước khi quyền bề mặt chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp chủ thể quyền bề mặt không xử lý tài sản trước khi quyền bề mặt chấm dứt thì quyền sở hữu tài sản đó thuộc về chủ thể có quyền sử dụng đất kể từ thời điểm quyền bề mặt chấm dứt, trừ trường hợp chủ thể có quyền sử dụng đất không nhận tài sản đó.

Trường hợp chủ thể có quyền sử dụng đất không nhận tài sản mà phải xử lý tài sản thì chủ thể có quyền bề mặt phải thanh toán chi phí xử lý tài sản.

⁵² Điều 272. Chấm dứt quyền bề mặt

Quyền bề mặt chấm dứt trong trường hợp sau đây:

1. Thời hạn hưởng quyền bề mặt đã hết.
2. Chủ thể có quyền bề mặt và chủ thể có quyền sử dụng đất là một.
3. Chủ thể có quyền bề mặt từ bỏ quyền của mình.

trường hợp người sử dụng đất đơn phương chấm dứt quyền bề mặt theo quy định tại khoản 2, Điều 270 vào một trong các căn cứ chấm dứt quyền bề mặt. Đây có thể đánh giá là một điểm chưa thực sự hoàn thiện của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ tư, về vấn đề đăng ký quyền bề mặt. Theo quy định chung tại Điều 106 BLDS năm 2015 thì quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản phải thực hiện việc đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc đăng ký này phải được công khai. Vấn đề đặt ra trong quá trình thực thi thực hiện quyền bề mặt cũng cần phải thực hiện việc đăng ký. Việc đăng ký vừa đảm bảo việc ghi nhận quyền vừa đảm bảo việc đối kháng với bên thứ ba. Tuy nhiên, cơ chế đăng ký quyền này chưa được đưa ra. Pháp luật chưa xác định cụ thể cơ quan, tổ chức nào thực hiện việc quản lý nhà nước về thủ tục đăng ký quyền bề mặt. Quy trình đăng ký, giấy tờ, thủ tục đăng ký như thế nào còn chưa có quy định rõ ràng. Cơ chế công khai quyền này là như thế nào cũng chưa có văn bản hướng dẫn. Việc công khai rất quan trọng để đảm bảo quyền các bên, tránh các tranh chấp không đáng có.

Thứ năm, tại khoản 3, Điều 271 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp quyền bề mặt được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ thì chủ thể nhận chuyển giao được kế thừa quyền bề mặt theo điều kiện và trong phạm vi tương ứng với phần quyền bề mặt được chuyển giao”. Về chuyển giao quyền bề mặt thì cụm từ “chuyển giao” quy định ở đây có bao gồm việc chủ thể quyền bề mặt có quyền định đoạt, thế chấp quyền bề mặt để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ hay không cũng chưa có sự rõ ràng. Theo quan điểm của tác giả, chủ thể quyền bề mặt có mọi quyền năng giống như chủ sở hữu bao gồm cả quyền định đoạt, do đó sẽ có cả quyền thế chấp quyền bề mặt để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay khi mà quyền bề mặt chưa có cơ chế đăng ký công khai nên việc quy định chủ thể quyền bề mặt được quyền thế chấp cũng sẽ gặp một số khó khăn nhất định.

Thứ sáu, khó khăn trong việc bảo đảm quyền lợi cho người có quyền sử dụng đất. Theo pháp luật quy định, sau khi xác lập quyền bề mặt thì việc người có quyền sử dụng đất tác động đến việc sử dụng đất của người có quyền bề mặt là rất hạn chế, chỉ xảy ra trong một số trường hợp nhất định. Theo pháp luật một số nước, người có quyền sử dụng đất chỉ có thể lấy lại đất từ người có quyền bề mặt khi có căn cứ về việc người có quyền bề mặt không trả tiền cho họ trong thời gian sử dụng đất nhất định hoặc khi người có quyền bề mặt cố tình hủy hoại đất bất chấp những nỗ lực ngăn cản của chủ sở hữu. Tuy nhiên, trong BLDS 2015 không có quy định nào đảm bảo cho người có quyền sử dụng đất tác động đến người có quyền bề mặt nếu như người này không trả tiền cho họ trong thời gian nhất định hoặc người có quyền bề mặt cố hành vi hủy hoại đất.

3. Một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật về quyền bề mặt

Thứ nhất, cần có những quy định rõ ràng trong việc xác định trách nhiệm của những người được cấp quyền bề mặt đối với việc bảo vệ, quản lý tài sản chung hoặc

4. Quyền sử dụng đất có quyền bề mặt bị thu hồi theo quy định của Luật đất đai.

5. Theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của luật.

trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra đối với bề mặt đất hoặc bề mặt bất động sản. Cụ thể hơn là phải xem xét mối ràng buộc giữa chủ thể có quyền sử dụng phía trên bề mặt đất, chủ thể có quyền sử dụng bề mặt đất và chủ thể có quyền sử dụng trong lòng đất. Bổ sung các quy định pháp luật về việc ràng buộc trách nhiệm giữa những chủ thể khác nhau được cấp quyền bề mặt chồng lấn nhau; bổ sung quy định về ràng buộc trách nhiệm chung của các chủ sở hữu quyền bề mặt đối với việc làm ảnh hưởng đến diện tích đất hoặc bất động sản của chủ sở hữu cấp quyền.

Thứ hai, cần có quy định trong việc ràng buộc trách nhiệm của người được cấp quyền bề mặt đối với việc phục hồi hiện trạng ban đầu của bề mặt sau khi thời hạn cấp quyền bề mặt chấm dứt.

Thứ ba, tác giả kiến nghị Bộ luật dân sự 2015 và cụ thể là tại Điều 272 cần sửa đổi, bổ sung thêm quyền của người sử dụng đất về việc đơn phương chấm dứt quyền bề mặt dứt quyền bề mặt:

“Điều 272. Chấm dứt quyền bề mặt.

Quyền bề mặt chấm dứt trong trường hợp sau đây:

...

1. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 270 Bộ luật này”.

Thứ tư, pháp luật dân sự hiện hành chưa quy định về đăng ký quyền bề mặt. Việc đăng ký quyền bề mặt sẽ giúp chủ thể sở hữu quyền được bảo vệ và có hiệu lực đối kháng với bên thứ ba, hạn chế rủi ro tranh chấp quyền bề mặt. Vì vậy, cần ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về trình tự, thủ tục đăng ký quyền bề mặt, xác định cụ thể cơ quan quản lý Nhà nước về quyền bề mặt, áp dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình công khai việc đăng ký quyền bề mặt, tạo nguồn thông tin mở để mọi người có thể tra cứu chính xác, nhanh chóng và thuận tiện các thông tin pháp luật về quyền bề mặt.

Thứ năm,, khi quyền bề mặt còn thời hạn, chủ thể có toàn quyền sử dụng bề mặt để khai thác, xây dựng công trình, trồng cây, canh tác trên phạm vi bề mặt gồm: mặt đất, mặt nước, khoảng không gian trên mặt đất, mặt nước và chủ thể quyền bề mặt có quyền sở hữu đối với tài sản được tạo lập. Chủ thể của quyền bề mặt có quyền như một chủ sở hữu đối với bề mặt đó. Tuy nhiên, luật không quy định rõ chủ thể quyền bề mặt có quyền cầm cố, cho thuê... bề mặt hay không, hay các chủ thể quyền bề mặt có quyền mang quyền bề mặt đi thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ không? Về nguyên tắc, các chủ thể luật dân sự được thực hiện tất cả các hành vi mà pháp luật không cấm. Vì vậy, cần có quy định cụ thể hướng dẫn Bộ luật Dân sự năm 2015 về vấn đề này, nếu không sẽ có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến nhiều tranh chấp không đáng có.

Thứ sáu, cần bổ sung thêm những quyền và nghĩa vụ cơ bản của người có quyền sử dụng đất và quy định thêm các căn cứ làm chấm dứt quyền bề mặt của người có quyền sử dụng đất để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như đảm bảo được nguyên tắc của quyền bề mặt là một vật quyền mang tính chất tuyệt đối.

4. Kết luận

Như vậy, quyền bề mặt có thể hiểu một cách tổng quát là quyền của một chủ thể được sử dụng bề mặt (theo nghĩa rộng bao gồm mặt đất, mặt nước, không gian trên mặt đất mặt nước và cả lòng đất bên dưới mặt đất) thuộc quyền sử dụng đất của người khác để tạo lập và xác lập sở hữu đối với các tài sản gắn liền với đất. Ngày nay, quyền bề mặt đã cho phép mọi người đều khai thác, sử dụng đất “không gian phía trên bề mặt đất, mặt nước và cả không gian trong lòng đất” nhằm đảm bảo khai thác tốt các giá trị của bất động sản, nguyên nhân là do người có quyền bề mặt mở rộng mục đích của việc sử dụng đất, từ đó tạo điều kiện tốt cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc khai thác vật kiến trúc và các tài sản khác gắn liền với đất. Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã có những quy định về quyền bề mặt tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, các quy định này vẫn bộc lộ một số bất cập, vướng mắc đòi hỏi cần được tiếp tục nghiên cứu, thảo luận. Trước thực trạng như vậy, bài tiểu luận đã phân nào làm rõ được những nội dung cơ bản về quyền bề mặt, nêu lên được những vướng mắc, bất cập cũng như những kiến nghị nhằm thực thi có hiệu quả các quy định về quyền bề mặt trong Bộ luật Dân sự năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật dân sự 2015
2. PGS.TS. Trần Thị Huệ, “Những điểm mới nổi bật về quyền sở hữu và những quyền khác trong Bộ luật dân sự năm 2015”, trường Đại học Luật Hà Nội.
3. Nguyễn Xuân Hải “Một số vấn đề về quyền bề mặt trong pháp luật Dân sự Việt Nam”, Khóa Luận tốt nghiệp, Hà Nội, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, 2017, tr. 35.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), Giáo trình Luật La Mã, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, Tr. 61
5. Lê Đăng Khoa (2017), “Quyền bề mặt trong Bộ luật dân sự năm 2015”, Tạp chí Nghề luật, số 4, Tr. 23
6. Ngô Thị Mây (2019), Quyền bề mặt theo quy định của bộ luật dân sự năm 2015, Hà Nội.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH

Lê Đình Thanh; Võ Thị Thủy Tiên
Trịnh Thị Liên Tâm; Nguyễn Phạm Hoàng Anh*

Tóm tắt: Trong xu thế phát triển của thời đại mới, toàn cầu đang chuyển mình với cuộc cách mạng 4.0, hội nhập quốc tế trở thành một quá trình tất yếu. Tiến trình hội nhập diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến văn hoá - xã hội,.... Trong bối cảnh đó cũng có rất nhiều vấn đề pháp lý được đặt ra, nổi bật là các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền chuyển đổi giới tính. Trên thế giới, có rất nhiều quốc gia đã khá cởi mở trong việc ban hành các quy định mới, tiến bộ hơn điều chỉnh về vấn đề này. Tuy nhiên ở Việt Nam, hiện nay đây vẫn đang là vấn đề khá nhạy cảm, hành lang pháp lý còn khá lỏng lẻo và mơ hồ. Vì vậy, thông qua bài viết, nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật và thực tiễn về quyền chuyển đổi giới tính để từ đó đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến quyền chuyển đổi giới tính góp phần tạo ra hành lang pháp lý chặt chẽ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người chuyển giới.

Từ khóa: người chuyển giới, quyền chuyển đổi giới tính, phẫu thuật chuyển giới

1. Đặt vấn đề

Có những con người kém may mắn, ngay từ khi được sinh ra họ đã bị dị tật bẩm sinh về giới tính hoặc giới tính chưa được định hình chính xác mà phải cần đến sự can thiệp của y học. Bên cạnh đó, còn có những người thuộc đối tượng đồng tính, song tính và chuyển giới với mong muốn được sống là chính mình, sống đúng với giới tính, đặc biệt là sự công nhận từ xã hội và pháp luật. Tuy không có lỗi trước khuynh hướng giới tính của mình, nhưng họ lại luôn phải chịu sự kì thị, phân biệt đối xử, bị xem là mắc bệnh “tâm thần”, là những kẻ “bệnh hoạn”. Những rào cản pháp lý và những định kiến về mặt xã hội khiến người chuyển giới còn nhiều lo ngại, không dám công khai dẫn đến việc tiếp cận tới những người chuyển giới, thu thập số liệu cụ thể còn khá khó khăn. Theo khảo sát được công bố năm 2018 của Viện iSEE⁵³ trong số 408 người chuyển giới tham gia khảo sát thì có 35 người (chiếm 8.6%) đã từng trải qua ít nhất một lần phẫu thuật chuyển đổi giới tính. Trong số 35 người đó: 40% đã ra nước ngoài để thực hiện phẫu thuật, 37,1% thực hiện tại các cơ sở tư nhân trong nước; 69,4% được khám đánh giá một cách toàn diện trước khi phẫu thuật, 28,6% được khám đánh giá tuy nhiên chưa được làm đầy đủ, thoả đáng theo như họ mong muốn; 2% cho biết không được khám đánh giá trước phẫu thuật. Ngoài ra, 71,4% người chuyển giới tham gia khảo sát cho biết sau khi phẫu thuật, họ gặp rắc rối liên quan đến giấy tờ tùy thân, do ngoại hình thật không khớp với thông tin và

* Sinh viên lớp Luật Kinh tế - K44G, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, email: hoanganh933@gmail.com

⁵³ Viện Nghiên cứu xã hội, Kinh tế và Môi trường (2018), Báo cáo nghiên cứu "Hiện trạng trải nghiệm y tế và nhu cầu chuyển đổi giới tính của người chuyển giới ở Việt Nam", Hà nội, tr. 8-9.

hình ảnh trên giấy tờ. Số liệu đó cho thấy hiện nay người chuyển giới phải đối mặt với không ít khó khăn, có nhiều người chuyển giới tại Việt Nam phải sang nước ngoài để can thiệp y học để chuyển đổi giới tính; hay can thiệp y học tại các cơ sở khám chữa bệnh bất hợp pháp tại Việt Nam mà không được tư vấn, hỗ trợ. Thậm chí để được phẫu thuật “chui”, người chuyển giới không chỉ phải tiêu tốn rất nhiều chi phí mà còn phải kí vào cam kết không kiện tụng nếu phẫu thuật thất bại. Chi phí tiền hành phẫu thuật chuyển giới giao động từ vài chục triệu đến 1 tỷ đồng nhưng không phải người chuyển giới nào cũng có khả năng chi trả các chi phí phẫu thuật đắt đỏ như vậy. Vì thế nhiều người chuyển giới lựa chọn các biện pháp với chi phí rẻ nhưng cực kì nguy hiểm như: người chuyển giới từ nữ sang nam dùng thuốc...yếu sinh lý, từ nam sang nữ dùng thuốc...tránh thai hoặc tự tiêm hócmon tại nhà mà không có chỉ định hướng dẫn của bác sĩ. Đây là tình trạng đáng báo động và tiềm ẩn nguy cơ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người chuyển giới. Thực trạng đó đòi hỏi, pháp luật cần phải có biện pháp hữu hiệu, khung pháp lý phù hợp để bảo đảm sự công bằng về quyền con người, quyền và lợi ích khác của những người chuyển giới.

2. Khái quát chung về quyền chuyển đổi giới tính

Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, chất lượng cuộc sống của con người ngày càng được cải thiện và nâng cao, kéo theo đó là sự quan tâm sâu sắc của xã hội đối với quyền con người, đặc biệt là quyền liên quan đến giới tính. Dựa trên những định nghĩa đã được thống nhất sử dụng trong các hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Liên hợp quốc thì định nghĩa về giới tính được hiểu là các đặc tính sinh học và cơ thể (gen, nội tiết, giải phẫu) dùng để phân loại con người ta thành nhóm nam giới hay nữ giới.⁵⁴

Trên cơ sở khái niệm giới tính có thể hiểu "Người chuyển giới" là thuật ngữ dùng để chỉ những người có bản dạng giới khác với giới tính sinh học bẩm sinh ban đầu của họ. Về bản chất, chuyển đổi giới tính là một nhu cầu khách quan, là mong muốn bên trong của những người chuyển giới.

Chuyển đổi giới tính là quá trình can thiệp y học và phẫu thuật để thay đổi giới tính của con người, giúp cho cơ thể phù hợp với bản dạng giới của họ, là quá trình mà những người chuyển giới sẽ trải qua để được sống đúng với bản thân. Những người chuyển giới có quyền thực hiện chuyển đổi giới tính.

Quyền chuyển đổi giới tính là quyền được thay đổi từ giới tính sinh học ban đầu sang một giới tính khác theo quy định của pháp luật. Dù là quyền tự do của con người nhưng việc thực hiện quyền chuyển đổi giới tính phải nằm trong khuôn khổ, tuân theo các quy định của pháp luật, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện.

Bộ luật Dân sự 2015 đã ghi nhận quyền chuyển đổi giới tính với đầy đủ tính chất đặc điểm của một quyền nhân thân. Bên cạnh đó, quyền chuyển đổi giới tính còn mang những đặc điểm riêng biệt sau đây :

Thứ nhất, quyền chuyển đổi giới tính là nhân quyền bất khả xâm phạm của con người.

⁵⁴ Viện Nghiên cứu xã hội, Kinh tế và Môi trường (2018), Báo cáo nghiên cứu "Hiện trạng trải nghiệm y tế và nhu cầu chuyển đổi giới tính của người chuyển giới ở Việt Nam", Hà Nội, tr. 12.

Trong Tuyên ngôn độc lập ngày 02/09/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Đây là tuyên ngôn khái quát nhất về nhân quyền cơ bản của con người, nhưng chưa đầy đủ và quyền con người không chỉ giới hạn trong những nội dung trên. Trong số những nhu cầu cơ bản của con người, thì chuyển đổi giới tính cũng là một nhu cầu tất yếu. Đây là nhu cầu chính đáng của con người, là quyền tự nhiên, tất yếu của tạo hóa. Vì vậy, quyền chuyển đổi giới tính phải được xem là quyền chính đáng, bất khả xâm phạm của con người. Hiện nay nhiều quốc gia cũng đã thừa nhận điều đó, những hành vi phân biệt, kì thị giới tính, hành vi xâm phạm đến quyền chuyển đổi giới tính...cũng đều bị xem là xâm phạm đến quyền con người của người chuyển giới.

Thứ hai, quyền chuyển đổi giới tính là quyền nhân thân cơ bản của con người.

Ngay từ khi sinh ra con người đã có quyền được sống, có họ tên, quyền được khai sinh khai tử, quyền được bảo đảm về tính mạng, sức khỏe....Đó chính là quyền nhân thân cơ bản của con người mà không ai có quyền được xâm phạm hay tước đoạt. Với bản chất là quyền nhân thân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, quyền chuyển đổi giới tính phải luôn gắn liền với chủ thể và không thể chuyển giao cho chủ thể khác. Việc thực hiện quyền chuyển đổi giới tính phải được tiến hành trên nguyên tắc tự nguyện, trung thực, khách quan, khoa học, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sự ra đời của Bộ luật Dân sự 2015 đã lần đầu tiên ghi nhận về quyền chuyển đổi giới tính với đầy đủ đặc điểm của quyền nhân thân. Thậm chí, quy định này còn được ví như một cuộc cách mạng về quyền nhân thân trong lịch sử lập pháp nước ta.

Thứ ba, quyền chuyển đổi giới tính là quyền có điều kiện.

Cùng với sự ghi nhận về quyền chuyển đổi giới tính, pháp luật đồng thời cũng đưa ra các quy định, điều kiện chặt chẽ và chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện đó thì chủ thể mới có thể thực hiện quyền chuyển đổi giới tính. Điều này có nghĩa là trong thực tế không phải bất kì người nào cũng có quyền chuyển đổi giới tính mà đòi hỏi các chủ thể này phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật. Đó có thể là các điều kiện về tâm sinh lý, độ tuổi, điều kiện về thủ tục,...và các điều kiện khác tùy thuộc vào pháp luật của mỗi quốc gia và từng thời kì khác nhau. Quyền chuyển đổi giới tính là quyền đặc biệt, có tính chất phức tạp, không chỉ ảnh hưởng sâu sắc tới bản thân những người chuyển giới mà còn tác động mạnh mẽ tới nhiều mặt của đời sống xã hội. Vì vậy, việc chuyển đổi giới tính phải được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật với những điều kiện chặt chẽ. Các quy định cụ thể về điều kiện thực hiện quyền chuyển đổi giới tính vừa là cơ sở để chủ thể dựa trên các quy định pháp luật thực hiện quyền chuyển đổi giới tính, giải quyết nhu cầu bức thiết của chính họ. Đồng thời cũng là cơ sở để Nhà nước kiểm soát việc thực hiện quyền chuyển đổi giới tính của công dân, bảo đảm đúng với quy định của pháp luật. Ngược lại nếu thiếu các quy định về điều kiện thì sẽ tiềm ẩn nguy cơ nhiều cá nhân lợi dụng việc thực hiện quyền chuyển đổi giới tính để thực hiện các hành vi trái với định của

pháp luật, trái với đạo đức xã hội và kéo theo những hệ lụy tiêu cực khác trong xã hội. Chính vì vậy, việc thừa nhận quyền chuyển đổi giới tính dưới hình thức là quyền có điều kiện là điều thật sự cần thiết. Tóm lại, việc quy định về điều kiện thực hiện quyền chuyển đổi giới tính vừa bảo đảm quyền của người chuyển giới vừa nhằm quản lý, hạn chế việc lợi dụng pháp luật vào mục đích bất chính và là cơ sở để Nhà Nước quản lý và điều chỉnh xã hội.

3. Pháp luật về chuyển đổi giới tính của một số quốc gia trên thế giới

3.1. Pháp luật về chuyển đổi giới tính tại Thái Lan

Trước đây, những người chuyển đổi giới tính được xem là những kẻ lệch lạc tính dục, bệnh hoạn và họ phải chịu sự kì thị, phân biệt đối xử trong xã hội ở Thái Lan nói riêng và các nước trên thế giới nói chung. Thậm chí ngay cả Cơ quan sức khỏe tâm thần ở thời điểm đó cũng đưa ra kết luận rằng đây là chứng “rối loạn tâm thần” và không thể chữa trị. Tuy nhiên, ngày 29/01/2002, Cơ quan Sức khỏe Tâm thần, Bộ Y tế Công cộng Thái Lan đã ban hành văn bản xác nhận MOPH 0605/375 xác nhận rằng những người đồng tính luyến ái, chuyển đổi giới tính không bị coi là mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh tật dưới bất kỳ hình thức nào. Văn bản này có sự tham khảo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Bảng phân loại bệnh tật quốc tế ICD-10, Bảng phân loại bệnh tật Tổ chức Y tế Thế giới trong đó loại bỏ các đặc điểm của mối quan hệ đồng giới khỏi những người bị rối loạn tâm thần⁵⁵. Từ đó địa vị xã hội và quyền lợi pháp lý của họ mới chính thức được quan tâm, bảo vệ.

So với các quốc gia khác trên châu lục và khu vực Đông Nam Á thì xã hội Thái Lan đã có sự mở cõi mở hơn và chấp nhận những người chuyển giới. Ở Thái Lan, dường như người chuyển giới đã có thể hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng, cuộc sống xã hội và đất nước này còn được xem là thiên đường của cộng đồng LGBT. Chính vì vậy, pháp luật Thái Lan về chuyển đổi giới tính vẫn luôn là mối quan tâm lớn đối với nhiều nhà nghiên cứu khoa học. Song dù là quốc gia có số lượng người chuyển giới cao nhất thế giới, là điểm đến lý tưởng về các dịch vụ phẫu thuật, chăm sóc sức khỏe cho người chuyển giới nhưng pháp luật Thái Lan vẫn được nhận xét là “hệ thống pháp luật không dành cho người chuyển giới”. Đa phần các quy định của pháp luật Thái Lan cũng chỉ mới dừng lại ở mức bảo vệ quyền bình đẳng, ngăn chặn các hành vi phân biệt đối xử với người chuyển giới. Phải đến năm 2015, lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của Thái Lan, quyền lợi của người chuyển giới mới được thừa nhận trực tiếp dưới thuật ngữ pháp lý “người có ngoại hình khác với giới tính khi họ sinh ra” Cụ thể tại phần 3 Đạo Luật bình đẳng giới 2015 quy định: “Phân biệt đối xử không công bằng về giới” có nghĩa là bất kỳ hành động nào hoặc việc bỏ sót hành động nào gây ra sự chia rẽ, phân biệt đối xử hoặc hạn chế bất kỳ quyền và lợi ích nào trực tiếp hoặc gián tiếp mà không cần biện minh do người đó là nam hoặc nữ hoặc có ngoại hình khác với giới tính của họ khi sinh ra⁵⁶. Điểm mới, tiến bộ của đạo luật này là không chỉ giới hạn về việc bảo vệ và cấm mọi hành vi phân biệt đối xử đối với

⁵⁵ Sappan Group, Alternative media for LGBT, https://web.archive.org/translate.google/web/20160304235936/http://www.sapaan.org/article/39.html?_x_trtruy cập ngày 20/09/2022.

⁵⁶ Xem thêm: Thailand Gender Equality Act https://www.hrw.org.translate.google/news/2015/09/21/thailand-gender-equality-act?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=op,sc, truy cập ngày 30/5/2022

nam, nữ mà còn mở rộng phạm vi bảo vệ quyền lợi cho cả những người chuyển giới. Sự ra đời của Đạo luật này một bước tiến mới, là công cụ pháp lý hữu hiệu giúp ngăn chặn sự phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính, bao gồm cả những người đồng tính, song tính, chuyển giới. Mặc dù hiện nay tại Thái Lan vẫn chưa có quy định nào cho phép người chuyển giới được thực hiện thay đổi giới tính trên giấy tờ pháp lý, nhưng sự ra đời của Đạo luật này đã phần nào thể hiện sự thừa nhận và quan tâm của Nhà nước đối với những người chuyển giới

3.2. Pháp luật về chuyển đổi giới tính tại Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là một nước cộng hòa liên bang gồm 50 tiểu bang và 1 đặc khu liên bang nên hệ thống pháp luật khá phức tạp, được chia thành nhiều cấp khác nhau và có sự phân biệt giữa luật liên bang và luật tại các bang. Vì vậy, pháp luật về chuyển đổi giới tính ở Hoa Kỳ sẽ có sự khác nhau giữa các bang. Chủ thể chuyển đổi giới tính muốn thay đổi giới tính trên các loại giấy tờ cá nhân như hộ chiếu, giấy khai sinh, thẻ căn cước,... thường gặp những thách thức pháp lý không hề nhỏ bởi hậu quả của sự đa dạng về quy định giữa các bang.

Đối với việc thay đổi giới tính trên hộ chiếu, trước đây Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đưa ra chính sách yêu cầu bác sĩ phẫu thuật tuyên bố rằng phẫu thuật xác định lại giới tính đã hoàn tất thì mới đủ điều kiện thay đổi giới tính trên hộ chiếu. Vào năm 2010, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ sửa đổi chính sách và cho phép người chuyển giới thay đổi dấu hiệu giới tính trên hộ chiếu của mình với điều kiện phải có giấy chứng nhận y tế chứng minh người nộp đơn đã được điều trị lâm sàng để chuyển đổi giới tính. Đến năm 2021 Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thông báo cơ quan này sẽ không còn yêu cầu người nộp đơn xin cấp hộ chiếu phải nộp giấy chứng nhận y tế để thay đổi dấu hiệu giới tính trên hộ chiếu của mình: “Người nộp đơn có thể tự xác nhận giới tính của mình là nam “M” hoặc nữ “F” trên hộ chiếu Hoa Kỳ và Đơn Báo cáo Lãnh sự về việc sinh của Công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài (CRBA) bất kể dấu hiệu giới tính được liệt kê trên bằng chứng nhận dạng hoặc quốc tịch của họ”. Đồng thời quy định: “Người nộp đơn không cần có tài liệu nào để yêu cầu thay đổi dấu hiệu giới tính. Chứng nhận y tế là không cần thiết. Cha mẹ của những người đăng ký là trẻ vị thành niên có thể thay mặt trẻ chọn điểm đánh dấu giới tính được yêu cầu.”⁵⁷

Về thay đổi giới tính trên giấy khai sinh. Theo thống kê của MAP⁵⁸, tính đến ngày 24/06/2022 có 16 tiểu bang và D.C cho phép người dân đánh dấu “M” (nam), “F” (nữ) hoặc “X” trên giấy khai sinh của họ; có 26 tiểu bang, 1 lãnh thổ và D.C cấp giấy khai sinh mới mà không yêu cầu phẫu thuật xác định lại giới tính cũng như lệnh của tòa án để thay đổi giới tính. Nhưng bên cạnh đó cũng có đến 12 tiểu bang và 1 lãnh thổ ở Mỹ yêu cầu phải có bằng chứng về việc phẫu thuật chuyển đổi giới tính để thay đổi giới tính và 4 tiểu bang không cho phép thay đổi giới tính trên giấy khai sinh. Năm 2021 được xem là một năm đầy biến động đối với pháp luật Hoa Kỳ nói chung và quyền chuyển đổi giới tính nói riêng. Ba mươi ba bang ở Hoa Kỳ đã đưa ra hơn

⁵⁷ Gender designation (2021), https://fam-state.gov.translate.googleusercontent.com/translate/fam/08fam/08fam040303.html?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_pt=tcv&_x_tr_h=100&_x_tr_w=100 truy cập ngày 20/09/2022

⁵⁸ MAP, https://www-lgbtmap-org.translate.googleusercontent.com/translate/equality-maps/identity_document_laws?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_pt=tcv&_x_tr_h=100&_x_tr_w=100, truy cập ngày 24/06/2022

100 dự luật nhằm hạn chế quyền của người chuyển giới trên khắp đất nước và nhiều dự luật trong số này đang nhanh chóng được thông qua các cơ quan lập pháp tiểu bang. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số bang khác đã ban hành các quy định bảo vệ quyền chuyển đổi giới tính điển hình như các bang: bang Georgia, bang Kentucky, bang Indiana,...

4. Pháp luật Việt Nam về quyền chuyển đổi giới tính

4.1. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền chuyển đổi giới tính

Tại Điều 14 và Điều 16 Hiến pháp 2013 quy định “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”; “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.” Trên cơ sở Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam người chuyển giới cũng có quyền bình đẳng như những người khác, có quyền được tôn trọng, được pháp luật bảo vệ mà không bị phân biệt đối xử bởi xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ.

Tuy nhiên trước khi Bộ luật Dân sự 2015 ra đời thì ở Việt Nam chưa có văn bản pháp lý nào cho phép và thừa nhận về việc chuyển đổi giới tính. Tại Điều 36 Bộ luật Dân sự 2005 chỉ quy định “Cá nhân có quyền được xác định lại giới tính. Việc xác định lại giới tính của một người được thực hiện trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính.” Đồng thời, tại Điều 4 Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định lại giới tính nghiêm cấm hành vi “thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính”.

Trong quá trình xây dựng Bộ luật Dân sự 2005 đã có một số quan điểm, đề xuất về việc thừa nhận quyền chuyển đổi giới tính nhưng vào thời điểm đó các quan niệm truyền thống, văn hóa và các định kiến xã hội đối với người chuyển giới vẫn còn rất lớn đồng thời các nhà lập pháp vẫn còn lo ngại về những hệ lụy tiêu cực trong xã hội do tình trạng chuyển giới ồ ạt gây ra. Vì vậy, Bộ luật Dân sự 2005 chỉ cho phép tiến hành xác định lại giới tính và phẫu thuật xác định lại giới tính đối với người có đáp ứng các điều kiện: i) khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác về giới tính; ii) cần có sự can thiệp của y học để xác định rõ giới tính.

Đến năm 2015 với sự ra đời của Bộ luật Dân sự 2015, Việt Nam trở thành quốc gia thứ 62 trên thế giới và thứ 11 ở Châu Á hợp pháp hóa việc chuyển đổi giới tính. Cụ thể, tại Điều 37 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính, có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của bộ luật này và pháp luật khác có liên quan”. Theo quy định của này, người chuyển giới sẽ có quyền được thay đổi hộ tịch cho phù hợp với giới tính mới và được hưởng quyền nhân thân tương ứng. Đây là bước tiến bộ mới trong lịch sử lập pháp nước ta đặc biệt là trong

vấn đề quyền con người, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và các tiêu chuẩn quốc tế, giải quyết các nhu cầu bức thiết của người chuyển giới. Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 18 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 có quy định “người đồng tính, người chuyển giới” có thể được bố trí giam giữ ở buồng riêng nhằm hạn chế tình trạng họ bị kì thị, lạm dụng tình dục, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đồng tính, chuyển giới. Có thể thấy, pháp luật Việt Nam vẫn còn thiếu vắng rất nhiều quy phạm pháp luật cần thiết điều chỉnh về việc chuyển đổi giới tính và quyền của người chuyển giới, ngoài các quy định nêu trên hiện nay không có bất kì văn bản nào quy định về vấn đề này.

4.2. Những hạn chế trong quy định của pháp luật về quyền chuyển đổi giới tính

Thứ nhất, Điều 37 Bộ luật Dân sự 2015 sử dụng tên điều luật là “chuyển đổi giới tính” là chưa phù hợp.

Bộ luật Dân sự 2015 đã ghi nhận quy định về chuyển đổi giới tính tại Điều 37 thuộc Mục 2, Chương III, Phần thứ nhất. Trước hết khi xem xét tiêu đề của Mục 2 có thể thấy, Bộ luật Dân sự 2015 đã ghi nhận tên mục là Quyền nhân thân, Nhưng tại Điều 37 lại không được các nhà làm luật sử dụng thuật ngữ “quyền” mà chỉ được quy định là “chuyển đổi giới tính”. Từ đó, sẽ có nhiều câu hỏi pháp lý đặt ra như liệu ở Việt Nam việc chuyển đổi giới tính có được xem là quyền của con người chưa? Liệu quy định này có phù hợp hay với tiêu đề Mục 2 không? Theo quan điểm của tác giả thì pháp luật Việt Nam đã ghi nhận về quyền chuyển đổi giới tính dưới hình thức là quyền nhân thân. Bởi tiêu đề của Mục 2 là quyền nhân thân, như vậy có thể hiểu các nội dung được quy định trong Mục 2 đều được ghi nhận là quyền nhân thân của con người bao gồm cả quyền chuyển đổi giới tính tại Điều 37. Nhưng việc đặt tên điều như vậy là chưa phù hợp tinh thần và nội dung của Mục 2 vô tình chung sẽ gây nhầm lẫn và nhiều cách hiểu khác nhau. Ngoài ra, các quy định từ Điều 25 đến Điều 39 thuộc Mục 2 Bộ luật Dân sự 2015 đều sử dụng thuật ngữ “quyền” ngay trong tên điều luật như: quyền có họ, tên; quyền được khai sinh, khai tử; quyền xác định lại giới tính,... nhưng chỉ duy nhất Điều 37 lại không được sử dụng thuật ngữ “quyền”. Cách sử dụng như trên sẽ dẫn đến không thống nhất về thuật ngữ pháp lý, không thống nhất về tên Điều luật của Điều 37 với các Điều còn lại trong Mục 2.

Thứ hai, tại Điều 37 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “người đã chuyển đổi giới tính có quyền và nghĩa vụ”. Thuật ngữ “người đã chuyển đổi giới tính” vẫn còn mang tính chất chung chung, chưa cụ thể dẫn đến trong thực tế rất khó để xác định được như thế nào được xem là người đã chuyển đổi giới tính.

Quá trình phẫu thuật chuyển đổi giới tính là một quá trình rất phức tạp và phải trải qua nhiều giai đoạn. Theo GS.TS Trần Thiết Sơn, Trưởng khoa Phẫu thuật tạo hình (Bệnh viện Xanh Pôn, Hà Nội)⁵⁹: “Muốn chuyển một người nam sang nữ phải phẫu thuật ít nhất 30 lần, từ nữ sang nam 20 – 25 lần. Người chuyển giới phải phẫu thuật từ mắt, mũi, miệng, mặt đến chân tay... chứ không riêng chỉ bộ phận sinh dục. Phẫu thuật chuyển giới có hai phần: Hình thể và chức năng.”

⁵⁹ L.Hà (2018), Quy trình phẫu thuật chuyển giới như thế nào?, <https://dantri.com.vn/suc-khoe/quy-trinh-phau-thuat-chuyen-gioi-nhu-the-nao-20180314061233643.htm> , truy cập ngày 17/09/2022

Do đó, thực tế sẽ phát sinh nhiều trường hợp người chuyển giới đã tiến hành phẫu thuật chuyển giới ở một số bộ phận trên cơ thể nhưng chưa phải toàn bộ. Ví dụ đã tiến hành phẫu thuật ngực chưa phẫu thuật cơ quan sinh dục. Vậy trong trường hợp này họ có được xác định là “người đã chuyển đổi giới tính” không? Và họ có quyền đăng kí thay đổi hộ tịch hay không? Đây vẫn đang là những vấn đề bị bỏ ngỏ mà Bộ luật Dân sự 2015 chưa thể giải quyết.

Thứ ba, vẫn chưa có văn bản luật chuyên ngành quy định chi tiết về việc chuyển đổi giới tính.

Mặc dù, đã ghi nhận về quyền chuyển đổi giới tính nhưng tại Điều 37 của Bộ luật Dân sự 2015 có quy định “việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật” người chuyển đổi giới tính có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi “theo quy định của bộ luật này và luật khác có liên quan”.

Như vậy, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 thì việc chuyển đổi giới tính sẽ được tiến hành dựa trên cơ sở những quy định cần phải có các quy định cụ thể của luật chuyên ngành để quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể về việc chuyển đổi giới tính. Thế nhưng đã hơn 7 năm kể từ khi Bộ luật Dân sự 2015 được ban hành, Việt Nam vẫn chưa có văn bản luật chuyên ngành nào ra đời điều chỉnh về vấn đề này mà mới chỉ dừng lại ở Dự thảo luật chuyển đổi tính. Điều đó vô tình khiến cho quy định của Điều 37 Bộ luật Dân sự 2015 bị “treo”, “đóng băng” - khi pháp luật đã có thừa nhận nhưng chưa thể áp dụng vào thực tiễn vì chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Cũng chính vì chưa có văn bản luật chuyên ngành điều chỉnh nên thực tế đặt ra nhiều vấn đề và bàn cãi liên quan đến việc chuyển đổi tính, đặc biệt là trong giới chuyên môn. Hiện nay, vẫn chưa có quy định nào xác định những cơ sở y tế nào được thực hiện chuyển đổi giới tính và điều trị hooc-mon, yêu cầu về chứng chỉ như thế nào, quy trình thay đổi hộ tịch sau khi chuyển giới là gì,... Đặc biệt hiện nay phẫu thuật chuyển giới vẫn chưa được phép thực hiện ở Việt Nam dẫn đến những người chuyển giới sẽ phải chịu chi phí rất lớn để ra nước ngoài phẫu thuật chuyển giới như Thái Lan, Ấn Độ, Mỹ.... Nhưng không phải người chuyển giới nào cũng đủ điều kiện về kinh tế và kinh phí để chi trả cho các dịch vụ phẫu thuật chuyển giới đắt đỏ. Vì vậy để thỏa mãn cho niềm khao khát được sống thật với chính mình họ buộc phải lựa chọn... làm liều, phẫu thuật chui. Điều đó tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe của người chuyển giới. Đã đến lúc cần thiết cho sự ra đời của các văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh cụ thể về những vấn đề này.

Thứ tư, chưa có sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan điều chỉnh về việc chuyển đổi giới tính.

Tại Điều 37 Bộ luật Dân sự 2015 đã cho phép “Cá nhân đã chuyển đổi giới tính, có quyền, nghĩa vụ đăng kí thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch.” Thế nhưng tại Điều 3 Luật hộ tịch 2014 về nội dung đăng kí hộ tịch lại chỉ mới quy định trường hợp xác định lại giới tính phải ghi vào sổ hộ tịch mà chưa đề cập đến trường hợp chuyển đổi giới tính. Điều này là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 dẫn đến thiếu thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

5. Giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi giới tính ở Việt Nam

Thứ nhất, cần sớm hoàn thiện và ban hành dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính, cụ thể hóa quy định pháp luật về quyền chuyển đổi giới tính và quyền của người chuyển giới.

Thực tiễn đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền cần phải tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng luật chuyển đổi giới tính. Đặc biệt trong đó, cần phải tập trung chú trọng vào những quy định về quyền chuyển đổi giới tính và quyền con người như: quyền được thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính; điều kiện, thủ tục thực hiện chuyển đổi giới tính, quyền bình đẳng trong học tập, lao động,... Từ đó tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc trong công tác bảo vệ quyền chuyển đổi giới tính và quyền của người chuyển giới.

Thứ hai, cần sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất với nhau.

Các quyền như quyền được xác định giới tính; quyền được thực hiện phẫu thuật chuyển giới đối với những người có nhu cầu chuyển giới; quyền bình đẳng trong học tập, lao động; quyền được chuyển đổi các loại giấy tờ tùy thân sau khi thực hiện sự can thiệp của y tế hoặc khi không thực hiện; quyền trong hôn nhân và các quyền dân sự có liên quan khác. Để hoàn thiện được các vấn đề trên, cần sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đã ban hành như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hộ tịch, Luật Lao động,... song cần rà soát những văn bản, quy định cũ đã không còn phù hợp để sửa đổi, ban hành những văn bản mới phù hợp hơn.

Thứ ba, cần đưa ra quy định giải thích cụ thể thế nào là “người đã chuyển đổi giới tính”.

Giải pháp này sẽ giúp cho cơ quan có thẩm quyền có cơ sở để áp dụng pháp luật một cách thống nhất và chính xác, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tránh nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ tư, cần tách biệt hai quy trình liên quan đến người chuyển giới là quy trình về sự can thiệp của y tế và quy trình về các giấy tờ, thủ tục chuyển giới.

Tại Việt Nam các văn bản pháp lý quy định về hai quy trình này còn khá hạn hẹp để có thể đảm bảo phục vụ tốt về các quyền lợi dành cho người chuyển giới. Việc thực hiện các quy trình phẫu thuật chuyển đổi giới tính thường sẽ do lĩnh vực y tế điều chỉnh, bởi đây là lĩnh vực chuyên môn của y học trong việc can thiệp đến tính mạng, sức khỏe của con người và cũng là cơ sở cho sự thành công của cuộc phẫu thuật chuyển giới. Còn về quy trình các giấy tờ, thủ tục thực hiện việc chuyển đổi giới tính lại thuộc về lĩnh vực pháp lý nên cần được pháp luật quy định đầy đủ thành một quy trình riêng biệt và hợp lý.

Thứ năm, cần có những quy định về mức phạt đối với những người có hành vi xâm phạm đến quyền của người chuyển giới.

Trên cơ sở quy định về mức phạt đối với hành vi vi phạm quy định về xác định lại giới tính nhóm tác giả đề xuất: cần sớm đưa ra quy định cấm phân biệt đối xử đối với người chuyển giới và mức phạt đối với hành vi này là từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và buộc xin lỗi công khai nhằm mục đích răn đe, bảo vệ quyền của người chuyển giới.

6. Kết luận

Nhận thấy rằng nền pháp luật Việt Nam không ngừng được sửa đổi để hoàn thiện, phù hợp hơn với xu thế phát triển của thời đại ngày nay. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế đã tồn không ít giấy mực của báo chí trong những năm vừa qua về việc các quyền cơ bản của người chuyển đổi giới tính hiện đang có nhiều lỗ hổng khá nghiêm trọng, ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống xã hội của họ. Có thể nói, quyền nhân thân là một trong những quyền cơ bản bất khả xâm phạm, để có thể bảo vệ được điều đó các nhà làm luật đã không ngừng có những chính sách quy định chi tiết về vấn đề đó nhưng chính họ đã quên đi một điều rằng quyền chuyển đổi giới tính cũng chính là một trong những quyền nhân thân của cá nhân. Và cho đến nay vẫn chưa có một văn bản nào hướng dẫn, quy định chi tiết về vấn đề này, song đây là cơ sở để dẫn đến việc có nhiều bất cập được hình thành nên. Do đó, qua quá trình nghiên cứu đề tài “hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền chuyển đổi giới tính” nhóm tác giả đã chỉ ra được những bất cập còn hạn chế cũng như đề xuất một số giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền chuyển đổi giới tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2005
2. Bộ luật Dân sự năm 2015
3. Hiến pháp năm 2013
4. Luật hộ tịch năm 2014
5. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015
6. Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ về xác định lại giới tính
7. Sappan Group, Alternative media for LGBT, [https://web-archive-org.translate.goog/web/20160304235936/http://www.sapaan.org/article/39.html?_x_tr_sl=th&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc](https://web.archive-org.translate.goog/web/20160304235936/http://www.sapaan.org/article/39.html?_x_tr_sl=th&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc), truy cập ngày 20/09/2022.
8. Thailand Gender Equality Act https://www-hrw-org.translate.goog/news/2015/09/21/thailand-gender-equality-act?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=op,sc, truy cập ngày 30/5/2022.
9. Gender designation (2021), https://fam-state-gov.translate.goog/fam/08fam/08fam040303.html?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=op,sc, truy cập ngày 20/09/2022.
10. MAP, https://wwwlgbtmaporg.translate.goog/equalitymaps/identity_documents_laws?_x_tr_sl=en&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=op,sc, truy cập ngày 24/06/2022.
11. Viện Nghiên cứu xã hội, Kinh tế và Môi trường (2018), Báo cáo nghiên cứu "Hiện trạng trải nghiệm y tế và nhu cầu chuyên đôi giới tính của người chuyển giới ở Việt Nam", Hà Nội.
12. L.Hà (2018), Quy trình phẫu thuật chuyển giới như thế nào?, <https://dantri.com.vn/suc-khoe/quy-trinh-phau-thuat-chuyen-gioi-nhu-the-nao-20180314061233643.htm>, truy cập ngày 17/09/2022.

NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG ANH PHÁP LÝ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA VÀ NHU CẦU NHÀ TUYỂN DỤNG

Nguyễn Thị Thanh Trà; Nguyễn Thị Thùy Thương;
Hà Thúy Lương* ; Nguyễn Hoài Linh**

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các vấn đề về kinh tế, chính trị, ngoại giao được đặt ra yêu cầu các quốc gia cần có câu nối pháp luật với nhau để giữ vững mối quan hệ hợp tác giữa các nước. Để đáp ứng thực hiện công cuộc đó một cách sâu rộng và toàn diện, công cụ cần thiết chính là ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý. Vì vậy, các trường Đại học, cơ sở đào tạo chuyên môn Luật cần phát huy vai trò đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cho đất nước không chỉ về kỹ năng chuyên môn Luật mà còn về giảng dạy tiếng Anh pháp lý đáp ứng chuẩn đầu ra và nhà tuyển dụng. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu tình hình nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý cho sinh viên tại trường Đại học Luật, Đại học Huế thông qua phương pháp điều tra xã hội và phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp văn bản pháp luật. Những kết quả nghiên cứu thu được sẽ tạo cơ sở cho việc xem xét đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực tiếng Anh chuyên ngành Luật của sinh viên trường, ứng dụng tham khảo cho mục đích nghiên cứu khác để từ đó phù hợp đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Từ khóa: Tiếng Anh pháp lý; Chuẩn đầu ra; Trường Đại học Luật - Đại học Huế, Nhu cầu của nhà tuyển dụng

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trong thời kì hội nhập, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, kéo theo đó, nhu cầu học tập và nghiên cứu hệ thống Pháp luật trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang ngày được quan tâm. Từ đó, Tiếng Anh chuyên ngành Luật càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết đối với người học Luật và các chuyên gia trong lĩnh vực pháp lý, nó là một trong những bằng chứng để chứng minh hầu hết các công ước Quốc tế (International Convention), Luật pháp quốc tế (International Law) hay các quy định pháp luật lớn đều được phát hành bằng Tiếng Anh. Theo thống kê số liệu của EF English Proficiency Index 2021 cho thấy, Việt Nam chỉ đứng hạng 13/24 tại Châu Á và 66/100 quốc gia trong khu vực thế giới. Khảo sát đối với lao động mới ra trường, chỉ có 5% tự tin về khả năng tiếng Anh nhưng lại có 27% thừa nhận kém toàn diện về ngoại ngữ. Thực tế cho thấy sinh viên sau khi ra trường đa phần khả năng về tiếng Anh đều chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng và xảy ra tình trạng các nhà tuyển dụng đang loay hoay vì thiếu nhân sự còn sinh viên ra trường khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm tốt. Nhận thấy được điều đó, trường Đại học Luật, Đại học Huế đã đề xuất những phương án về chương trình dạy và học

* Sinh viên lớp K44E, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

** Sinh viên lớp K45G, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

để sinh viên tiếp cận đến tiếng Anh pháp lý sớm nhất có thể. Trong đó, mặc dù nhà trường chưa đưa vào giảng dạy môn tiếng Anh chung và cơ bản làm nền tảng cho tiếng Anh chuyên ngành, nhưng trước tình hình sức hút của nó rất lớn, đóng vai trò rất quan trọng, bản thân mỗi sinh viên các ngành Luật học, Luật Kinh tế và người học Luật cũng cần có nhu cầu tiếp cận và tham gia các lớp tiếng Anh pháp lý. Làm thế nào để nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý của sinh viên được cải thiện và nâng cao trong môi trường Đại học đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu nhà tuyển dụng hiện nay đang là vấn đề nan giải chưa có lời giải đáp bởi sự mới mẻ với sự đặc trưng về mặt thuật ngữ, ngữ pháp của môn học này. Dưới góc độ nghiên cứu tại trường Đại học Luật đã có đề tài nghiên cứu cấp trường của TS.GVC Lê Thị Nga về vấn đề này, nhưng nhóm tác giả đã một lần nữa, tiếp tục tiến hành nghiên cứu dưới góc độ của người học qua việc điều tra, khảo sát và phân tích để đưa ra những mục tiêu làm rõ hơn năng lực của sinh viên trong những năm gần đây để kịp thời loại bỏ cũng như triển khai những phương pháp mới cho sinh viên khi tiếp cận.

Phải nhận định rằng, không chỉ riêng ngành Luật tại trường, khi tìm kiếm việc làm cần có tiếng Anh chuyên ngành để thực hiện những công việc mình muốn được dễ dàng. Hơn thế nữa, bản thân mỗi người có thể tiếp cận đến nhưng công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao góp phần thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác song phương, đa phương, ký kết các công ước, hiệp ước quốc tế, khu vực đưa đất nước đi lên. Nghiên cứu của nhóm tác giả đặt giả thiết về năng lực tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Luật còn thấp và còn xa lạ với môn học tiếng Anh pháp lý nhưng đa phần nhu cầu của sinh viên đối với môn học này lại khá cao. Từ đó cần thiết phải có giải pháp để nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc trang bị tiếng Anh pháp lý trên giảng đường Đại học Luật, cũng như giải pháp của Nhà trường để đáp ứng nhu cầu của người học đối với môn học này, góp phần chuẩn bị cho các sinh viên sau khi ra trường có một hành trang kiến thức về tiếng Anh pháp lý vững chắc đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng, nhu cầu của xã hội, đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu về đề tài nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát điều tra. Nhóm đã tiến hành xây dựng bảng hỏi liên quan đến thông tin cần thiết, thái độ tiếp cận của môn học Tiếng Anh pháp lý của sinh viên trường Đại học Luật để từ những khảo sát thu được chúng tôi sẽ phân tích giải thích nguyên nhân của thực trạng, từ đó đề xuất giải pháp hữu ích nhất để giải quyết vấn đề. Không những như thế, chúng tôi còn sử dụng phương pháp hỗ trợ tiến hành phỏng vấn (phỏng vấn bán cấu trúc semi structured interview) dựa trên bảng mẫu hỏi để khai thác được các thông tin trực tiếp qua lớp học tiếng Anh pháp lý tại trường. Cụ thể vào ngày 04/09/2022 thì chúng tôi có gửi bảng hỏi này về cho các lớp từ năm 1 đến năm 3 của trường, câu hỏi mà chúng tôi biên soạn dựa trên 2 ngành chính của Trường Đại học Luật là ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Số lượng lấy phiếu mỗi lớp 35 phiếu dựa trên số lượt tham gia trả lời phiếu số câu trả lời nhóm tác giả thu được là 131 câu trả lời. Sau khi thu thập 131 phiếu khảo sát thì nhóm sử dụng phương pháp miêu tả để

miêu tả quá trình khảo sát và giải thích kết quả khảo sát, số liệu thống kê mô tả về nhu cầu, tần suất và tỉ lệ phần trăm. Các bảng và số liệu được sử dụng để tóm tắt định lượng được lấy từ bảng câu hỏi của 131 sinh viên. Về tình hình thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý của sinh viên trường Đại học Luật, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn. Nhóm đã thực hiện gọi điện và gặp mặt để phỏng vấn xin ý kiến một số Giảng viên phòng chức năng và giảng viên tham gia dạy môn học tiếng Anh pháp lý để tham khảo về chương trình dạy học, chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng giảng dạy cũng như số lượng giảng viên tham gia giảng dạy môn học này.

Đối với đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và văn bản của Trường Đại học Luật về nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp tra cứu trên công cụ google và trang web của Đại học Huế, của Trường Đại học Luật với các từ khóa có liên quan.

3. Chủ trương chính sách về nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý đối với sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Huế

3.1. Chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý đối với sinh viên

Giáo dục luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm, những chính sách chủ trương của Đảng luôn đề cao về vấn đề phát triển giáo dục một cách hoàn thiện nhất. Trong tình hình đất nước phát triển hội nhập như hiện nay, vấn đề giáo dục lại đóng vai trò vô cùng quan trọng đặc biệt là khả năng về ngoại ngữ. Đã có rất nhiều những chính sách về nâng cao năng lực ngoại ngữ trong môi trường dạy học nhất là đối với môn học tiếng Anh như khuyến khích các tổ chức giáo dục mở các cuộc thi các hoạt động về tiếng Anh để thu hút sự tham gia của học sinh sinh viên, chính sách hỗ trợ cho các học sinh, sinh viên, người học gặp khó khăn,... Bởi nhu cầu về tiếng Anh trong xã hội ngày càng phổ biến cũng chính vì vậy mà Đảng và Nhà nước rất quan tâm về vấn đề phát triển năng lực tiếng Anh.

Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra rất nhiều văn kiện liên quan đến vấn đề giáo dục nâng cao chất lượng của người học. Một trong số đó là “Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giáo dục và đào tạo” Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đề cập rất nhiều nội dung quan trọng trong đó có nội dung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo. Mục V Báo cáo chính trị của Đại hội đã khẳng định “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người” Đây cũng chính là những động lực to lớn thúc đẩy việc phát triển chất lượng đào tạo. Trên cơ sở chủ trương đường lối của Đảng, Hiến pháp và Luật Giáo dục đại học thể hiện chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục Đại học đều hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển con người để phục vụ cho nhu cầu của xã hội trong thời đại đổi mới phát triển. Liên quan đến chính sách của Nhà nước về tăng cường dạy và học ngoại ngữ nâng cao tại các trường Đại học, có thể kể đến các văn bản hướng dẫn thi hành như :

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho

Việt Nam. Theo Thông tư này, các chương trình đào tạo ngoại ngữ, các cơ sở đào tạo ngoại ngữ và người học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân sẽ áp dụng Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam từ ngày 16/03/2014. Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam.

- Quyết định 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 Về việc phê duyệt đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục Quốc dân giai đoạn 2008 – 2020". Theo quyết định này sẽ tiến hành đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học, tự tin trong giao tiếp, học tập, làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hóa; biến ngoại ngữ trở thành thế mạnh của người dân Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Công văn số 5957/ BGDĐT-GDDH ngày 20 tháng 10 năm 2014 “hướng dẫn dạy và học ngoại ngữ tăng cường trong các trường đại học, cao đẳng” Đề án quy định sinh viên tốt nghiệp (đầu ra) đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 đối với cao đẳng, đại học không chuyên ngữ, bậc 4 đối với cao đẳng chuyên ngữ và bậc 5 đối với đại học chuyên ngữ theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.2. Chủ trương chính sách của Đại học Huế và Trường Đại học Luật, Đại học Huế về nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý đối với sinh viên

Để thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục Đại học đều hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển con người để phục vụ cho nhu cầu của xã hội trong thời đại đổi mới, trong đó phát triển dạy và học ngoại ngữ cho người học tại các cơ sở đào tạo Đại học, Đại học Huế đã ban hành Quyết định số 755/QĐ-ĐHH số 01/06/2020 về việc Quyết định ban hành Quy định Tổ chức và quản lý chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Đại học Huế. Để tạo khung khổ pháp lý cho các Trường Đại học thành viên thực hiện đào tạo bằng tiếng Anh, Đại học Huế đã ban hành Quyết định số 1068/QĐ-ĐHH ngày 21/07/2022, Quyết định phê duyệt Đề án chương trình đào tạo bằng tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế ; Quyết định số 753/ĐHH – ĐTCTSV ngày 30/05/2022, theo quyết định này Đại học Huế đồng ý về chủ trương cho phép Trường Đại học Nông Lâm phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chăn nuôi bằng tiếng Anh với Trường Đại học Savannakhet, Lào. Đại học Huế đề nghị Trường Đại học Nông Lâm tìm kiếm thêm nguồn hỗ trợ kinh phí từ Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v cho phép Trường Đại học Nông Lâm đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chăn nuôi bằng tiếng Anh tại Lào. Đại học Huế ban hành “Quyết định số 85 QĐ – ĐHL ngày 10/02/2022 về việc Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ hỗ trợ các chứng chỉ đáp ứng chuẩn đầu ra cho người học và hỗ trợ người học nước ngoài tại Trường Đại học Luật – Đại học Huế”, với mục tiêu hỗ trợ ngoại ngữ đầu vào cho thí sinh đăng ký xét tuyển sau đại học, hỗ trợ ngoại ngữ cho các hệ

đào tạo trong trường đáp ứng CDR, đề xuất phương án hỗ trợ tiếng Anh cho giảng viên qua các khóa học.

Là một trường Đại học thành viên của Đại học Huế, Trường Đại học Luật đã và đang triển khai rất nhiều những kế hoạch phương pháp nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên. Đây là vấn đề ngày càng được trường quan tâm phát triển với mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng đầu ra cho sinh viên, nâng cao khả năng giao tiếp cũng như làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên với tiếng Anh chuyên ngành. Từ năm 2018 đến nay, Trường Đại học Luật đã ban hành các văn bản thông báo tuyển sinh viên Khóa 43 hệ chính quy vào học Lớp đào tạo tiếng Anh chuyên ngành Luật và Luật Kinh tế nâng cao⁶⁰.

Nhà trường định kỳ rà soát điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo Ngành Luật và Luật Kinh tế đáp ứng các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của người học và nhà tuyển dụng. Gần đây nhất, Trường Đại học Luật rà soát điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo Ngành Luật và Luật Kinh tế năm 2021, trong đó có xây dựng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. Với mục tiêu chuẩn đầu ra sinh viên phải có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ giao tiếp và chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ chuẩn đầu ra theo danh mục được phê duyệt, có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam⁶¹.

Gần đây nhất, “ngày 07/9/2022, Trường Đại học Luật phối hợp với Tổ chức giáo dục IIG, tổ chức lễ ký kết biên bản ghi nhớ về việc triển khai đánh giá tiếng Anh theo chuẩn quốc tế TOEIC cho sinh viên Trường Đại học Luật”⁶². Qua đó, Trường sẽ từng bước nghiên cứu việc đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực sử dụng tiếng Anh cho sinh viên tốt nghiệp của Trường bằng bài thi TOEIC quốc tế. Thông báo chuẩn đầu ra tiếng Anh trong đó có bài thi TOEIC cho sinh viên của trường kể từ khoá nhập học 2022- 2023.

4. Tình hình thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý của sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Huế

Tình hình chung về thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý của sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Sau khi nhóm thực hiện phỏng vấn từ một số chuyên viên của phòng chức năng và các giảng viên tham gia giảng dạy lớp học tiếng Anh pháp lý tại trường Đại học Luật. Theo như kết quả phỏng vấn thầy T.Đ.C -chuyên viên phòng Đào tạo phụ trách về mảng lập kế hoạch giảng dạy, học tập; Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và thực hiện kế hoạch đào tạo; lập thời khoá biểu, bố trí phòng học, xác nhận việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên thì hiện tại trường Đại học Luật Đại học Huế đã đưa tiếng

⁶⁰ Qua khảo sát trang thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật, Đại học Huế từ năm 2018 đến nay. <http://tuyensinh.hul.edu.vn/>

⁶¹ Chương trình đào tạo ngành Luật và Luật kinh tế Đại học Luật, Đại học Huế năm 2021.hul.edu.vn <https://www.hul.edu.vn/vi/news/detail/chuong-trinh-dao-cao-trinh-do-tieng-anh-theo-chuan-toeic-quooc-te-cho-sinh-vien-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue>

⁶² Nâng cao trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC Quốc tế cho sinh viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế .<https://www.hul.edu.vn/vi/news/detail/nang-cao-trinh-do-tieng-anh-theo-chuan-toeic-quooc-te-cho-sinh-vien-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue>

Anh pháp lý vào dạy cho sinh viên được 4 năm, đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận sinh viên. Mỗi năm trường đều có các cuộc kiểm tra phỏng vấn tuyển chọn các sinh viên để mở lớp học cho các khóa sau đối với những sinh viên có nhu cầu tham gia học. Chỉ tiêu số lượng sinh viên mỗi khóa là 40 sinh viên đối với ngành Luật và 40 sinh viên đối với ngành Luật kinh tế. Với số lượng giảng viên tham gia giảng dạy là 17 giảng viên, các giảng viên đều là giảng viên chuyên ngành đáp ứng được các yêu cầu về giảng dạy trong môn học này. Hiện tại trường đã đưa các môn học Học phần được thiết kế nhằm cung cấp các thuật ngữ pháp lý cơ bản trong tiếng Anh trên các lĩnh vực pháp luật, cụ thể: Tư pháp Quốc Tế, tiếng Anh pháp lý cơ bản, Luật Thương mại, và trong năm nay nhà trường sẽ bổ sung thêm các môn: Luật hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hình sự,... bằng tiếng Anh tại trường. Theo kết quả phỏng vấn từ cô Đ.T.H.N giảng viên tham gia dạy môn học tiếng Anh pháp lý tại Trường Đại học Luật thì đa số sinh viên đã và đang tham gia học môn học này đều có thái độ nghiêm túc, thích thú ham học hỏi, khả năng nắm bắt kiến thức của sinh viên cũng khá tốt. Qua khảo sát một số bạn tham gia học lớp học tiếng Anh pháp lý các bạn sinh viên tỏ thái độ thích thú đối với việc học và rất hài lòng về sự nhiệt tình vui vẻ cũng như các bài học của giảng viên rất hấp dẫn và bổ ích.

* Những thuận lợi và khó khăn trong thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý cho sinh viên trường Đại học Luật từ phía giảng viên tham gia giảng dạy và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

Về thuận lợi, Trường Đại học Luật, Đại học Huế đã và đang không ngừng phát triển mạnh mẽ và ngày càng hoàn thiện về chương trình, chất lượng đào tạo, lộ trình giảng dạy, nghiên cứu và học tập cũng như cơ sở vật chất để hỗ trợ giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học nói chung cũng như đối với tiếng Anh pháp lý nói riêng. Mặc dù số lượng các lớp đang còn ít nhưng trường sẽ ngày càng mở rộng quy mô cũng như nâng cao chất lượng các lớp. Giảng viên Luật Huế được đào tạo ngày càng nhiều, có trình độ chuyên môn cao về tiếng Anh chuyên ngành, được đào tạo và cử đi du học ở nước ngoài. Nhiều giảng viên nắm bắt thông tin nhanh chóng, hiểu tâm lý sinh viên, có những bài giảng sâu sắc, nhiều cảm hứng, gây sự thu hút trong việc dạy và việc học của sinh viên. Phương tiện truyền thông, internet ngày càng phát triển giúp cho việc giảng dạy từ phía giảng viên và tiếp thu kiến thức của sinh viên trở nên dễ dàng hơn, và cũng như việc trao đổi, thảo luận trở nên thuận tiện. Trong trường hợp dịch bệnh hoặc bất khả kháng có thể áp dụng phương pháp học online. Giúp cho sinh viên chủ động hơn trong việc học tập đưa các bạn sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Huế tiếp cận gần hơn với tiếng Anh chuyên ngành

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, giảng viên tham gia giảng dạy Đại học Luật, Đại học Huế cũng phải đối mặt với những thách thức trong thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý cho sinh viên trường Đại học Luật. Cụ thể:

Một là, đội ngũ giảng viên mặc dù có kiến thức vững vàng nhưng phương pháp giảng dạy lại không phù hợp với thời điểm hiện nay dẫn đến việc sinh viên gặp khó khăn trong quá trình tiếp thu bài học, khó khăn trong quá trình giao tiếp, khám phá, sáng tạo.

Hai là, tiếng Anh pháp lý là một môn học khá mới mẻ đối với sinh viên Luật nên việc sinh viên có hứng thú và khả năng chú ý tiếp thu còn hạn chế gây khó khăn cho giảng viên trong quá trình giảng dạy.

Ba là, trình độ tiếng Anh của sinh viên không đồng đều, có sự khác biệt rất lớn về năng lực dẫn đến việc giao tiếp, học tập gặp nhiều khó khăn, việc dạy học không đạt được hiệu quả cao. Việc phát âm sai sẽ dễ gây tâm lý e ngại từ đó hình thành thói quen sợ sai không dám nêu ý kiến làm cho việc trao đổi học tập trở nên khó khăn hơn.

Bốn là, Xã hội ngày càng phát triển, kiến thức cũng ngày càng rộng đặc biệt là đối với tiếng Anh chuyên ngành Luật, nên song song với việc dạy học cần phải thay đổi bổ sung giáo trình học tập tiếng Anh pháp lý phù hợp năng lực tiếng Anh căn bản của người học đồng thời đáp ứng yêu cầu của môn học cũng là vấn đề rất quan trọng để việc dạy và học đạt hiệu quả cao nhất.

Nguyên nhân của những khó khăn vướng mắc nêu trên đối với giảng viên tham gia giảng dạy Đại học Luật, Đại học Huế có thể kể đến như:

Một là, Vấn đề là môn học khá mới mẻ nên tiếng Anh pháp lý chưa được đưa vào chương trình học một cách phổ biến nên đây cũng là môn học xa lạ đối với sinh viên Luật đa phần là những sinh viên khối C nên việc học tiếng Anh cũng không được chú trọng. Do đó việc nâng cao năng lực tiếng Anh nói chung và tiếng Anh pháp lý nói riêng cho sinh viên Luật trở nên khó khăn hơn đối với giảng viên.

Hai là, Trong quá trình tổ chức phân chia các lớp để thực hiện giảng dạy môn tiếng Anh pháp lý chưa có sự sàng lọc phân chia các nhóm sinh viên theo năng lực. Lớp học gồm các học sinh có mức độ nhận thức gần tương đương nhau, giáo viên rất dễ dàng thiết kế hoạt động học tập phù hợp với đại đa số học sinh trong lớp.

Ba là, Giáo trình, chương trình giảng dạy, các bài giảng chưa được hấp dẫn thu hút đối với sinh viên dẫn đến tình trạng sinh viên không có sự thích thú trong việc tiếp thu chăm chú đối với môn học.

* Những thuận lợi và khó khăn trong thực hiện việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý của sinh viên trường Đại học Luật từ phía sinh viên tham gia học và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

Sinh viên trường Đại học Luật tham gia chương trình nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý có những thuận lợi đáng kể như:

Một là, đối với sinh viên, môi trường học tập đóng vai trò rất quan trọng, Đại học Luật, Đại học Huế với cơ sở vật chất, chất lượng giảng dạy và các hoạt động khuyến khích sinh viên học tập rất tốt. Đây chính là cơ hội, điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tham gia học tập tại trường.

Hai là Sinh viên Luật Huế chuyên cần, chăm chỉ, siêng năng học hỏi không ngừng trau dồi bản thân, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn ở mức độ cao của chuyên ngành Luật - lớp tiếng Anh pháp lý. Với sự chăm chỉ ham học hỏi của sinh viên chắc chắn sẽ là một lợi thế trong việc học.

Ba là Phương tiện truyền thông, internet ngày càng phát triển giúp cho việc tiếp thu kiến thức của sinh viên trở nên dễ dàng hơn, và cũng như việc trao đổi, thảo luận

trở nên thuận tiện. Trong trường hợp dịch bệnh hoặc bất khả kháng có thể áp dụng phương pháp học online, giúp cho sinh viên chủ động hơn trong việc học tập.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên Sinh viên trường Đại học Luật tham gia chương trình nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý cũng gặp không ít khó khăn vướng mắc, cụ thể:

Thứ nhất, Sinh viên ở trình độ tiếng Anh sơ cấp không theo kịp lượng kiến thức chương trình học bởi lượng kiến thức tiếng Anh pháp lý đối với họ là rất nặng, nhưng ngược lại với những sinh viên ở trình độ cao thì lại cảm thấy bài học rất nhàm chán, không kích thích sự hứng thú trong việc học cũng như sự sáng tạo. Từ đó dẫn đến việc sinh viên cũng khó tiếp thu vì kiến thức không phù hợp với năng lực của bản thân, gây ra trở ngại rất lớn trong quá trình học tập.

Thứ hai, Việc giảng dạy tiếng Anh của các cấp từ tiểu học đến trung học chỉ tập trung chủ yếu vào ngữ pháp, cấu trúc câu và tự vựng, không đề cao kỹ năng nghe nói dẫn đến việc khi lên đại học việc sinh viên có thể nghe nói, phát âm chuẩn gặp rất nhiều khó khăn và hạn chế khi học tiếng Anh nói chung và tiếng Anh pháp lý nói riêng.

Thứ ba, Hiện tại số lượng các lớp giảng dạy tiếng Anh pháp lý tại Đại học Luật Huế còn ít nên chưa đáp ứng đủ nhu cầu để giảng dạy cho những sinh viên có năng lực trung bình khá nhưng có nhu cầu tham gia học. Đây cũng là một trong những khó khăn khiến sinh viên không có điều kiện để tiếp cận với tiếng Anh pháp lý.

Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn đó là

Phương pháp học tập đóng vai trò rất quan trọng, dù có chăm chỉ cố gắng đến đâu nhưng không có phương pháp học tập hiệu quả đúng đắn sẽ dẫn đến việc lãng phí thời gian, học không đúng cách sẽ dẫn đến việc nhàm chán, mất thời gian mà lại không hiệu quả.

Hiện nay sinh viên Luật chỉ sử dụng tiếng Anh pháp lý trong giờ học bắt buộc. Sự hứng thú đối với môn học này chưa cao, việc tự học, tự rèn luyện tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên tại nhà còn hạn chế, dẫn đến việc kiến thức sẽ bị hạn chế và ngắt quãng sinh viên sẽ quên mất kiến thức gây gián đoạn trong quá trình học tập.

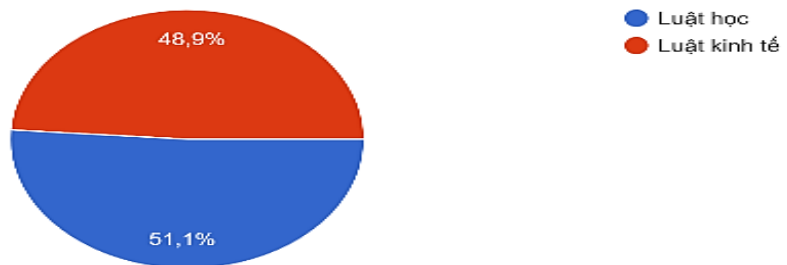
Một số sinh viên Luật thiếu tự tin, ngại nói tiếng Anh vì sợ sai phát âm không chuẩn, từ đó hình thành thói quen sợ sai thiếu tự tin trong giao tiếp cũng như học tập làm cho giáo viên không nắm bắt được kiến thức của sinh viên cho nên việc học tiếng Anh pháp lý trở nên khó khăn hơn bao giờ hết bởi nó hình thành trong tư tưởng của mỗi người lúc ban đầu khi tiếp cận đến cái mới mẻ.

Về phía nhà trường, mấy năm trở lại đây do dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, sinh viên không được trở lại trường mà phải tiếp thu kiến thức qua màn hình laptop hay điện thoại... điều đó cũng gây cản trở không nhỏ tới chất lượng học tập cũng như giảng dạy.

5. Kết quả khảo sát về năng lực tiếng Anh pháp lý và nhu cầu học tiếng Anh pháp lý của sinh viên tại trường Đại học Luật

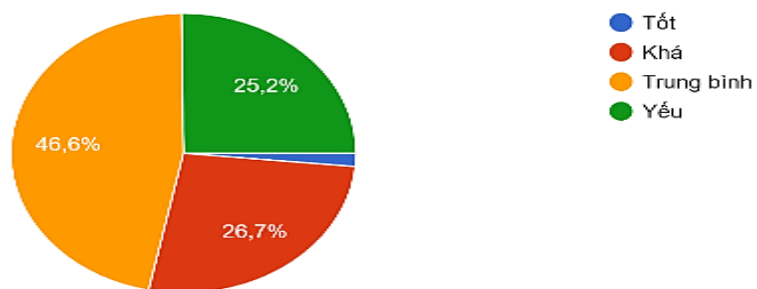
Qua quá trình khảo sát nhóm tác giả thu được 131 câu trả lời từ các bạn sinh viên ngành Luật và Luật kinh tế tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Kết quả thu được như sau:

Bạn đang học chuyên ngành nào
131 câu trả lời



Hình 1: Bạn đang học chuyên ngành nào tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế

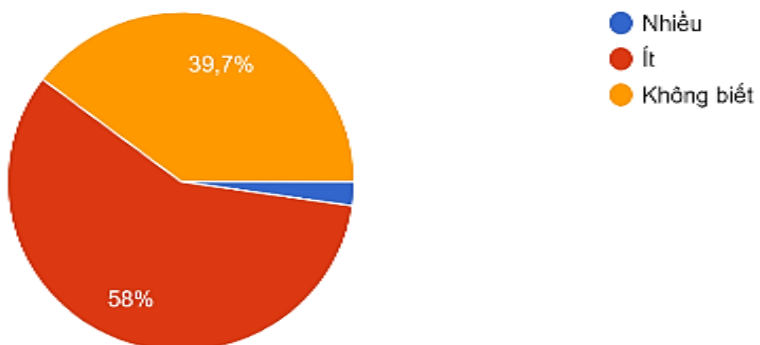
Bạn đánh giá như thế nào về trình độ tiếng Anh của mình?
131 câu trả lời



Hình 2: Sinh viên Đại học Luật Huế tự đánh giá trình độ tiếng Anh

Theo như biểu đồ trên thì số sinh viên có trình độ tiếng Anh ở mức trung bình chiếm gần một nửa số sinh viên tham gia khảo sát.

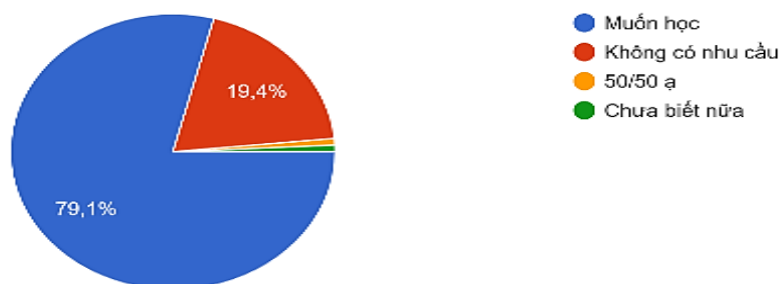
Mức độ hiểu biết về tiếng Anh pháp lý của bạn
131 câu trả lời



Hình: 3 Mức độ hiểu biết của sinh viên Đại Học Luật Huế về tiếng Anh pháp lý

Đa số sinh viên trả lời khảo sát đều có sự hiểu biết ít về tiếng Anh pháp lý, số sinh viên có hiểu biết nhiều về tiếng Anh pháp lý chỉ chiếm 2,3%. Câu hỏi trên cũng có hạn chế vì chưa làm rõ được nội dung mục đích của câu hỏi là sự hiểu biết của sinh viên về môn học tiếng Anh pháp lý hay trình độ mức độ của sinh viên về môn học này.

Bạn có nhu cầu học tiếng Anh pháp lý hay không?
129 câu trả lời



Hình: 4 Nhu cầu học tiếng Anh pháp lý của sinh viên Đại học Luật Huế

Qua kết quả khảo sát từ 131 sinh viên trên cho thấy, số lượng tham gia khảo sát của sinh viên chuyên ngành là 51.1% sinh viên ngành Luật học (67/131), 48.9% sinh viên ngành Luật Kinh tế (64/131). Về trình độ tiếng Anh của sinh viên tự đánh giá với mức tốt là 1.5%. Tuy vậy, tỷ lệ trình độ tiếng Anh khá, sinh viên ngành Luật học chiếm tỷ lệ 15.3% (trong khi chỉ có 11.4% đối với sinh viên ngành Luật Kinh tế). Có thể thấy được, trình độ tiếng Anh của sinh viên ngành Luật học cao hơn so với sinh viên ngành Luật Kinh tế. Dựa theo đánh giá chung, trình độ tiếng Anh của sinh viên cả hai chuyên ngành còn khá thấp. Điều này yêu cầu các đối tượng sinh viên và nhà trường cần thay đổi để phát triển, nâng cao năng lực tiếng Anh và có thể tập trung nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành Luật học để góp phần nâng chất lượng kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên, chất lượng đào tạo của trường và đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Trong các năm gần đây, Trường Đại học Luật, Đại học Huế đã triển khai chương trình đào tạo Tiếng Anh pháp lý (2018-2022), khai giảng các lớp dạy tiếng Anh pháp lý cho sinh viên. Tuy nhiên, khi khảo sát về mức độ hiểu biết về tiếng Anh pháp lý của một số sinh viên, phần đông cho thấy mức độ hiểu biết về tiếng Anh pháp lý ở mức ít là 58% . Do đó, việc phổ biến về chương trình tiếng Anh pháp lý, sự quan trọng của môn tiếng Anh pháp lý đối với năng lực cũng như chất lượng đối với sinh viên vẫn chưa thực sự có hiệu quả.

Tuy tồn tại những khó khăn nhất định, nhưng khảo sát về nhu cầu học của sinh viên tại trường, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu học lại rất cao với 79.1% lượt bình chọn (102/129). Đa phần tham gia khảo sát là sinh viên năm 3 với 6.1% sinh viên tham gia khảo sát (66/131). Do đó, việc các sinh viên này nhận thức về nhu cầu học tiếng Anh pháp lý có số lượng khá cao với tỷ lệ 79.1% (102/131). Những kết quả thu được này cần được quan tâm nhiều hơn. Chúng cho thấy được rằng sinh viên có nhận

thức về sự quan trọng của tiếng Anh pháp lý. Đặc biệt trong thời đại hiện nay, vấn đề về khan hiếm việc làm, thất nghiệp tăng cao, mức lương lao động thấp, sự cạnh tranh cao nhu cầu của các nhà tuyển dụng đều yêu cầu về năng lực trình độ tiếng Anh dẫn đến sinh viên phải có hướng đi tốt hơn. Do đó, việc nâng cao năng lực tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý ngày càng được quan tâm hơn.

6. Một số giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý cho sinh viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Qua việc nghiên cứu, nâng cao năng lực tiếng anh pháp lý đối với sinh viên tham gia lớp học tiếng Anh tại trường Đại học Luật, Đại học Huế và thực trạng nhóm chúng em nhận thấy việc nâng cao năng lực tiếng Anh pháp lý còn nhiều hạn chế, bất cập và khó khăn trong thực tiễn. Việc tìm ra những giải pháp để khắc phục những khó khăn khi thực hiện áp dụng vào việc sử dụng và học tập tại trường Đại học Luật, Đại học Huế luôn là mối quan tâm hàng đầu của các giảng viên và sinh viên, nhóm chúng em xin được đưa ra một số kiến nghị từ góc nhìn của sinh viên.

Thứ nhất, nhà trường cần phối hợp với các trung tâm anh ngữ và trường Đại học Ngoại ngữ Huế để sinh viên được tiếp cận đến tiếng Anh nhiều hơn. Đồng thời củng cố cơ sở vật chất, công nghệ thông tin để sinh viên nắm bắt một cách dễ dàng. Hơn thế nữa là tăng cường tổ chức những cuộc thi, chương trình, tổ chức liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành và thi tuyển vào lớp tiếng Anh pháp lý để thu hút nhiều hơn sự quan tâm của sinh viên về môn học này.

Thứ hai, các giảng viên khi giảng dạy cần nắm bắt rõ sinh viên tiếp thu, từ đó lựa chọn cách giảng dạy, soạn giáo trình phù hợp với từng đối tượng sinh viên, từ thấp đến cao, từ cơ bản đến nâng cao. Cần phân chia sàng lọc các nhóm sinh viên theo trình độ để có được sự đồng đều về khả năng tiếp thu kiến thức giúp cho quá trình dạy và học trở nên dễ dàng hơn.

Thứ ba, về phía nhà trường và các nhà tuyển dụng cần phối hợp thực hiện các chương trình ngoại khóa, các buổi thực tập dành cho sinh viên Luật trong môi trường làm việc cần sử dụng nhiều đến tiếng Anh pháp lý, củng cố, nâng cao trình độ, năng lực về tiếng Anh chuyên ngành. Bên cạnh đó nhà trường cần phối hợp với các nhà tuyển dụng để hỗ trợ một phần đối với những sinh viên có nhu cầu học nhưng không đủ điều kiện tham gia học.

Thứ tư, về phía sinh viên cần nâng cao ý thức tự giác trong việc học của bản thân, nhận thấy được công việc tương lai mình hướng đến và tầm quan trọng của tiếng Anh pháp lý đối với chuyên ngành mình hướng theo để học hỏi nhiều hơn nữa, trau dồi, nâng cao năng lực cũng như tìm hiểu yêu cầu của các nhà tuyển dụng đối với sinh viên Luật, vai trò của tiếng Anh pháp lý đối với công việc sau này. Từ đó, vạch ra kế hoạch của mình về lộ trình học tiếng Anh chung cũng như tiếng Anh pháp lý trong những năm tới khi theo đuổi ngành Luật.

7. Kết Luận

Trong vài năm qua, mặc dù Đại học Luật, Đại học Huế đã có những chính sách khuyến khích sinh viên học tập không những với các môn chuyên ngành mà còn có thêm ngoại ngữ chuyên ngành - tiếng Anh pháp lý và đã có những dấu hiệu khả quan,

nhiều chuyển biến tốt. Các lớp học về tiếng Anh pháp lý cũng được hoạt động giảng dạy và có những chuyển biến tích cực thu hút sự hứng thú của sinh viên. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi đó, trường cùng với giảng viên và cũng như các sinh viên cũng đã và đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong quá trình dạy và học. Vậy nên việc khảo sát việc sử dụng và học tiếng anh pháp lý đối với sinh viên tham gia lớp học tiếng anh tại trường Đại học Luật, Đại học Huế là vô cùng cần thiết trong việc mở rộng quy mô nâng cao chất lượng trong chương trình giảng dạy môn tiếng Anh pháp lý. Với nhận thức rõ điều này, nhóm chúng em đã đang và tiếp tục nghiên cứu về thực trạng của việc giảng dạy và tiếp thu kiến thức trong tiếng anh chuyên ngành trong trường Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng và các trường đại học Luật khác nói chung, đồng thời đưa ra những giải pháp kiến nghị phù hợp với từng người theo từng trình độ, hoàn cảnh... để ngày càng hoàn thiện. Nhóm chúng em hy vọng sẽ đem lại những ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực tiễn, đóng góp một phần nhỏ trong việc thúc đẩy và tăng cường việc sử dụng và học tiếng anh pháp lý hiệu quả tại trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Hoàn, Trần Tín Nghị, Lê Hoàng Anh, (2018), “[Các Nhân Tố Ảnh Hưởng Đến Động Lực Học Ngoại Ngữ Của Đội Ngũ Nhân Lực Tại Các Trường Đại Học Trên Địa Bàn Thành Phố Hồ Chí Minh](#)”, Hội thảo ELT UPGRADES 2018
2. Nâng cao trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC Quốc tế cho sinh viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế .<https://www.hul.edu.vn/vi/news/detail/nang-cao-trinh-do-tieng-anh-theo-chuan-toeic-quoc-te-cho-sinh-vien-truong-dai-hoc-luat-dai-hoc-hue>
3. Lý Ngọc Toàn, Lương Duy Thanh (2019), “[Những vấn đề thường gặp trong quá trình biên dịch các văn bản tài liệu pháp lý giữa tiếng Anh và tiếng Việt](#)”, tạp chí Thánh địa Việt Nam học.<https://thanhdiavietnamhoc.com/nhung-van-de-thuong-gap-trong-qua-trinh-bien-dich-cac-van-ban-tai-lieu-phap-ly-giua-tieng-anh-va-tieng-viet/>
4. Thuy Thi Le Nguyen, (2019), “[Một số đề xuất nhằm gây hứng thú cho sinh viên trong giờ học nói tiếng Anh](#)”, Researchgate
5. Hoàng Văn Vân, (2007), “Nhu cầu và động cơ học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, Đại học Quốc gia Hà Nội”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 23 (2007) 125-137
6. Gibbons J, (1984), “Language and Law”, London.
7. Kniffka Hannes, (2007), “Working in Language and Law”, Palgrave Macmillan.
8. Huong Thanh Nhac, (2021), “[Challenges in Learning Legal English from Students' Perspective at Hanoi Law University](#)”, International Journal of Language and Literary Studies.
9. Slapper Gary et al, (2003), “The English Legal System”, Cavendish Publishing Limited
10. Vu Van Tuan, (2019), “[Attitudes of Vietnamese College Students towards English Acquisition](#)”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên.

NÂNG CAO PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ NHẪM ĐÁP ỨNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG HIỆN NAY

Mai Thị Ngọc Trinh; Đinh Thị Thùy Dương*
Hoàng Thị Phương Anh**

Tóm tắt: Cơ cấu việc làm của Việt Nam đang có những biến động lớn, sự phân bố nhân lực chưa hợp lý đã gây ra tình trạng thất nghiệp cho số lượng lớn người lao động, đặc biệt là tân sinh viên. Trong khi đó, mỗi năm, trường Đại học Luật, Đại học Huế có hàng ngàn lượt sinh viên tốt nghiệp ra trường, là lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực ngành luật của đất nước. Chính vì thế, nhóm tác giả đã thực hiện việc thu thập số liệu phục vụ cho việc đánh giá khả năng tiếp cận việc làm của tân sinh viên trường Đại học Luật Huế niên khóa 2018 – 2022. Nghiên cứu đi vào phân tích thực trạng về hoạt động tiếp cận cơ hội việc làm để đưa ra các phương pháp tiếp cận việc làm cho sinh viên. Trên cơ sở phân tích đó, nghiên cứu đã làm rõ những thành công và tồn tại trong công tác tiếp cận việc làm của sinh viên trong những năm qua, chỉ rõ nguyên nhân thành công và hạn chế tồn tại để trên cơ sở đó có những giải pháp hợp lý tạo việc làm cho sinh viên Đại học Luật, Đại học Huế trong thời gian tới. Nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng khả năng và cơ hội tiếp cận việc làm cho sinh viên.

Từ khóa: Phương pháp; tiếp cận việc làm, nhu cầu tuyển dụng.

1. Khái quát về phương pháp tiếp cận việc làm

1.1. Khái niệm về việc làm

* Dưới góc độ kinh tế xã hội

Việc làm là một hoạt động được thường xuyên thực hiện để đổi lấy việc thanh toán hoặc tiền công, thường là nghề nghiệp của một người. Một người thường bắt đầu một công việc bằng cách trở thành một nhân viên, người tình nguyện, hoặc bắt đầu việc buôn bán. Thời hạn cho một công việc có thể nằm trong khoảng từ một giờ (trong trường hợp các công việc vặt) hoặc cả đời (trong trường hợp của các thẩm phán). Nếu một người được đào tạo cho một loại công việc nhất định, họ có thể có một nghề nghiệp. Tập hợp hàng loạt các công việc của một người trong cả cuộc đời là sự nghiệp của họ.

Việc làm trước hết là vấn đề của mỗi cá nhân, xuất phát từ nhu cầu của bản thân nên tiến hành các hoạt động nhất định. Họ có thể tham gia công việc nào đó để được trả công hoặc tham gia vào các hoạt động mang tính chất tự tạo việc làm như dùng các tư liệu sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận hoặc tự làm những công việc cho hộ gia đình mình.

Tóm lại, xét về phương diện kinh tế - xã hội, có thể hiểu việc làm là các hoạt động tạo ra, đem lại lợi ích, thu nhập cho người lao động được xã hội thừa nhận.

* Sinh viên lớp LKT K42B, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế

** Sinh viên lớp LKT K43A, ngành Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế

*Dưới góc độ pháp lý

Theo quan niệm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)⁶³: “Việc làm gồm những người trên một độ tuổi xác định nào đó, trong một khoảng thời gian cụ thể, có thể là một tuần hoặc một ngày, làm việc được trả lương hay tự trả lương cho mình”. Nghĩa là những người làm việc gì đó được trả tiền công, lợi nhuận hoặc được thanh toán bằng hiện vật hoặc những người tham gia vào hoạt động mang tính chất tự tạo việc làm vì lợi ích hay vì thu nhập gia đình không được nhận tiền công hoặc hiện vật.

Theo quan niệm của Việt Nam thì được quy định tại Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 2019: “Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm. Nhà nước, người sử dụng lao động và xã hội có trách nhiệm tham gia giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội có việc làm.”

Từ đó, có thể thấy rõ dưới góc độ pháp lý, việc làm được cấu thành bởi 3 yếu tố:

Thứ nhất, việc làm là hoạt động lao động: thể hiện sự tác động của sức lao động vào tư liệu sản xuất để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ. Yếu tố lao động trong việc làm phải có tính hệ thống, tính thường xuyên và tính nghề nghiệp. Vì vậy người có việc làm thông thường phải là những người thể hiện các hoạt động lao động trong phạm vi nghề nhất định và trong thời gian tương đối ổn định.

Thứ hai, việc làm tạo ra thu nhập: Là khoản thu nhập trực tiếp và khả năng tạo ra thu nhập.

Thứ ba, việc làm phải là một hoạt động hợp pháp: hoạt động lao động tạo ra thu nhập nhưng trái pháp luật, không được pháp luật thừa nhận thì không được coi là việc làm. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, tập quán, quan niệm về đạo đức của từng nước mà pháp luật có sự quy định khác nhau trong việc xác định tính hợp pháp của các hoạt động lao động được coi là việc làm. Đây là dấu hiệu thể hiện đặc trưng tính pháp lý của việc làm.

1.2 Khái niệm về tiếp cận việc làm và phương pháp tiếp cận việc làm

*Khái niệm “tiếp cận việc làm”

Tiếp cận việc làm là khả năng của người lao động, trong đó có sinh viên thực hiện sử dụng những phương pháp cụ thể nhằm tìm kiếm được việc làm.

Tiếp cận việc làm là một trong những kỹ năng thuộc về nhiệm vụ Quản lý nghề nghiệp của mỗi người. Thậm chí, đối với những người đã tích lũy nhiều thời gian, kinh nghiệm làm việc, cũng cần biết đến kỹ năng này, ở mức độ cao hơn, gọi là Quản lý nghề nghiệp.⁶⁴

Tiếp cận việc làm không phải là một hành vi cụ thể, mà là một quá trình, là kỹ năng mà người lao động, cụ thể là sinh viên cần có sự chuẩn bị và xây dựng thành kế

⁶³ ILO (1988), Current International Recommendations on Labour Statistics, 1988 Edition, ILO, Geneva, p. 47

⁶⁴ ThS. Nguyễn Kim Vui (2021), Viện Nghiên cứu kinh tế ứng dụng bộ môn kỹ năng mềm – Trường Đại học Tài chính Marketing, TP. HCM, *Kỹ năng tìm kiếm việc làm*.

hoạch, bắt đầu từ việc tự phân tích chính bản thân. Tìm hiểu về thị trường lao động, theo dõi các công ty, ngân hàng, nhu cầu tuyển dụng ở khắp các nơi là điều chắc chắn bạn nên làm.

Khái niệm “phương pháp tiếp cận việc làm”

Phương pháp là quá trình để hoàn thành một nhiệm vụ, với tập hợp bao gồm các lý thuyết và các cách thức có tính hệ thống, được sử dụng để tiến hành một hoạt động cụ thể. Phương pháp thường được xác định sau chủ trương và đường lối, tức sự xác định mục tiêu và hướng đi chung cho hành động. Đường lối chọn lựa có thể cố định trong thời gian dài nhưng phương pháp thì linh hoạt, có thể thay đổi, có thể tùy chỉnh một cách sáng tạo để đạt được mục tiêu.⁶⁵

Từ những khái niệm được phân tích ở trên, nhóm tác giả đã tổng kết và đưa ra khái niệm như sau: “Phương pháp tìm kiếm việc làm là khả năng sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp, tận dụng nhiều nguồn thông tin nhằm tìm kiếm và sàng lọc đúng những việc làm phù hợp nhất, mang lại lợi ích cao nhất trong số hàng nghìn công việc được đăng tuyển.”

2. Thực trạng về phương pháp tiếp cận việc làm của sinh viên luật, Trường đại học Luật, Đại học Huế

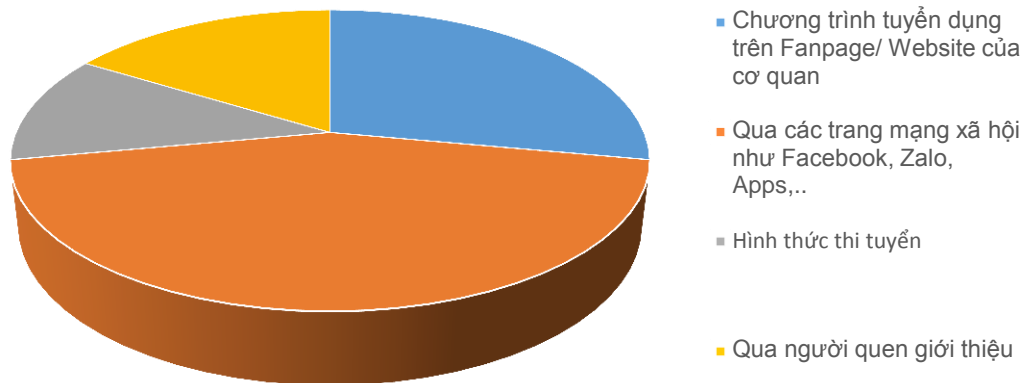
Đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi nhiều khía cạnh trong xã hội, việc tiếp cận cơ hội việc làm cũng không phải là ngoại lệ. Thị trường cơ hội việc làm trở nên cạnh tranh và phức tạp hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh hiện tại, những người tìm việc thành công là những người đang áp dụng nhiều phương pháp tiếp cận việc làm khác nhau để tạo điểm nhấn trước những nhà tuyển dụng và tìm cho mình một công việc thích hợp.

Hiện nay, có nhiều phương pháp tiếp cận việc làm khác nhau mà các bạn sinh viên có thể áp dụng như: Phương pháp tiếp cận việc làm qua các chương trình tuyển dụng của cơ quan; Qua các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, App, ...; Tạo mối quan hệ với cơ quan thực tập trong quá trình thực tập; Tham gia các hội chợ việc làm; Tiếp cận việc làm qua trung tâm môi giới việc làm; Thi tuyển; Qua người quen giới thiệu; v.v...

Để tiếp cận một cách thực tế hơn, nhóm tác giả đã thực hiện khảo sát khoảng hơn 40 các bạn sinh viên khóa K42 của Trường Đại học Luật - Đại học Huế về phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm sau hơn 03 (ba) tháng tốt nghiệp. Kết quả của cuộc khảo sát thu được như sau:

⁶⁵ Hà Minh Đức (1997), *Báo chí, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

Khảo sát sinh viên Khóa K42 trường Đại học Luật Huế tiếp cận cơ hội việc làm



Từ biểu đồ trên cho thấy rằng, các bạn sinh viên đã có rất nhiều các phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm khác nhau. Qua đó, chúng ta có thể tổng quan một số phương pháp tiếp cận việc làm cơ bản như sau:

Thứ nhất, phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm qua chương trình tuyển dụng chính thức trên Fanpage/ Trang web của cơ quan

Từ biểu đồ khảo sát trên cũng cho thấy rằng một số các bạn sinh viên khóa K42 của Trường Đại học Luật - Đại học Huế đã lựa chọn phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm qua chương trình tuyển dụng chính thức trên Fanpage hoặc website của cơ quan.

Việc tiếp cận việc làm bằng cách này giúp cho bạn có thể hiểu rõ hơn về cơ quan hay doanh nghiệp mà bạn muốn ứng tuyển. Đồng thời, đây là những kênh thông tin chính thống nhất của doanh nghiệp, thông tin được đăng ở những kênh này sẽ tiếp cận được những độc giả trung thành của doanh nghiệp hay những ứng viên quan tâm đến việc làm trong doanh nghiệp và hoàn toàn miễn phí.

Nếu bạn đã biết đến công ty mình muốn ứng tuyển, bạn có thể vào Fanpage hoặc website của nhà tuyển dụng. Nếu có nhu cầu tuyển dụng, các cơ quan hoặc doanh nghiệp chắc chắn sẽ đăng thông tin tuyển dụng lên website của mình. Từ đây bạn sẽ biết được vị trí, yêu cầu của nhà tuyển dụng, cũng như cách thức ứng tuyển công việc.

Tuy nhiên, đây là một phương pháp tiếp cận việc làm “thoảng qua”, bởi lẽ, không phải bất cứ công ty nào mà bạn muốn ứng tuyển cũng có nhu cầu tìm kiếm nhân sự, vì vậy bạn cần có cách tìm việc khác khi công ty đó không có nhu cầu.

Thứ hai, phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm qua các phương tiện truyền thông, các trang mạng xã hội, ứng dụng tìm kiếm việc làm (Facebook, Zalo, Apps...)

Đây chính là phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm hiệu quả nhất mà hầu hết các bạn sinh viên Khóa K42 của trường Đại học Luật, Đại học Huế đã lựa chọn. Qua khảo sát đã có khoảng 44% bạn sinh viên thực hiện phương pháp này để tìm kiếm việc làm.

Hiện nay, thời đại 4.0 – thời đại công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ khiến cho chúng ta cần phải thay đổi những phương pháp tiếp cận việc làm cũ mà thay vào đó, chúng ta có thể sử dụng điện thoại thông minh để lên mạng tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân. Để cập nhật thường xuyên về nhu cầu công việc cũng như các việc làm mới nhất, chúng ta có thể sử dụng những ứng dụng di động (viết tắt là apps) tuyển dụng. Điều này sẽ khiến cho chúng ta dễ dàng tìm kiếm việc làm một cách đơn giản nhất.

Sự phát triển mạnh mẽ của các trang mạng xã hội đã giúp cho các bạn sinh viên có thêm được một nguồn tìm kiếm công việc một cách vô cùng hiệu quả. Sau đây là một số ưu điểm, nhược điểm của phương pháp này:

Về ưu điểm:

- Mở rộng phạm vi tìm kiếm việc làm: sinh viên sẽ thật dễ dàng để có thể tiếp cận với những bài đăng tuyển việc làm của các nhà tuyển dụng. Sinh viên sẽ tham gia vào các group tìm kiếm việc làm và lựa chọn cho mình một công ty, doanh nghiệp phù hợp để thực hiện việc nộp CV xin việc. Chẳng cần phải quá phức tạp như việc làm thật nhiều bộ hồ sơ để “rãi” khắp nơi thì giờ đây các bạn chỉ cần ngồi ở nhà và tạo cho mình một CV thật “đẹp” và trực tiếp ứng tuyển vào công ty.

- Tiết kiệm thời gian và chi phí: theo phương pháp tiếp cận việc làm cũ, các bạn sinh viên phải bỏ ra một khoản chi phí để làm hồ sơ xin việc và chi phí đi lại để đến công ty nộp hồ sơ. Điều đó không những tốn chi phí mà còn tốn thời gian. Tuy nhiên, một số ứng dụng tìm kiếm việc làm còn có chức năng trao đổi trực tuyến, để người tìm việc và nhà tuyển dụng trao đổi trực tiếp nên đã rút ngắn thời gian đi phỏng vấn cũng như giải đáp thắc mắc của hai bên.

Về nhược điểm:

Sinh viên khó chọn lọc được những bài tuyển dụng chính đáng, bởi lẽ, có rất nhiều môi giới hoặc các bài đăng tải không đúng với mục tiêu tìm kiếm việc làm của các bạn ứng viên. Do đó, các bạn ứng viên cần phải biết chọn lọc những bài đăng tuyển việc làm để tránh mất thời gian với những bài đăng không đúng mục đích tuyển dụng.

Thứ ba, phương pháp tìm kiếm việc làm thông qua sự giới thiệu của người quen

Đây là phương pháp mà bạn cần phải sử dụng các mối quan hệ mà bạn có được. Bất kể là người thân trong gia đình, trong dòng họ hay bạn bè cùng lớp, đồng nghiệp cũ, thầy cô giáo đã dạy mình,... tất cả những ai bạn quen biết, hãy tận dụng tất cả các mối quan hệ để có được những thông tin việc làm.

Cách tìm việc này sẽ giúp bạn có được những công việc tốt, bởi những công việc này đều được những người bạn quen biết biết đến hoặc làm đã hoặc đang làm. Chính vì thế họ sẽ đảm bảo được chất lượng của công ty cũng như vị trí công việc mà họ giới thiệu cho bạn.

Tuy nhiên, với cách tìm này, bạn lại không có quá nhiều cơ hội lựa chọn công việc phù hợp với khả năng cũng như sở thích của bản thân. Lời khuyên cho những bạn sử dụng phương pháp tìm việc này đó chính là hãy kết hợp cách tìm việc này với các cách tìm việc khác, để có thể chọn cho mình được một công việc tốt nhất. Xuất

phát từ vấn đề dễ bị hiểu lầm, không chỉ ứng viên mới phải hứng nhận mà ngay cả người được giới thiệu vào công ty cũng gặp khó khăn. Dù ứng viên được giới thiệu có tài năng, trong quá trình làm việc họ nhanh chóng tạo ra được những thành tích nổi bật thì sẽ không được công nhận. Bởi ngay từ đầu, mọi người đã dành cho nhân viên mới những cái nhìn kém thiện cảm và cho rằng họ đang được ưu ái nên thành tích đạt được chỉ là sự thiên vị.

3. Giải pháp nâng cao phương pháp tiếp cận việc làm của sinh viên Trường đại học Luật - Đại học Huế

Thông qua việc khảo sát phương pháp tiếp cận việc làm của đa số sinh viên mới ra trường, có thể thấy những phương pháp đó đã mang lại kết quả tích cực đối với nhu cầu tìm kiếm một môi trường làm việc mới sau khi các bạn sinh viên hoàn thành quá trình học tập và bước chân ra khỏi cánh cổng đại học. Không có một phương pháp nào mang lại ưu điểm tuyệt đối, chính vì vậy nhóm tác giả xin đề xuất những giải pháp nâng cao phương pháp tiếp cận việc làm như sau:

Thứ nhất, phương pháp chủ động “tiếp thị” đến nhà tuyển dụng/giám đốc nhân sự

Các nhà tuyển dụng/giám đốc nhân sự thường rất bận rộn và họ sẽ không có thời gian để gặp gỡ hay tự tìm đến sinh viên nếu bạn không đủ xuất sắc. Chính vì vậy, thay vì chỉ nộp hồ sơ qua email mà nhà tuyển dụng cung cấp qua Fanpage, webside thì hãy chủ động ứng tuyển trực tiếp cơ quan đó. Nếu không gặp được giám đốc nhân sự nơi cực kỳ mong muốn làm việc, hãy tìm lối đi khác: gửi bản hồ sơ và thư xin việc, ghi rõ nguyện vọng về lĩnh vực và vị trí muốn tham gia. Đặc biệt hồ sơ và thư xin việc phải đạt chất lượng cao nhất để thu hút sự chú ý. Khi có vị trí nào phù hợp, nhà tuyển dụng chắc chắn sẽ liên hệ.

Thứ hai, không giới hạn và chủ động chọn lọc vị trí ứng tuyển phù hợp

Thực trạng hiện nay, rất nhiều sinh viên sau khi ra trường không có việc làm, lại thiếu kiến thức nền tảng, thiếu kinh nghiệm nhưng không chủ động tìm kiếm mà lại có tư tưởng công việc sẽ tự động tìm đến. Vì lẽ đó, việc tiếp cận chủ động là rất cần thiết đối với người lao động hiện nay, đặc biệt là với sinh viên mới ra trường. Thành công chỉ đến với người thật sự mong muốn nó. Nếu muốn thành công thì mỗi sinh viên phải tự trang bị cho mình kiến thức, kỹ năng và đặc biệt là phải có cách tiếp cận chủ động, tư duy không ỷ lại, lập chiến thuật thông minh với mọi thứ và thực hành. Xây dựng một mạng lưới kết nối mạnh không những để giao lưu học hỏi mà còn để kết nối với tất cả các chuyên gia có thể có xung quanh, tận dụng những mối quan hệ hữu ích đó để có được công việc ưa thích. Tích cực kết nối với những người khác trong cùng lĩnh vực và mở rộng chiều rộng và bề rộng của tìm kiếm việc làm, xem xét một loạt các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực và được mở cho nhiều loại vai trò và địa điểm. Chủ động tìm hiểu thông tin, chiến lược kinh doanh của công ty bản thân muốn làm việc. Từ đó, xây dựng một CV đáp ứng với những yêu cầu tuyển dụng của công ty đó, tăng cơ hội có được một công việc yêu thích.

Khi đang tìm kiếm công việc, phải nhận thức được sự khác biệt giữa việc có được công việc phù hợp và giữa bản thân sẵn sàng đón nhận các lựa chọn khả thi khác. Phải luôn sẵn sàng đón nhận những lựa chọn sinh lợi khác, những lựa chọn này

có thể đóng vai trò như những bước quan trọng trong nấc thang thành công. Khi đang tìm kiếm một công việc thì hãy lọc ra những yêu cầu theo mong muốn của bản thân. Thay vì bám vào tình trạng sẵn có duy nhất hoặc giới hạn các tùy chọn, hãy kiểm tra tất cả các tùy chọn được liệt kê theo sở thích.

Thứ ba, tối ưu hóa tiêu chí tìm kiếm khi tiếp cận thông qua các trang mạng xã hội

Tối ưu hóa tiêu chí tìm kiếm không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn tìm kiếm được một công việc phù hợp với bản thân trong khoảng thời gian ngắn. Đối với điều này, sinh viên có thể sử dụng các công cụ tìm kiếm, công thông tin việc làm, nền tảng xã hội cũng như nhiều kênh khác có thể cung cấp những công việc phù hợp với sở thích, kỹ năng và vị trí ưa thích. Và việc đó đối với thời đại 4.0 hiện nay là hoàn toàn có thể được thực hiện. Sử dụng công cụ tìm kiếm để tìm việc làm bằng cách dùng từ khóa phù hợp sở thích và địa điểm muốn làm việc. Bằng cách này, sẽ thu hẹp tiêu chí tìm kiếm, tập trung chọn lựa công việc liên quan gần nhất và loại trừ công việc không phù hợp. Kiểm tra và tìm kiếm thông tin việc làm từ các trang việc làm, trang web của công ty, các diễn đàn... Tìm kiếm từ tất cả các nguồn có thể để chọn lọc các thông tin phù hợp và có giá trị với nhu cầu của bản thân. Việc liệt kê một danh sách các công ty tiềm năng cũng tối giản được quá trình tìm kiếm việc làm. Đây là cách thức tốt để có định hướng và hiểu biết rõ ràng về công ty mà mình muốn nhắm tới. Đầu tư thời gian tìm hiểu về thông tin hoạt động, môi trường làm việc, chính sách nhân sự... của các công ty đó qua những phương tiện khác nhau để thực sự tự tin khi ứng tuyển. Vì những lẽ đó, hãy tối ưu hóa phạm vi tìm kiếm và thay vì lãng phí thời gian cho những công việc không liên quan, hãy thử nhắm mục tiêu các cơ hội việc làm có liên quan.

Thứ tư, tham gia các sự kiện nghề nghiệp, các chương trình giới thiệu việc làm - nguồn “cầu” nhân lực lớn

Một chiến lược tìm kiếm việc làm thành công khác đang đạt được động lực lớn trong vài năm là tham dự các sự kiện nghề nghiệp khác nhau. Hội chợ việc làm là nơi giúp các nhà tuyển dụng khảo sát được số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực. Nắm bắt được mặt bằng chung về trình độ, năng lực của những nhân lực trong ngành mà doanh nghiệp muốn tuyển là điều quan trọng để giúp doanh nghiệp có những chính sách tuyển dụng cũng như sử dụng nhân lực tốt nhất. Tham dự các hội chợ nghề nghiệp khác nhau là một trong những cách tốt nhất để tìm được một công việc phù hợp. Người tham gia có thể trao đổi với các nhà tuyển dụng từ các doanh nghiệp tham gia, tìm hiểu về cơ hội việc làm và cơ hội nghề nghiệp, đồng thời có cơ hội phỏng vấn xin việc ngay tại chỗ một cách nhanh chóng. Có thể tiếp xúc với nhiều nhà tuyển dụng khác nhau và thông qua đó, tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong vấn đề xin việc. Cơ hội tìm kiếm việc làm vào kỹ năng phỏng vấn trước các nhà tuyển dụng dù có trúng tuyển hay không trúng tuyển nhưng đây là sẽ những bài học giúp bản thân nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu. Đối với điều này, có thể chuẩn bị bằng cách đăng ký trước cho sự kiện. Cân nhắc việc chuẩn bị sẵn CV xin việc - nơi có đầy đủ thông tin của mình. Đảm bảo CV hiện tại đã đảm bảo các thông tin

mới nhất, chuẩn bị các bản photo để sẵn sàng gửi cho nhà tuyển dụng và ăn mặc lịch sự khi tham dự hội chợ nghề nghiệp.

Nhiều chương trình giới thiệu việc làm kết nối giữa các nhà tuyển dụng và sinh viên được nhà trường tổ chức, bên cạnh những gian hàng tuyển dụng còn có rất nhiều gian hàng giới thiệu các trang web, ứng dụng tìm việc cho các bạn sinh viên, người lao động có nhu cầu như vietnamworks.com, iworking.vn, viecngay.vn, jupviec.vn, jobsgo.vn...

Hầu hết tại các trang web, ứng dụng tuyển dụng này đều đã có sự phân loại vị trí việc làm, từ nhóm công việc quản lý, văn phòng, tới các việc làm phổ thông, việc bán thời gian, việc làm tại nhà hay các vị trí công nhân, thợ... phù hợp với mọi trình độ, lứa tuổi, thuận tiện cho người tìm việc. Nhiều ứng dụng, website còn tập trung chuyên sâu vào các đối tượng riêng, như viecngay.vn hướng tới thị trường lao động phổ thông, jupviec.vn là sàn giao dịch việc làm cho các công việc giúp việc nhà toàn thời gian, bán thời gian...

4. Kết luận

Tìm kiếm cơ hội việc làm không phải là một hành vi cụ thể, mà đó là cả một quá trình. Chính vì vậy, các bạn sinh viên nói chung và sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Huế nói riêng cần phải có sự chuẩn bị và xây dựng được cho mình những phương pháp tiếp cận cơ hội việc làm hiệu quả nhất. Đồng thời, các bạn sinh viên cũng cần phải xây dựng cho mình những kế hoạch, định hướng công việc nghề nghiệp cụ thể. Từ đó, có thể áp dụng những phương pháp tiếp cận việc làm nhất định nhằm tìm kiếm được một công việc mong muốn nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Luật Lao động năm 2019
2. ILO (1988), Current International Recommendations on Labour Statistics, 1988 Edition, ILO, Geneva, p. 47
3. Thực trạng việc làm của sinh viên mới ra trường, trang web: <https://nhansu.co/thuc-trang-viec-lam-cua-sinh-vien-moi-ra-truong-2/>
4. ThS. Nguyễn Kim Vui (2021), Viện Nghiên cứu kinh tế ứng dụng bộ môn kỹ năng mềm – Trường Đại học Tài chính Marketing, TP. HCM, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.
5. Trang web: https://worklink.vn/phuong-phap-tiep-can-cong-viec-khi-moi-ra-truong/?fbclid=IwAR1wifG6khiC4IHSY_5wmM_fU5LIDL72MqW-NA6Ph5CwVQucf40YLj4n914
6. Trang web: <https://www.openwallsconference2014.org/index.php/2018/04/07/phuong-phap-tim-viec-lam-tich-cuc-va-chJIBAw7kYWcYoBYUNp4szLEk>

KẾT HÔN ĐỒNG TÍNH THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ CỘNG HÒA PHÁP VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN KẾT HÔN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG GIỚI TÍNH

Lê Bá Trường
Trần Thị Hương*

Tóm tắt: Trong thời đại hiện nay với sự phát triển của khoa học công nghệ 4.0 đã góp phần giúp các quốc gia trên thế giới xích lại gần nhau hơn. Xu thế hội nhập và phát triển đang ngày càng được chú trọng hơn. Để đảm bảo các quyền con người nói chung, trong đó có quyền hôn nhân và gia đình nói riêng trên thế giới đã có nhiều quốc gia thừa nhận kết hôn đồng tính là hợp pháp và được quy định trong các văn bản pháp luật. Trong đó, Cộng hòa Pháp là một trong những nước đã công nhận kết hôn đồng tính là hợp pháp và đã có quy định trong Bộ luật dân sự Pháp. Ở Việt Nam hiện nay, kết hôn đồng tính không được Nhà nước thừa nhận mặc dù trong Hiến Pháp nước ta có quy định “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” (khoản 2 Điều 16 Hiến pháp 2013). Trong bài viết, nhóm tác giả đã nghiên cứu các vấn đề pháp lý về kết hôn đồng tính ở Cộng hòa Pháp và đưa ra một số ưu nhược điểm của các quy định này. Đồng thời, đưa ra một số kinh nghiệm cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền kết hôn của những người có cùng giới tính.

Từ khóa: Kết hôn đồng tính, người có cùng giới tính, hôn nhân và gia đình.

1. Đặt vấn đề

Hôn nhân đồng tính còn là vấn đề mới trên thế giới mà sự tồn tại của nó đã có tính lịch sử. Vấn đề bảo vệ quyền của người đồng tính đang thực sự là mối quan tâm, lo ngại của các quốc gia trên thế giới. Trong đó, quyền được kết hôn là một quyền đặc biệt, ảnh hưởng lớn đến quyền con người của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Hôn nhân đồng tính đã trở thành một trong những vấn đề chính sách xã hội gây tranh cãi nhất trong thời đại hiện nay. Các cuộc tranh luận về quyền cho cộng đồng người đồng tính đã diễn ra trong nhiều thập kỷ và gần đây, hôn nhân đồng tính đã trở thành nội dung dẫn đầu chương trình nghị sự xã hội ở nhiều nước châu Âu và châu Mỹ. Một trong những nước có sự thay đổi chính sách đáng chú ý về hôn nhân đồng tính là Cộng hòa Pháp và các chính sách của quốc gia này có thể gợi mở các ý tưởng, kinh nghiệm cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về quyền kết hôn của những người có cùng giới tính tại Việt Nam.

* Sinh viên lớp K44D, ngành Luật, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: lebatruong.lbt@gmail.com; tran35778@gmail.com;

2. Pháp luật dân sự nước Cộng hoà Pháp về kết hôn đồng tính

2.1. Quy định về vấn đề hôn nhân đồng tính ở Cộng hòa Pháp trước khi luật về hôn nhân đối với những người cùng giới tính được thông qua

Cộng hòa Pháp, là một quốc gia lớn thứ ba ở Châu Âu và là nước có nền lập pháp lâu đời, trong đó có Tuyên ngôn nhân quyền năm 1789. Trải qua bề dày lịch sử hàng trăm năm bản Tuyên ngôn này vẫn còn nguyên giá trị pháp lý của nó. Qua đó, những giá trị pháp lý cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, tại quốc gia này lại việc công nhận kết hôn đồng tính lại gặp nhiều trắc trở bởi rất nhiều cuộc đấu tranh. Trong đó có những cuộc đấu tranh cho hôn nhân đồng tính và bên cạnh đó cũng không ít những cuộc biểu tình phản đối hôn nhân đồng tính đã khiến tình hình chính trị tại Pháp trở nên căng thẳng.

Ở Pháp vào năm 1985, Quốc hội đã thông qua đạo luật cấm phân biệt đối xử với người đồng tính trong công việc, vấn đề nhà ở, cung cấp các hàng hóa, dịch vụ công và tư. Ngày 30-12-2004, luật về chống phân biệt đối xử và bình đẳng được ban hành, trong đó các Điều 20, 21 tại Mục 3 bổ sung thêm một số hành vi vi phạm pháp luật quy định ở Luật ngày 29-7-1881 bao gồm: hành vi gây tổn thương, lăng mạ, xúc phạm, xúi giục việc thù ghét hay bạo động hoặc kỳ thị một người, nhóm người vì giới tính, xu hướng tính dục hoặc bệnh tật của họ. Các hành vi tấn công, giết hại các nạn nhân đồng tính luyến ái sẽ bị xử phạt tùy theo mức độ. Người đồng tính được quyền quan hệ tình dục khi 15 tuổi, được gia nhập quân đội và hưởng hầu hết các quyền dân sự, kinh tế, chính trị khác giống như người dị tính. Pháp luật Pháp không thừa nhận kết hôn đồng giới nhưng cho phép các cặp đôi này chung sống dưới hình thức đối tác chung nhà, được thông qua vào năm 1999. Các cặp đôi này được pháp luật bảo vệ, hưởng các quyền và nghĩa vụ như những cặp dị tính kết hôn khác. Họ được phép nuôi con của một trong hai người với một người khác giới trước đó nhưng không được quyền nhận nuôi con nuôi và thụ tinh nhân tạo. Ngày 23/4, Hạ viện Pháp đã thông qua Luật thừa nhận kết hôn đồng tính và nhận con nuôi của những cặp đồng tính. Trước đó, Thượng viện Pháp cũng đã thông qua Luật này. Luật này chỉ đợi Tổng thống Francois Hollande phê chuẩn.

Tổng thống Francois Hollande từ năm 2012 đã cam kết thực hiện việc hợp pháp hóa kết hôn đồng tính. Nhưng ở một quốc gia với hơn nửa dân số theo Thiên Chúa giáo như Pháp, thì vấn đề kết hôn đồng tính vấp phải sự phản đối mạnh mẽ. Đây cũng là lý do chính khiến những cuộc biểu tình phản đối kết hôn đồng tính thường xuyên xảy ra tại Pháp. Một số người quá khích đã dùng cả súng để đe dọa những người đồng tính.

2.2. Sự công nhận hôn nhân đồng tính trước khi luật về hôn nhân đối với những người cùng giới tính được thông qua

Trước khi luật về hôn nhân đối với những người cùng giới tính được thông qua quan hệ của các cặp đôi đồng tính đã được một số địa phương của Pháp đã được công nhận như hôn lễ được công khai bởi Phó Thị trưởng Bègles vào ngày 5 tháng 6 năm 2004 cho hai người đồng tính tại địa phương này. Tuy nhiên sự công nhận này đã bị hủy bỏ và đưa ra phán quyết vào ngày 13 tháng 3 năm 2007, trong đó tòa giám

độc thẩm đã nhận định “theo luật của Pháp, hôn nhân là sự kết hợp của một người nam và một người nữ”.

Sau trường hợp này, Hội đồng Hiến pháp đã được đặt một câu hỏi ưu tiên về tính hợp hiến. Theo quyết định ngày 28 tháng 1 năm 2011, ông cho rằng chỉ có nhà lập pháp, áp dụng điều 34 của Hiến pháp quy định rằng luật đưa ra các quy tắc liên quan đến “địa vị và năng lực của con người, chế độ hôn nhân, kế vị và quà tặng”, mới có thẩm quyền thông qua quy định về vấn đề hôn nhân đồng giới. Việc khẳng định thẩm quyền độc quyền của nhà lập pháp cũng bắt nguồn từ Điều 9 của Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh Châu Âu, có hiệu lực từ năm 2009, trong đó quy định rõ ràng rằng “quyền kết hôn và quyền lập gia đình được đảm bảo theo luật quốc gia điều chỉnh việc thực hiện của họ”.

Mặc dù không có giá trị pháp lý nhưng quyết định cho phép kết hôn đồng tính của Phó Thị trưởng Bègles là sự thừa nhận về mặt quản lý hành chính của chính quyền địa phương đối với các cặp đồng tính sống chung như vợ chồng. Đây được xem là một sự công nhận quan trọng và là một viên gạch nền tảng để Pháp tiến gần hơn đến chính thức hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính vào năm 2013.

2.3. Luật về hôn nhân đối với những người cùng giới tính được thông qua

Theo quy định cũ của pháp luật dân sự Pháp thì “nam và nữ không được kết hôn khi chưa đủ mười tám tuổi”. Theo tinh thần của Bộ luật Dân sự năm 1804, ngay từ khi soạn thảo điều này, bản chất một vợ một chồng và sự khác biệt về giới tính của vợ, chồng được coi là điều kiện tự thân của hôn nhân. Kể từ đó, rất nhiều nỗ lực của nhà cầm quyền Pháp về thay đổi quan niệm về hôn nhân đồng tính nhưng không được chấp nhận bởi vì theo luật của Pháp, hôn nhân là sự kết hợp của một người nam và một người nữ. Tuy nhiên, sau này trong quá trình lập pháp các nhà lập pháp ở Pháp đã đưa ra ý kiến rằng phải xây dựng các điều luật liên quan đến hôn nhân của những người có cùng giới tính để phù hợp với quy định của Hiến pháp. Do đó, Bộ luật dân sự pháp đã có quy định mới theo đó: “Hai người khác giới tính hoặc hai người cùng giới tính có thể kết hôn”. Như vậy, theo quy định mới này thì đã mở ra thể chế kết hôn cho những người có cùng giới tính.

Về điều kiện hình thành hôn nhân giống hệt nhau cho tất cả các cặp vợ chồng. Trong đó, độ tuổi hợp pháp tối thiểu để ký hợp đồng kết hôn vẫn được quy định bởi Điều 144 của bộ luật dân sự là mười tám tuổi, trừ khi công tố viên công khai phê chuẩn vì những lý do nghiêm trọng (Điều 145). Điều kiện liên quan đến sự đồng ý của vợ hoặc chồng, được quy định trong Điều 146 của Bộ luật dân sự, không cần sự can thiệp của nhà lập pháp, bởi vì nó đã được hình thành theo những điều kiện trung lập: “Không được phép kết hôn nếu không có sự tự nguyện”.

Điều tương tự đối với quy tắc ấn định sự cản trở hôn nhân vì thói trăng hoa, Điều 147 của bộ luật chỉ quy định rằng “Một người không thể xác lập hôn nhân thứ hai trước khi chấm dứt hôn nhân thứ nhất”. Mặt khác, văn bản điều chỉnh một số điều khoản liên quan đến những trở ngại đối với hôn nhân liên quan đến quan hệ họ hàng hoặc liên minh để mở rộng việc cấm loạn luân đối với các cặp đồng tính. Điều 161 bộ luật dân sự cấm kết hôn giữa tất cả con cháu và những người thuộc cùng một

dòng họ. Điều 162 cấm kết hôn giữa anh em với chị em, giữa các anh em, và giữa các chị em. Ngoài ra, nghiêm cấm việc kết hôn giữa chú, bác trai và cháu gái hoặc cháu trai; giữa cô, bác gái và cháu trai hoặc cháu gái (Điều 163). Tuy nhiên, Điều 164 quy định rằng Tổng thống vì những lý do nghiêm trọng có thể dỡ bỏ lệnh cấm kết hôn giữa những người trực hệ.

Ngoài ra, Bộ Luật Dân sự Pháp còn quy định về nhận con nuôi của các cặp vợ chồng đồng tính. Nếu, trong các vấn đề quan hệ vợ chồng và không phải phụ nữ, lợi ích của tất cả các quyền và nghĩa vụ vốn có trong hôn nhân được mở cho các cặp đồng tính bằng cách duy nhất tiếp cận hôn nhân, trong các vấn đề liên quan, quyền lợi này chỉ giới hạn trong việc nhận con nuôi chung, không bao gồm các trường hợp khác các phương pháp thiết lập quyền lực của người mẹ hoặc người cha. Và cuối cùng là các quy định về giải quyết xung đột pháp luật đối với các hôn nhân đồng tính. Theo đó, một số người nước ngoài sẽ không được cưới bạn đời của họ nếu có thỏa thuận song phương ký kết giữa Pháp và quốc gia mà họ mang quốc tịch, trong đó quy định các điều kiện kết hôn do từng quốc gia quy định (Ba Lan, Algeria, Tunisia, Morocco - nước cộng hòa thuộc Nam Tư cũ, Campuchia và Lào) . Luật mới cũng quy định thêm các vấn đề liên quan đến công nhận hôn nhân cùng giới ở các nước thuộc Liên minh châu Âu, việc cấp visa xin thị thực đối với các cặp đôi đồng tính

Tuy nhiên, luật vẫn còn nhiều hạn chế như về phía hỗ trợ sinh sản (hoặc PMA) về mặt y tế, nó chỉ liên quan đến các cặp vợ chồng hiếm muộn hoặc không thể có con mà không gặp nguy hiểm. Luật về hôn nhân đối với những người cùng giới tính đã không thay đổi điều này, mặc dù chính phủ đã đặt vấn đề mở PMA cho các cặp đồng tính nữ. Do đó, nó chỉ được phép cho các cặp đồng tính luyến ái, một phụ nữ độc thân cũng không thể dùng đến PMA. Việc mang thai hộ thường bị cấm ở Pháp, cho dù cặp vợ chồng là dị tính hay đồng tính luyến ái.

Pháp luật hôn nhân đồng tính của Cộng Hòa Pháp, dù chưa thực sự mang lại một vị trí pháp lý cao cho các cặp đôi đồng tính trong tương quan với các cặp kết hôn dị tính, nhưng vẫn có giá trị đáng tham khảo cho Việt Nam. Bởi cũng như Pháp, xã hội Việt Nam vẫn còn nhiều tiếng nói phản đối khi đưa hôn nhân đồng tính ra bàn luận và vận động hợp pháp hóa. Vì thế, việc nghiên cứu ban hành các quy định pháp luật tương tự ở Việt Nam có thể xem là một giải pháp trong ngắn hạn và mang tầm quan trọng đối với xã hội Việt Nam hiện nay.

3. Một số kinh nghiệm cho việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền kết hôn của những người có cùng giới tính

Ở Việt Nam hiện nay vấn đề hôn nhân giữa những người có cùng giới tính chịu nhiều sự tác động từ văn hóa, chính trị, xã hội... Với bối cảnh xã hội con người còn mang nặng tư tưởng phong kiến xưa về quan niệm hôn nhân, hôn nhân cùng giới còn chịu nhiều sự kỳ thị của xã hội. Đối với quan niệm của Việt Nam xuất phát từ nhiều quan điểm truyền thống của nhiều người nên không chấp nhận người đồng tính. Mặc dù trong xã hội hiện nay có cái nhìn tích cực hơn về người đồng tính nhưng vẫn chưa ủng hộ họ có quyền đầy đủ như người dị tính .

Người đồng tính với những đặc điểm riêng về sự hấp dẫn tình dục, quan hệ tình cảm là đối tượng thường xuyên chịu những tác động tiêu cực từ những phân biệt đối xử, định kiến và kỳ thị dựa trên xu hướng tình dục đặc biệt của mình. Nhu cầu thay đổi quan niệm về gia đình và kết hôn ở Việt Nam là chính đáng. Nhiều người quan niệm hôn nhân cùng giới có thể làm xói mòn giá trị của hôn nhân truyền thống. Tuy nhiên, với thời đại hội nhập hiện nay, cùng với các phương tiện truyền thông như báo chí, game show... con người ngày càng có một cái nhìn khách quan hơn và ngày càng có nhiều người cảm thông hơn về hôn nhân cùng giới tính. Chính vì vậy, những người trong quan hệ hôn nhân cùng giới họ cũng muốn được sống một cuộc sống hôn nhân được pháp luật ghi nhận nhằm thực hiện quyền cũng như bảo vệ các quyền lợi của mình. Do đó, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, tuy pháp luật về kết hôn đồng tính ở Pháp chưa thật sự mang lại giá trị pháp lý cao. Tuy nhiên, nó cũng đã giải quyết được phần nào về hôn nhân cho những người đồng tính. Đây là một điểm mà chúng ta nên ghi nhận và sửa đổi pháp luật cho phù hợp với xu thế, chẳng hạn như các quy định về kết hôn đồng tính, quy định về nhận nuôi con nuôi của các cặp đồng tính, quy định về sinh sản,... Để làm được điều này, Quốc hội cần xây dựng các điều luật hoặc sửa đổi các luật liên quan như Pháp đã làm. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật này cần phải dự liệu những vấn đề như: tài sản chung phát sinh trong thời kỳ chung sống giữa hai người đồng tính. Khi họ không chung sống nữa, khối tài sản đã tạo lập trong thời gian đã chung sống sẽ phân chia thế nào? Vấn đề hai người đồng tính cùng nhận con nuôi thì cả hai có được cùng đứng tên là bố, hoặc cùng đứng tên là mẹ nuôi của đứa trẻ không? Vấn đề khi một người qua đời mà không để lại di chúc thì người kia có quyền hưởng thừa kế tài sản như quyền thừa kế của vợ, chồng?...

Thứ hai, hiện nay pháp luật “không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”, đây là một quy định mang tính định tính, nửa vời không rõ ràng. Với quy định này, vô tình pháp luật đã đẩy hôn nhân đồng tính ra ngoài pháp luật; việc giải quyết hậu quả hôn nhân giữa những người có cùng giới tính sẽ khó khăn hơn, vì pháp luật không cấm nên trên thực tế sẽ tồn tại mối quan hệ hôn nhân cùng giới sống chung với nhau như vợ chồng nhưng khi xảy ra tranh chấp lại xử lý theo Bộ luật Dân sự, không có quy phạm điều chỉnh phù hợp, dẫn đến nhiều hậu quả xảy ra như nhân thân, con cái, tài sản...

Thứ ba, theo quy định của Hiến pháp thì “Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội” chính vì vậy cần công nhận hôn nhân cùng giới tính. Điều này giúp đảm bảo các quyền con người theo Hiến pháp và cũng đảm bảo các quyền con người quy định trong Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc không thừa nhận hôn nhân cùng giới tính sẽ trái với nguyên tắc tự nguyện trong kết hôn, kết hôn là quyền chứ không phải là nghĩa vụ. Tuy nhiên, cũng cần phải cân nhắc trong việc công nhận vào thời điểm thích hợp tránh gây tranh cãi trong xã hội. Bên cạnh đó hôn nhân cùng giới tính phải được quy định trong pháp luật. Quan hệ hôn nhân cùng giới tính đã tồn tại, tất yếu phải cần có pháp luật điều chỉnh để điều chỉnh mối quan hệ đó trong xã hội theo khuôn khổ của pháp luật, cũng

như có thể thực hiện tốt công tác quản lý của Nhà nước, có thể giải quyết các mâu thuẫn hôn nhân này một cách khách quan, tốt nhất .

4. Kết luận

Hôn nhân giữa những người cùng giới tính đang là vấn đề nóng đang được xã hội quan tâm. Cộng hòa Pháp là một trong những quốc gia trên thế giới cho phép các cặp đồng tính kết hôn, những chính sách về xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ trong đó các quyền được đảm bảo và thực thi đối với những người có cùng giới tính. Từ những điều đó, Việt Nam rút ra được những kinh nghiệm để trong tương lai việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính cần được tiến hành song song với các hoạt động đánh giá tác động và nâng cao nhận thức để xã hội hiểu và đón nhận. Chúng ta phải linh hoạt để thích nghi với sự thay đổi hằng ngày của xã hội, cần phát triển đồng bộ về mọi mặt kinh tế – xã hội – văn hóa – giáo dục và phát triển cả tư duy, suy nghĩ của mình. Xã hội sẽ chấp nhận hôn nhân giữa những người có cùng giới chỉ khi pháp luật tiên phong thừa nhận. Điều quan trọng cuối cùng là hôn nhân giữa những người cùng giới tính cần phải được chấp nhận, pháp luật phải đảm bảo sự bình đẳng cũng như quyền của tất cả công dân và pháp luật Việt Nam cần phải công nhận hôn nhân giữa những người có cùng giới tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
2. Bộ Luật Dân sự nước Cộng Hòa Pháp, Phạm Thị Liên Hương (2018), bản dịch Bộ Luật Dân sự pháp;
3. Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
4. Luật 2013-404 về hôn nhân đối với những người cùng giới tính, Quốc hội nước Cộng Hòa Pháp;
5. PACS: Đạo luật chung sống giữa những người trưởng thành trong pháp luật Cộng hòa Pháp;
6. Quyết định số 2010-92 QPC ngày 28 tháng 1 năm 2011;
7. Nguyễn Thị Hoa Lý, Đinh Thị Thùy (2022), Hôn nhân đồng giới và giải quyết tranh chấp, Tạp chí Tòa án nhân dân;
8. Hoàng Thảo Anh, Trần Thị Diệu Hà (2020), Quá trình công nhận hôn nhân đồng tính ở Đài Loan và một số định hướng cho Việt Nam, trường Đại học Luật – Đại học Huế;
9. Ngô Thị Thanh Thúy (2014), Kết hôn đồng giới theo pháp luật một số quốc gia, Hà Nội;
10. Trương Hồng Quang (2014), Thực tiễn ghi nhận quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính trên thế giới, <http://moj.gov.vn/ct/tintuc>, truy cập ngày 29/9/2022;

11. Nguyễn Thu Nam (2012), "Xu hướng tác động của hôn nhân cùng giới: Xu hướng thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn>, truy cập ngày 29/9/2022.

12. Lê Quang Bình (2012), "Hôn nhân cùng giới: xu hướng thế giới, tác động xã hội và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", Tọa đàm chuyên gia: Lồng ghép vấn đề giới trong dự án luật, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội tổ chức ngày 08/10/2012, Hà Nội;

13. <https://www.vie-publique.fr/eclairage/24161-du-mariage-civil-au-mariage-pour-tous-deux-siecles-devolution>, truy cập ngày 14/9/2022;

14. <https://www.loc.gov/item/global-legal-monitor/2013-02-07/france-provision-on-same-sex-marriage-approved-by-legislature/>, truy cập ngày 15/9/2022;

15. <https://www.senat.fr/rap/112-437-1/112-437-113.html>, truy cập ngày 16/9/2022;

16. <https://www.isee.org.vn/hoat-dong/quan-diem-xa-hoi-ve-hon-nhan-dong-tinh>, truy cập ngày 29/9/2022;